

MÃI MÃI LÀ BÍ ẨN

NHIỀU TÁC GIẢ

TẬP
13



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

MÃI MÃI LÀ BÍ ẨN

MÃI MÃI LÀ BÍ ẨN

(Tập 13)

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

B51 - Lô 2 - Mỹ Đình 1 - Hà Nội - Việt Nam

Tel: (04) 62872617 - (04) 62872348 - Fax: (04) 62871730

Email: nxbthoidai@nxbthoidai.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Số 1101 Trần Hưng Đạo - P.5 - Q.5 - TP. Hồ Chí Minh

Tel: (08) 39225769 - Fax: (08) 39225770

E-mail: chinhanhhcm@nxbthoidai.vn - website: <http://nxbthoidai.vn>

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc: VŨ VĂN HỢP

Chịu trách nhiệm nội dung

Phó giám đốc: NGUYỄN THANH

Biên tập NXB: KHÁNH HOÀI

Vẽ bìa: BÙI NAM

Trình bày: VĂN CHƯƠNG

Sửa bản in: KHÁNH HOÀI

Mã ISBN: 978-604-942-049-8

In 1000 cuốn. Khổ 13 x 20,5cm. Tại Cty TNHH MTV in Báo Nhân Dân D20/532 P Ấp 4 xã Phong Phú. H. Bình Chánh.

Giấy đăng ký KHXB số: 391-2014/CXB/12-14/TĐ

Quyết định xuất bản số: 225/QĐ-NXBTD/CN80 cấp ngày 10/03/2014

In xong và nộp lưu chiểu quý 1 năm 2014.

NHIỀU TÁC GIẢ
Sưu tầm và biên soạn

MÃI MÃI LÀ BÍ ẨN

(Tập 13)



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

CHUYỆN LẠ VỀ NHỮNG QUẢ BÓNG BẰNG ĐÁ 12 NGHÌN NĂM TUỔI

TRONG NHIỀU THẬP KỈ QUA CÁC NHÀ KHOA
HỌC ĐÃ CỐ GẮNG TÌM HIỂU VỀ NGUỒN GỐC
CỦA CÁC QUẢ BÓNG BẰNG ĐÁ NẸM RẢI
RÁC TRÊN KHẮP THẾ GIỚI TỪ FRANS JOSEF
LAND ĐẾN NEW ZEALAND.



*Số lượng bóng bằng đá này nằm nhiều nhất
ở Costa Rica, khoảng 300 quả.*

Số lượng bóng bằng đá này nằm nhiều nhất ở Costa Rika, khoảng 300 quả. Độ tuổi của nó ước tính khoảng 12 nghìn năm.

Các nhà khoa học phát hiện ra rằng hầu hết chúng được làm từ dung nham rắn, thậm chí có quả được làm từ đá trầm tích. Những quả bóng này được gia công bằng nhiệt - làm nóng hoặc làm lạnh nhiều lần để lớp trên cùng trở nên mềm dẻo.

Hiện, rất nhiều quả bóng bị ăn trộm, phá hủy, hoặc bị nổ bởi những người tìm kiếm chúng cho rằng trong đó có vàng được giấu. Thậm chí các nhà khoa học còn khẳng định rằng, ở Trung Mỹ các nhà quý tộc đặt chúng trước cửa nhà mình để khẳng định đẳng cấp của họ. Tuy nhiên để giải thích được công dụng của các quả bóng ở New Zealand hay Frans Josef Land là điều rất khó.

BÍ ẨN HỒ XƯƠNG NGƯỜI KHÔNG LỖ TRÊN ĐỈNH HIMALAYA

MỖI NĂM MỘT LẦN, KHI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI
LÀM TAN CHẢY LỚP BĂNG GIÁ BAO PHỦ TRÊN
MẶT HỒ ROOPKUND, THUỘC ĐỈNH HIMALAYA,
THÌ HÀNG TRĂM BỘ XƯƠNG NGƯỜI LẠI HIỆN
RA, NGỔNG NGANG GIỮA LÒNG HỒ.



HỒ XƯƠNG KHỔNG LỒ TRÊN NÓC NHÀ THẾ GIỚI

Hồ Roopkund là một địa điểm du lịch đẹp với phong cảnh như tranh vẽ, nằm ở độ cao hơn 5000m so với mực nước biển trên đỉnh Himalaya, thuộc phần lãnh thổ của đất nước Ấn Độ. Phần lớn thời gian trong năm, hồ được bao phủ bởi màn băng tuyết trắng xóa và lạnh giá. Chỉ có thời gian ngắn vào mùa xuân hàng năm, hồ được thay áo và để lộ “lớp da thịt” của mình.

Và ở chính thời điểm đó, người ta đã khám phá ra một bí ẩn lớn, đầy kì lạ của hồ Roopkund. Đó là vào năm 1942, khi các nhân viên kiểm lâm miền Bắc Ấn Độ lên đến hồ Roopkund vào thời điểm băng tuyết tan, đã tình cờ phát hiện ra hơn 200 bộ xương người ở một góc lòng hồ. Hầu hết các bộ xương người này đều còn nguyên vẹn. Sau đó, người ta tiếp tục tiến hành xem xét và đếm thì phát hiện ra rằng có tới hơn 800 bộ xương người với nhiều kích cỡ khác nhau trong lòng hồ Roopkund.

Ngay lập tức, tin này được lan truyền và gây chấn động trên toàn thế giới. Bởi hồ Roopkund vốn nằm ở độ cao hơn 5000m, không có người sinh sống nên việc có một hồ xương khổng lồ giữa mênh mông đất trời quả thật là một điều rất đáng kinh ngạc. Không những vậy, hầu hết thời gian trong năm hồ đều bị bao phủ bằng băng tuyết nên cảnh tượng về các bộ xương chỉ hiện ra một lần, khiến cho sức hút về sự bí ẩn của nó càng trở nên lớn hơn.

Xung quanh hồ xương khổng lồ là những truyền thuyết đầy huyền bí. Một trong số đó kể lại rằng vào thời xa xưa, Vua nước Kannaji cùng Hoàng hậu, con cái và cận thần của mình kéo nhau lên núi Himalaya để mở tiệc ăn uống linh đình. Việc mở tiệc ăn uống của nhà Vua và các cận thần đã xúc phạm đến nữ thần Nandadevi vì đỉnh núi Himalaya vốn là nơi linh thiêng, không được hưởng lạc. Tức giận trước những hành vi phạm vào điều cấm của vùng đất thiêng nên nữ thần Nandadevi đã cho hóa phép một trận mưa đá rất lớn, đổ ngay xuống bữa tiệc của vị vua hỗn xược kia.

Trận mưa đá đó đã giết chết hết mọi người trong bữa tiệc rồi vùi chôn xác họ trong hồ Roopkund, qua hàng ngàn năm mà còn lại những bộ xương này. Trước thông tin về một hồ xương khổng lồ trên đỉnh Himalaya huyền thoại cùng với sức hút của câu chuyện truyền thuyết, các nhà khoa học cũng như những người ưa khám phá mạo hiểm, bắt đầu lần về hồ Roopkund để tìm ra câu chuyện đằng sau hồ xương khổng lồ trên đỉnh của nóc nhà thế giới này.

KHÁM PHÁ CỦA CÁC NHÀ KHOA HỌC

Do điều kiện nghiên cứu vô cùng khó khăn và phức tạp nên hầu như mọi hướng tiếp cận hồ xương khổng lồ mới dừng lại ở việc quan sát, khám phá hồ xương vào thời



điểm băng tuyết tan. Phải mãi tới năm 2003, các nhà khoa học thuộc khoa Khảo cổ, Học viện Deccancollege, Ấn Độ mới có thể phối hợp với các nhà khoa học Đức và Kênh Truyền hình Địa lý Quốc gia Mỹ cùng đến hồ xương người để tiến hành quay phim, nghiên cứu.

Ngay cả trong những ngày tiến hành quay phim này, thời tiết cũng diễn ra vô cùng khắc nghiệt, ảnh hưởng đến tiến độ công việc, thậm chí, nguy hiểm cả đến tính mạng của những người tham gia công việc nghiên cứu.

Ở độ cao hơn 5000m so với mực nước biển, khí hậu trên hồ Roopkund biến đổi vô cùng thất thường với mưa, gió liên tục. Thêm vào đó, không khí loãng gây khó thở cũng tác động nghiêm trọng đến sức khỏe của

những nhà khoa học. Sau khi đã quay phim và thu nhặt xương để nghiên cứu vào năm 2003 nhưng cũng phải mãi đến cuối năm 2007, khi sử dụng các phương tiện hiện đại nhất để phân tích, những bí ẩn của hồ xương khổng lồ mới dần dần phát lộ.

Sau khi khảo sát kỹ các bộ xương người, các nhà khoa học phát hiện có một số vòng đeo tay bằng thủy tinh, nhẫn, hài bằng da và gậy trúc, không có vũ khí quân đội. Ngoài ra, khi kiểm tra thi thể tại hiện trường, các nhà nghiên cứu nhận thấy rằng ở phía trên đầu các hài cốt này đều có một vết nứt khá sâu. Những vết thương chí mạng này không phải do lở núi hay lở tuyết gây ra mà là do vật thể hình tròn như quả cầu lông đánh trúng. Các vết thương này đều nằm trên đỉnh đầu của nạn nhân.

Ở các vùng xương khác trên cơ thể không có vết thương này. Từ đó, các nhà khoa học dự đoán bước đầu rằng, hơn 800 người đã chôn xác dưới hồ Roopkund có thể đã chết do một trận mưa đá lớn, bất ngờ xảy đến khiến họ không kịp tìm chỗ ẩn nấp. Thế nhưng, câu hỏi lại được đặt ra là hơn 800 người đó là ai, tại sao lại lên vùng núi cao hiểm trở này và để phải hứng chịu cái chết từ trận mưa đá khủng khiếp đó?

Trong 31 bộ xương người còn thấy đầu tóc, móng tay chân được đưa về Trung tâm Phân tử sinh vật học



Hyderabad, Ấn Độ để kiểm nghiệm và chọn những mẫu xương, thịt để xét nghiệm AND thì các nhà khoa học phát hiện ra một đặc điểm rất kì lạ đó là trên đầu của những người này đều có một miếng xương nhô ra ngoài trán. Theo đó, các nhà khoa học xác định những người này là cư dân thuộc vùng Maharashtra, miền trung nam Ấn Độ.

Phân tích tiếp, các nhà khoa học lại phát hiện trong 31 bộ xương có 3 mẫu có chuỗi xoắn gen ADN đột biến rất kỳ lạ chưa từng thấy ở các nơi khác trên thế giới mà chỉ xuất hiện ở nhóm người di dân ở Maharashtra. Ba mẫu này đột biến hoàn toàn giống nhau chứng tỏ ba người này là cùng một gia đình và đều là dân cư vùng

Maharashtra, Ấn Độ. Vậy là nhóm người trên có quan hệ huyết thống với nhau. Thêm vào đó, trong 800 bộ xương nằm dưới lòng hồ, các nhà nghiên cứu phát hiện ra rằng chúng được chia ra làm 2 nhóm chính. Một nhóm với nhiều bộ xương hơn có khung xương khá to, cho thấy cơ thể của những người này thuộc vào dạng cường tráng.

Một nhóm khác có hệ xương nhỏ hơn. Nhóm này có ít bộ xương hơn. Tổng hợp tất cả những phân tích, các nhà khoa học đi đến tổng kết rằng: Hơn 800 người nằm dưới lòng hồ Roopkund là những người Ấn Độ di cư hành hương lên hồ Roopkund. Những người có dáng vóc nhỏ hơn có thể là các cư dân sống xung quanh đó và là người hướng dẫn cho nhóm hành hương này.

Về nguyên nhân cái chết của hơn 800 người này thì các nhà khoa học cho rằng họ không hề bị nhiễm bệnh mà tử vong cùng một lúc. Có thể, một cơn mưa đá với tốc độ vô cùng lớn (có thể là hơn 160km/h) đã bất ngờ xảy đến khiến cho những người này không kịp tìm chỗ ẩn nấp và bị chết. Một số ít trong số họ bị thương và sau đó bị chết vì đói, rét.

Thời gian của trận mưa đá này xảy ra là vào khoảng năm 850, tức là cách đây hơn 1000 năm. Việc những bộ xương này còn nguyên là do sự bảo quản của băng tuyết trong nền nhiệt thấp của vùng hồ Roopkund.

Việc xảy ra trận mưa đá có tốc độ lớn gây chết hàng trăm người là điều hoàn toàn có thể diễn ra vì trong sách Kỷ lục Guinness thế giới có ghi, năm 1986 ở Bangladesh từng xảy ra một trận mưa đá kinh hoàng, hạt mưa đá nặng đến 1kg, gây ra cái chết cho 92 người. Do vậy, các nhà khoa học tin rằng rất có thể, một trận mưa đá với tốc độ lớn tương tự đã xảy ra trước đó, nhất là ở vùng núi cao của đỉnh Himalaya.

Mặc dù, bí mật của hồ xương khổng lồ trên đỉnh nóc nhà thế giới đã được các nhà khoa học lí giải nhưng sức hút của hồ xương khổng lồ thì vẫn không dừng tại đó. Không những vậy, việc hồ xương Roopkund chỉ xuất hiện một năm một lần nên nó càng trở nên lôi cuốn hơn cho những ai muốn khám phá và chứng kiến hồ xương có một không hai trên thế giới này. Là chốn linh thiêng mà hàng trăm người đã phải chịu một cái chết thảm khốc vì thiên tai nên nơi đây cũng được xem là nơi cầu nguyện của rất nhiều người.

Bản thân các nhà khoa học, sau khi tiến hành nghiên cứu xong cũng trả các bộ xương về với lòng hồ Roopkund để chúng có thể sống tiếp trong vai trò chứng nhân lịch sử của mình. Ngày nay, hàng năm, cứ đến hẹn lại lên, khi lớp băng giá bao phủ trên hồ tan ra là thời điểm hàng trăm, hàng nghìn khách du lịch mạo hiểm tới tham quan. Và đó cũng là lúc hàng trăm tín đồ tôn giáo, tụ tập về đây để cầu nguyện.

NHỮNG CÁI CHẾT TRÙNG HỢP ĐẾN ĐÁNG SỢ

CHO TỚI NAY, VẪN KHÔNG AI CÓ THỂ BIẾT
ĐƯỢC LÝ DO TẠI SAO LẠI XẢY RA NHỮNG SỰ
TRÙNG HỢP NGẪU NHIÊN ĐẾN VẬY.

1. ĐẾN CHẾT VẪN BỊ SÉT ĐÁNH

Thiếu tá Summerford là một sĩ quan thuộc quân đội Anh. Tháng 2/1918, khi đang ở Flanders, Bỉ, ông bị một tia sét đánh trúng khiến người bị liệt từ thắt lưng trở xuống. Đến năm 1924, khi ông chuyển tới Vancouver, Canada, thì một lần nữa các tia sét lại nhằm trúng ông mà đánh khi ông đang ở bờ sông. Hai năm sau, ông mất nhưng điều này không đồng nghĩa với việc ông thoát khỏi sự ám ảnh về sét. Bốn năm sau khi ông chết, ngôi mộ của ông bị phá hủy do sét đánh.

2. TỘI ÁC CỦA JEAN MARIE DUBBARRY

Nếu tên của bạn là Jean Marie Dubbarry và bạn là một người Pháp, bạn dễ có thể... gây tội ác? Ngày 13/2/



1746, một người Pháp tên là Jean Marie Dubarry bị xử tử vì tội giết cha của mình. 100 năm sau, một người Pháp khác cũng tên Jean Marie Dubarry, cũng bị xử tử vì thực hiện một tội ác tương tự vào ngày 13/2/1846. Thật là một sự trùng hợp không thể tin nổi.

3. CÁI CHẾT CỦA VUA UMBERTO

Vào ngày 28/6/1890, vua Umberto của Ý đã ăn tối tại một nhà hàng ở Monza, Ý. Tại đây, ông đã bị sốc khi biết rằng chủ nhà hàng trông giống hệt ông và cũng tên là Umberto. Đáng ngạc nhiên hơn, vợ của chủ nhà hàng lại cũng trùng với tên của nữ hoàng là Margherita. Ngoài



Trùng hợp nữa là cả vua Umberto và chủ nhà hàng đều sinh vào ngày 14/4/1844.

ra, nhà hàng còn được mở cùng ngày vua Umberto lên ngôi vua của Ý.

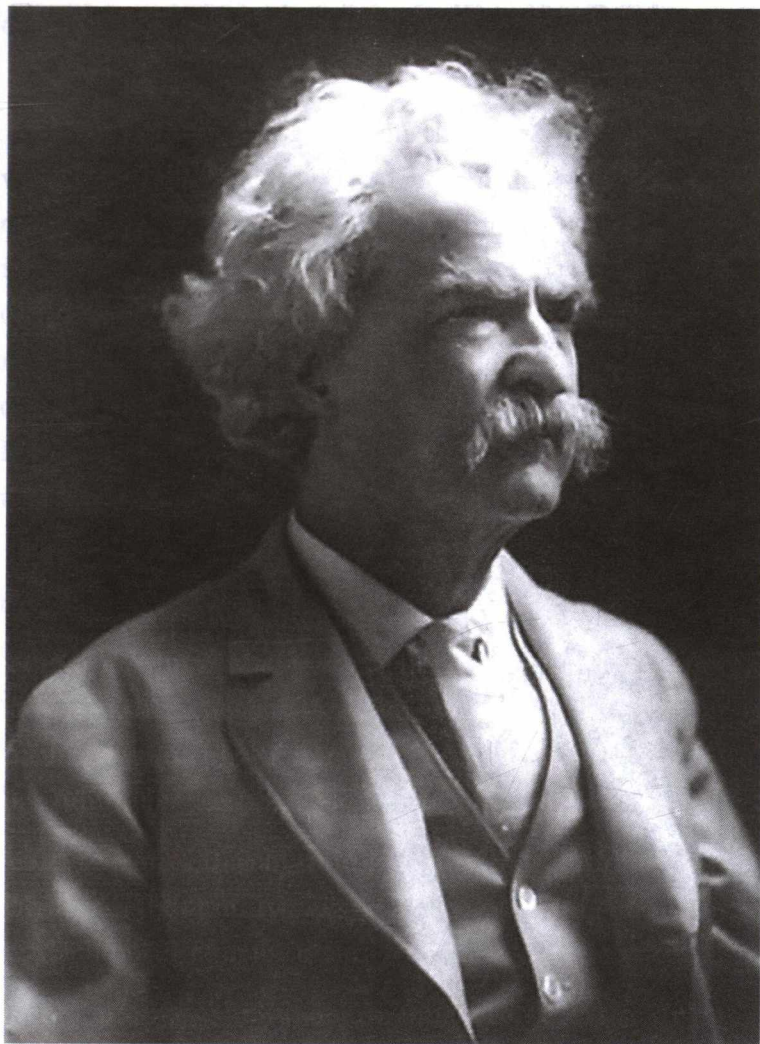
Đến ngày 29/7/1890, khi vua Umberto được thông báo rằng ông chủ nhà hàng đó đã qua đời trong một tai nạn bí ẩn thì vài giờ sau, nhà vua cũng bị ám sát bởi một kẻ trà trộn trong đám đông chỗ ông đứng.

4. BA THẾ HỆ TRONG MỘT GIA ĐÌNH ĐỀU CHẾT VÌ SÉT

Năm 1899, cảnh tượng một người đàn ông người Ý bất ngờ bị sét đánh chết ngay tại trung tâm quảng trường Taranto, Ý, khiến nhiều người bị sốc. 30 năm sau, con trai ông cũng bị chết một cách tương tự và ở cùng một vị trí với cha mình. Đến ngày 8/10/1949, cháu trai của người đàn ông đầu tiên và là con trai của người đàn ông thứ 2 cũng qua đời y hệt như thế.

5. MARK TWAIN VÀ SAO CHỖI HALLEY

Tiểu thuyết gia nổi tiếng Mark Twain sinh ngày 30/11/1835, cùng ngày sao chổi Halley xuất hiện và vào ngày 21/4/1910, ông qua đời, đây cũng là lần xuất hiện tiếp theo của ngôi sao này. “Cha đẻ của văn học Mỹ” đã nói rằng ông đến cùng với sao chổi Halley thì ông cũng sẽ ra đi cùng với nó. Và quả nhiên, điều đó đã trở thành sự thật.



Samuel Langhorne Clemens là tên thật của Mark Twain.



Morgan Robertson

6. THẨM HỌA KINH HOÀNG XẢY RA HẾT NHƯ MỘT CUỐN TIỂU THUYẾT

Năm 1898, một cuốn tiểu thuyết vô danh đã được viết bởi Morgan Robertson và nó chỉ được chú ý tới khi con tàu Titanic huyền thoại bị chìm vào năm 1911 vì người ta phát hiện ra những sự trùng hợp ngẫu nhiên đến kinh ngạc. Cuốn tiểu thuyết kể về chuyến đi của một chiếc tàu cao cấp xuyên đại dương tên là Titan và chịu số phận bi thảm hết như con tàu Titanic. Số lượng hành khách và xuống cứu sinh trong truyện đều tương tự như các con số ở thực tế.

Sau đó, Morgan Robertson còn viết một cuốn tiểu thuyết mang tên "Beyond the Spectrum" để mô tả cuộc chiến tranh trong tương lai với máy bay lớn và các vụ đánh bom. Về sau, quân đội Nhật Bản đã tuyên bố chiến tranh và tiến hành đánh bom trên đảo Hawaii với diễn biến hết như vậy.

BÍ ẨN CÁNҺ ĐỒNG "QUỶ" Ở TRUNG QUỐC

MỘT KHU RUỘNG BỎ HOANG Ở TỈNH QUỶ
CHÂU, TRUNG QUỐC BỔNG NHIÊN TỰ BỐC
CHÁY Ở NHỮNG NƠI NƯỚC RỈ RA. NGƯỜI
DÂN THẤY CÁC ĐỐM LỬA BẬP BÙNG CHO
LÀ MA TRỜI KHÔNG DÁM ĐẾN GẦN.



*Sau nhiều ngày sợ hãi, người dân đã dùng ngọn lửa xuất hiện
trên cánh đồng để sưởi ấm và đun nấu.*

Từ Quý Châu đô thị báo đã cho hay, cánh đồng bỏ hoang nằm ở địa phận huyện Tích Kim, tỉnh Quý Châu, Trung Quốc đột nhiên xuất hiện những con “*ma trôi bí hiểm*”. Ở những nơi nước từ dưới lòng đất phun lên khỏi mặt đất lập tức bốc cháy, tạo thành những đốm lửa bập bùng trong gió. Người dân địa phương cho rằng khu ruộng đã “*trúng tà*”, không dám lại gần.

Theo lời kể của người dân địa phương, cứ đến buổi tối là những ngọn lửa xuất hiện trên khu ruộng lại “*anh tối tôi sáng*”. Có lúc góc ruộng bên này lửa tắt thì bên kia lửa lại bùng lên dữ dội hơn.

Sau đó, khi người dân các thôn xung quanh kéo đến xem ngày một đông, nhiều người mới lấy được can đảm trở lại. Một số người dân đã tìm cách dùng nước để dập tắt những ngọn lửa. Tuy nhiên, chỉ sau khi bị dập tắt ít phút, ngọn lửa lại bùng lên.

Người dân nơi đây cũng cho biết, những con “*ma trôi bí hiểm*” này đã xuất hiện trên cánh đồng từ 9 tháng nay. Ban đầu người ta không dám lại gần, sau quen dần, nhiều người còn dùng chúng để sưởi ấm, đun nước, nấu cơm,...

Tuy nhiên, cho đến nay, người dân nơi đây vẫn không hiểu vì sao cánh đồng này có thể tự bốc cháy như vậy. Chính vì vậy, ngày càng có nhiều người dân ở khắp nơi



đổ về nơi đây để tận mắt nhìn thấy những “con ma trời bí hiểm”. Một số người khác lại cho rằng, hiện tượng này sinh ra là do những khí đốt được phun ra từ lòng đất theo các dòng nước.

Hiện tại, các chuyên gia và nhà khoa học vẫn phải tiếp tục nghiên cứu để tìm ra nguyên nhân thực sự của cánh đồng ma trời kỳ lạ này.

BÍ ẨN "THUNG LŨNG CHẾT" Ở MỸ

ĐIỀU KHÓ LÝ GIẢI NHẤT Ở "THUNG LŨNG
CHẾT" ĐÓ LÀ NHỮNG DẤU VẾT DI CHUYỂN
TỰ DO CỦA CÁC HÒN ĐÁ.



Ở “Thung lũng chết” hầu như quanh năm không có một giọt mưa và có tới 6 tuần trong năm nhiệt độ lên tới trên 40 độ C. Mỗi khi có mưa xuống, những nơi nóng rực sẽ có những lớp bùn đỏ trôi ra trông như núi lửa phun trào. Vì thế, nơi đây còn có tên gọi là “miệng núi lửa chết”.

Cái tên “Thung lũng chết” được sử dụng cách đây 150 năm. Mùa đông năm 1849, một nhóm đi tìm vàng đã đi ngang qua thung lũng này. Do không chống chọi được với thời tiết khắc nghiệt ở đây nên họ chỉ còn là những đồng xương trắng bị chôn vùi trong biển cát mênh mông. Một số ít người sau khi vượt ra được nơi này đã reo lên rằng “tạm biệt thung lũng chết” và cái tên “Thung lũng chết” ra đời từ đó.

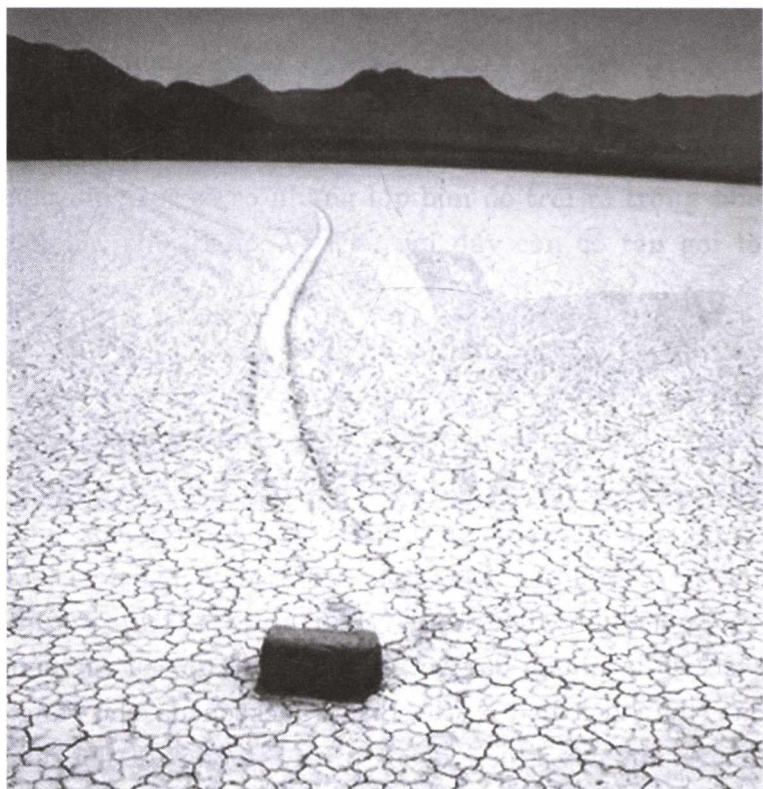




Tuy nhiên, điều khó lý giải nhất ở “*Thung lũng chết*” đó là những dấu vết di chuyển tự do của các hòn đá. Nhà khoa học NASA Brian Jackson đã cho rằng, điều bí ẩn này khiến người ta liên tưởng tới nơi đây giống như một hành tinh khác.

Cứ hơn một tháng, những hòn đá này lại di chuyển được khoảng 100 m. Không ai lý giải được tại sao những hòn đá này lại có thể di chuyển được.

Sau những trận bão lớn, nước thường tập trung trên bề mặt những hòn đá kỳ lạ này. Tuy nhiên, điều đó vẫn chưa đủ để giải thích cho sự di chuyển bí ẩn của chúng. Đường di chuyển của những hòn đá này không theo một quy tắc nào.



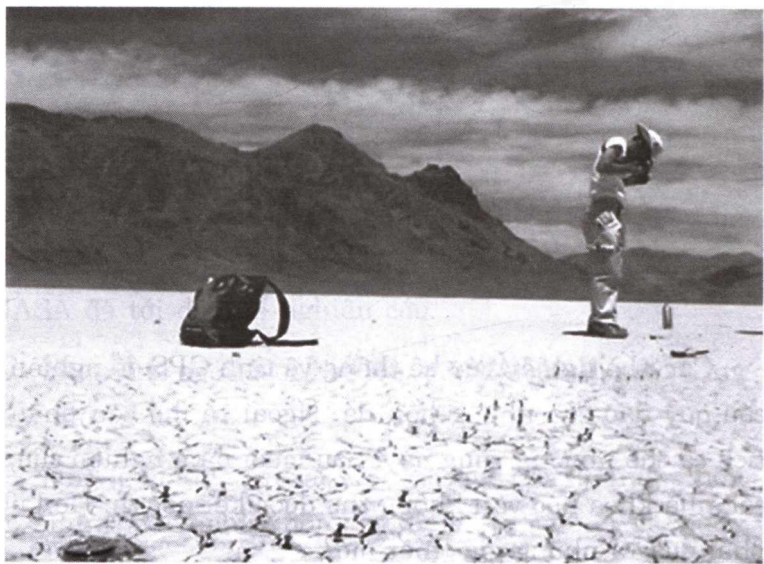
Vài tuần trước, một đoàn thám hiểm gồm 17 nhà khoa học và sinh viên dưới sự hướng dẫn của nhân viên NASA đã tới đây để nghiên cứu.

Mưa chưa ngớt được bao lâu, mặt đất đã nhanh chóng khô ráo và nứt nẻ.

Những hòn đá rải rác trên sa mạc đều là những hòn đá bình thường chứ không có điểm gì đặc biệt vì chúng đều rơi từ trên núi xuống.

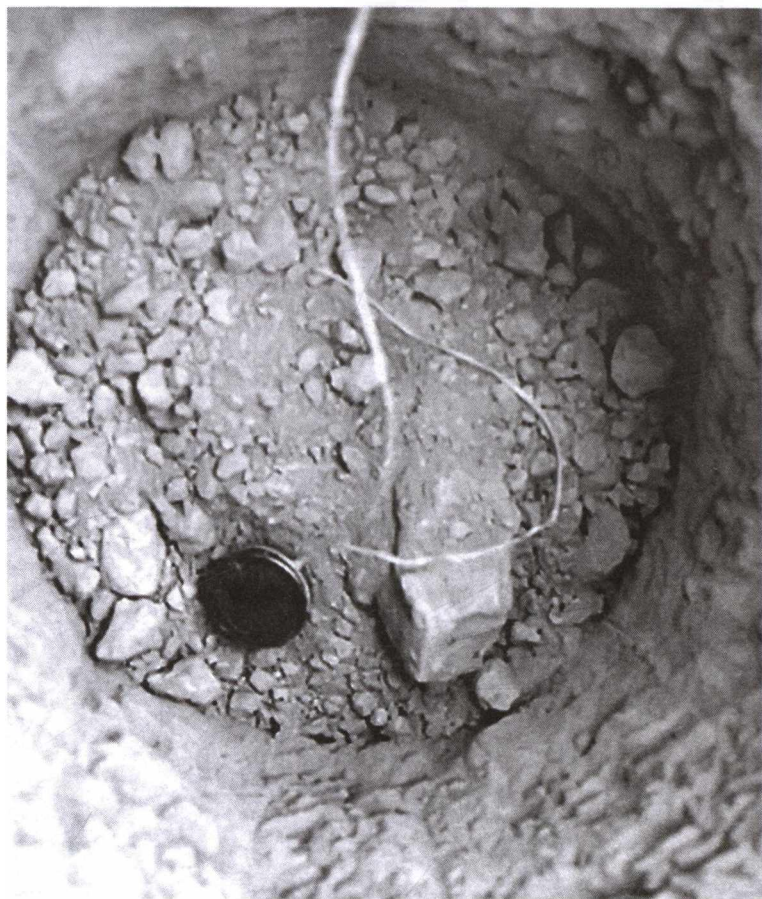


Các nhà nghiên cứu hệ thống vệ tinh GPS để nghiên cứu quỹ đạo của những hòn đá. Ngoài ra, họ còn phân tích cả thổ nhưỡng vùng này. Sau mười năm nghiên cứu, các nhà khoa học vẫn không thu được kết quả gì. Họ lại phải đưa ra những giả thiết mới.





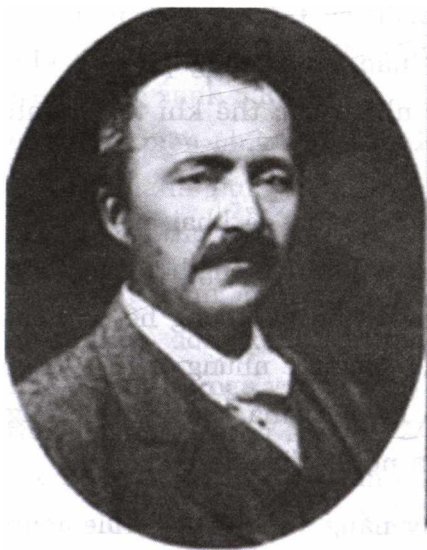
Mùa đông năm ngoái, một nhân viên NASA đã đặt thiết bị cảm ứng xuống một cái hố ở dưới những hòn đá. Kết quả thu được cho thấy, vào tháng 3 ở đây có hiện tượng đóng băng.



Và liệu những tảng băng đã làm di chuyển những hòn đá hay không vẫn là một câu hỏi lớn chưa lời giải.

BÍ ẨN KHO BÁU THÀNH TƠ ROA

VÀNG BẠC, CHÂU BÁU, NGÀ VOI... TẤT
CẢ ĐÃ ĐƯỢC TÌM THẤY TẠI THÀNH TƠ
ROA NHƯNG NGƯỜI TA KHÔNG THỂ BIẾT
SỐ TÀI SẢN KHỔNG LỒ ẤY LÀ CỦA AI.



Library of Congress

Heinrich Schliemann

Năm 1870, một thương gia người Đức tên là Heinrich Schliemann đã dựa theo nội dung của cuốn sử thi Iliát và Odixê (Illiadé va Odyssée) để khai quật di chỉ Thành Troie (Tơ roa) bị vùi sâu trong lòng đất hơn 2000 năm trước và tìm thấy “Kho báu Priam” ở phía Đông Bắc bán đảo Xiasia.

Heinrich Schliemann cũng phát hiện ra mộ của Vương thất Mycènes trong một khe núi ở bán đảo Borobennisa và đào được một kho báu chôn sâu dưới lòng đất đã 3000 năm.

Trước đó, lý do mà Schliemann khi nhận được giấy phép khai quật khu di chỉ Thành Troie của quan chức Thổ Nhĩ Kỳ là mong muốn sẽ tái hiện lại nền văn minh Thành Troie thuở nào, chứ không phải vì kho báu. Nhưng ông đã được nhiều hơn thế khi tiến hành việc khai quật này.

Schliemann đã mất tới 4 năm để khai quật di chỉ bởi ông liên tục bị gián đoạn. Lúc đầu ông hơi thất vọng vì di chỉ khai quật được rất nhỏ và không hề có châu báu như trong miêu tả của Homere nhưng ông tự “trấn an” mình rằng, Homere là một nhà thơ và việc ông phóng đại những gì muốn nói là điều dễ hiểu.

Nhưng, vào một ngày nắng vàng, khi Schliemann cùng vợ đứng cạnh một bờ tường thành cổ dưới độ sâu



Hiện trường khai quật Thành Troie (Tơ roa)

29 thước Anh thì đột nhiên ông thấy một vật được làm bằng đồng xanh nằm ở phía dưới bức tường. Khi lại gần, ông phát hiện phía sau khối đồng xanh có phát ra ánh sáng lấp lánh giống như vàng. Schliemann ngay lập tức bảo vợ cho thợ nghỉ đào bới.

Schliemann một mình dùng dao cạy lớp đất xung quanh khối đồng xanh thì thật ngạc nhiên khi thấy rất nhiều vàng và ngà voi. Vợ ông gói từng món báu vật mà theo ông thì giá trị nhất là 2 chiếc mũ miện vàng đẹp mê hồn và cuốn hút từ ánh nhìn đầu tiên. Chiếc mũ miện được ghép từ 1784 phiến vàng, xung quanh còn được trang trí bằng 93 sợi dây bằng vàng hình quả đào.



Nếu đội chiếc mũ này lên thì cả khuôn mặt người đội sẽ được ánh sáng của vàng soi lấp lánh. Ngắm kỹ thì thấy, kỹ nghệ chế tác hai mũ miện này rất tinh xảo.



Chiếc mũ miện vàng được khai quật





Số báувật được Schliemann khai quật hiện vẫn được trưng bày

Schliemann còn có thêm được 7 vòng vàng, 2 ly vàng, 3 ly mã não, 4 hộp lớn bằng vàng đựng 65 vòng đeo tai, 8600 cốc bạc nhỏ... thỏi vàng, lọ hoa bạc, đồng...

Schliemann luôn tâm niệm rằng, những báувật mà ông khai quật được đều là của vua Priam xứ Troie bởi đây là Thành Troie và là cung điện của vua Vua Priam như Homere miêu tả. Còn những món trang sức là của Meilun MeliiuMa - người đàn bà từng khiến cho Thành Troie bị hủy diệt trong chốc lát.



Hiện trường Thành Troie (Tơ roa) ngày nay

Tuy nhiên, sau khi Schliemann qua đời thì những nhà khoa học khác đã không công nhận phán đoán của ông. Những nhà khoa học này cho rằng, số báu vật trên là của Quốc vương Bipriamne, có trước 1.500 năm.

Mặc dù vậy, những người đi sau Schliemann vẫn có niềm tin mãnh liệt và sự cố gắng không mệt mỏi, đã khai quật hết Thành Troie như Homere miêu tả với tất cả 6 thành.

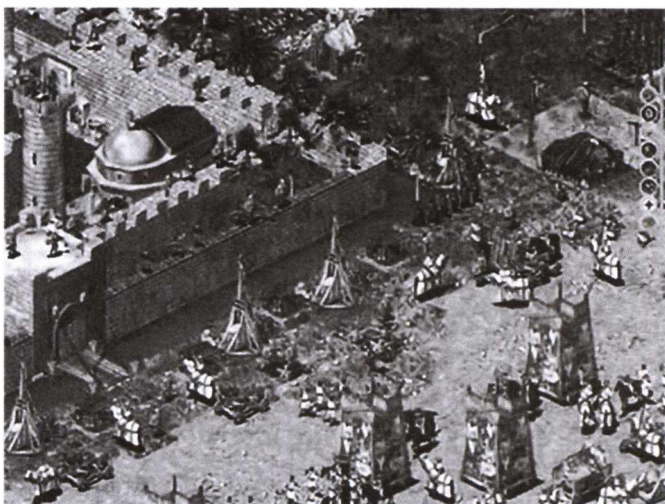
Schliemann luôn tâm niệm, thế giới mà ông phát hiện ra chính là thế giới trong mắt Homere - thế giới “Illiade - Odyssée” nhưng những báu vật tìm được như lá chắn hình chữ “bát”, mũ lợn vòi nhe nanh, hay những

chiếc cốc vàng tìm thấy ở đây và còn rất nhiều những thứ khác không hoàn toàn giống như Homere đã miêu tả nên sau này có nhiều giả thuyết được đưa ra cho rằng, tất cả những báu vật này không hoàn toàn là của vua Bipriamne như Schliemann luôn tâm niệm.

Dẫu vậy, cho đến nay, các nhà khoa học, các học giả cũng vẫn tiếp tục tranh cãi nhưng vẫn chưa đưa ra được đáp án rằng kho báu đó là của ai.

BÍ ẨN SỰ MẤT TÍCH CỦA CẢ MỘT VƯƠNG QUỐC

VƯƠNG QUỐC HÙNG MẠNH, SẴM UẤT NÀY
BỔNG BIẾN MẤT NHƯ MÂY KHÓI, NHƯ
CHƯA TỪNG TỒN TẠI KHIẾN NHIỀU NHÀ
NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐAU ĐẦU.



Vương quốc này rất giàu có và lớn mạnh (ảnh minh họa)

Theo tư liệu lịch sử duy nhất của người Khazalle và những bức thư của quốc vương Joseph viết cho một đại thần người Ả Rập tên là Hassan Sufourt cho hay thì Khazalle là một Vương quốc phồn thịnh nằm bên bờ sông Iquille và người đứng đầu là Quốc vương Joseph.

Vì đây là khu vực châu thổ, chắn giữ cửa ngõ tấn công vào người Nga nên rất nhiều bộ tộc đến đây sinh sống và cống nạp cho triều đình Joseph.

Vương quốc Khazalle có 3 thành phố bên Sông Iquille. Một là quê hương của quốc vương và hoàng hậu Joseph. Hai là nơi cư trú của người theo đạo Do Thái, Cơ Đốc và người Tây Ban Nha. Ba là quốc vương Joseph thống lĩnh.

Thành trì ở vương quốc này rất chặt chẽ và ở đây người ta không bị những trận mưa lớn “hành hạ”, mà lại được sở hữu một hệ thống sông hồ chằng chịt, đất đai màu mỡ phì nhiêu, sản vật phong phú, những cánh đồng thẳng cánh cò bay...

Tuy nhiên, theo các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu lịch sử thì họ không hoàn toàn tin vào tính chân thực thông tin của những tư liệu lịch sử và những bức thư trên bởi cho đến ngày nay, họ không hề tìm được một di chỉ nào còn tồn tại của vương quốc này. Giả sử nếu có vương quốc này tồn tại thì nó đã bị biến mất đi đâu là câu hỏi cho đến giờ chưa có lời giải đáp.

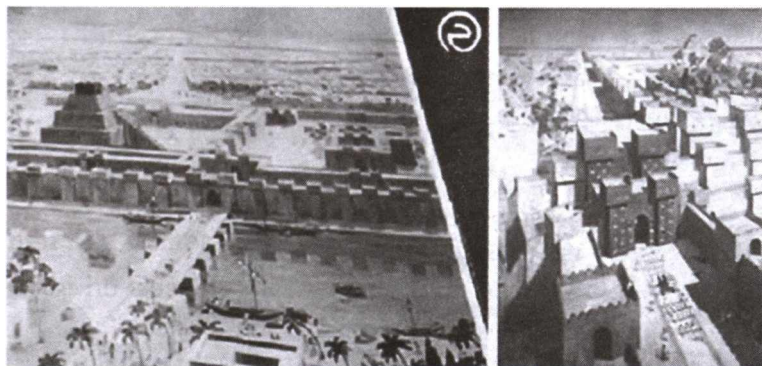


*Nhiều nước khác cũng muốn xâm chiếm vương quốc này nhưng không thể
(ảnh minh họa)*

Theo những gì mà các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu lịch sử có trong tay thì họ chẳng có gì hơn ngoài những bức thư được tìm thấy.

Một trong những bức thư tìm thấy là của Hassan Sufourt vào Thế kỷ X. Trong bức thư, Hassan đề nghị Hoàng đế Bizantine cấp cho ông ta một chiếc thuyền để đến Khazalle. Lúc đó Bizantine đang giao chiến với Khazalle.

Một bức thư khác trả lời Hassan rằng, từ thành Koustantin đến vương quốc Khazalle phải mất 15 ngày đường, đi theo đường bộ phải qua nhiều quốc gia và tên của quốc vương Khazalle là Joseph.



Vương quốc Khazalle từng xưng bá một thời (ảnh minh họa)

Sau đó Hassan đã viết thư cho Quốc vương Joseph để hỏi vị trí của vương quốc Khazalle. Quốc vương Joseph đã trả lời Hassan và giới thiệu vị trí và tình hình của vương quốc rất hùng mạnh giàu có, thành trì được phòng thủ kiên cố và có những công trình kiến trúc lớn với khí hậu ôn hòa mát mẻ...

Vương quốc Khazalle là một nước lớn, từng xưng bá một phương và tồn tại cách đây hơn 1000 năm.

Tuy nhiên, cho đến nay, gần như không có tài liệu nào để tham khảo nên các nhà nghiên cứu lịch sử vẫn chưa tìm ra nó nằm ở vị trí nào. Những địa điểm mà quốc vương Joseph đề cập trong thư ở đâu?

Hơn nữa, trong thư quốc vương còn nói, thần dân của ông “nhiều như cát” nhưng không ai biết chính xác số lượng là bao nhiêu người.



Cả vương quốc hùng mạnh đã biến mất một cách bí ẩn như chưa từng tồn tại (ảnh minh họa)

Chính vì những “mù mờ” như thế mà các nhà nghiên cứu lịch sử không thể tiến hành khảo sát để tìm di chỉ và họ coi đây là sự mất tích thần bí của cả một vương quốc.

Rất nhiều những giả thiết đã được đưa ra. Chẳng hạn như có một vài học giả cho rằng, vương quốc Khazalle đã bị hồ Caspian “nuốt chửng” do hồ này theo thời gian lấn dần ra biển.

Tuy nhiên, lời giải thích này không thuyết phục bởi nếu vương quốc Khazalle bị hồ Caspian nhấn chìm theo năm tháng thì những cư dân của vương quốc này đã chuyển đến nơi khác sinh sống nhưng họ đã chuyển đến đâu? Con cháu của họ hiện sống ở nơi nào? Hơn nữa, Khazalle là một vương quốc lớn nên nếu bị nhấn chìm thì phải để lại di chỉ và tàn dư của sự đồ nát nhưng cho đến nay người ta vẫn chưa phát hiện được một vết tích nào của vương quốc này.

Còn giáo sư khảo cổ học người Liên Xô có tên gọi Artamop từng tiến hành khảo sát và khai quật nhưng ông cũng không phát hiện được bất cứ văn vật nào của người Khazalle. Chính ông Artamop cũng buồn bã nói: “Cho đến nay chúng ta vẫn không hề biết gì về người Khazalle”.

Cuối cùng, lịch sử về vương quốc Khazalle đã bị tan biến như mây khói khiến nhân loại cả thế giới không tìm được đường mà “lần”.

NHỮNG KHỐI ĐÁ HUYỀN BÍ PHIÊN ĐÁ ĐƯỢC PHONG THÂN

ĐÁ LÀ VẬT VÔ TRI VÔ GIÁC NÊN NGƯỜI
TA THƯỜNG GHÉP ĐÁ VỚI NHỮNG TÍNH
CÁCH CỨNG NHẮC LẠNH LÙNG. NHƯNG
KHÔNG HẸN NHƯ THẾ, BỞI TRONG DÂN
GIAN VÀ SỬ SÁCH ĐÃ CÓ NHIỀU CÂU
CHUYỆN VỀ THẾ GIỚI HUYỀN BÍ VÀ ĐỜI
SỐNG SINH ĐỘNG CỦA ĐÁ.

Đầu tiên là chuyện tảng đá khắc hình một nữ thần không mặc áo, để ngực trần, đã chìm xuống sông Trà, nằm im qua nhiều mùa trăng, rồi bất chợt “nổi lên” vào một buổi giông hè.

NỮ THẦN BÁO MỘNG

Chuyện xảy ra ở xã Thanh Phước, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên ngày trước, mà người viết bài này tình cờ được một cụ già kể cho nghe trong một chuyến về thăm Huế.

Chuyện rằng ở vùng ngã ba sông Hương và sông Bồ có một ông lão đánh cá nghèo, ngày ngày xuôi dòng nước của con sông chảy qua làng để quăng lưới. Một hôm từ mờ sớm đến mặt trời lên cao vẫn chưa bắt được con cá nào đủ to để ra chợ đổi gạo, ông buồn bã nằm trên vạt cỏ ven bờ, gối đầu lên một tảng đá lớn thiu thiu ngủ. Chợt ông nằm mơ thấy có một người thân hình to lớn, mặt mày đỏ gay giận dữ, tay cầm chiếc gậy dài thúc thúc vào người ông, quát: “Này ông lão kia, sao ông lại dám gối đầu lên người của ta mà ngáy?”. Ông lão sợ quá quỳ mọp xuống, vị thần đá liền trấn an và nêu một câu hỏi nếu ông trả lời được thì vị thần đó hứa sẽ cải biến số phận để ông được sung túc và mạnh khỏe, sống lâu. Câu hỏi đó là: “Thứ gì luôn im lặng và thiêng liêng như đá? Thứ gì luôn luôn ở với người, giúp ích cho người, mà không hề đòi hỏi đền đáp, hoặc lên tiếng kể lể lời nào?”.

Ông lão đánh cá ngẩn ngơ, chưa trả lời được, vì ông nghĩ trên đời đâu có thứ gì tốt bụng đến thế. Vị thần đá liền giải đáp: “Đó là hơi thở, nó có mặt để truyền sự sống cho các người từ lúc mới ra đời cho đến khi nhắm mắt mà chẳng đòi ơn nghĩa gì, nó cũng im lặng như các loài đá mà các người vẫn dùng để lót đường, xây nhà vậy”. Trước khi biến mất, thần đá quay lại nói thêm: “Thấy người hiền lành, ta sẽ cho người một món quà, người hãy mau thức dậy và quăng



Hình do họa sĩ Tôn Thất Sa vẽ năm 1915 về "Bưng Chàm ở Thanh Phước", tức phiến đá "Kỳ Thạch phu nhân" (trích từ Bulletin des Amis du Vieux Hue năm 1915)

lưới xuống sông, người sẽ nhận được món quà ấy". (Chúng ta sẽ trở lại với vị thần đá nói trên trong một câu chuyện khác của loạt bài này).

Khi giật mình thức giấc, ông lão vội vã quăng lưới xuống nước như lời vị thần ấy dặn. Không lâu sau, ông cảm thấy có vật gì nặng nặng cứ trì lấy chiếc lưới. Ông lặn xuống xem chẳng thấy gì quý báu mà chỉ là một phiến đá to đang làm vướng lưới. Ông gỡ lưới ra khỏi phiến đá rồi lên bờ về nhà lòng không vui. Đêm ấy đang chập chờn, ông lại mộng thấy một phụ nữ xuất hiện với ánh sáng chói quanh người, bảo ông: "Ta là nữ thần dưới sông kia, hồi trưa người đã gặp ta tại sao không đem ta lên bờ? Nếu người đem ta lên ta sẽ phù hộ cho người thoát khỏi cảnh túng thiếu". Sáng ra, ông

lão rủ thêm vài người trong làng lại quăng sông lặn xuống và đem lên hai phiến đá to bên trên có khắc hình một nữ thần với nhiều tay đang vươn cao, chân đang ngồi xếp bằng, chung quanh có hình voi, hình người trông rất lạ mắt. Lúc ấy trời bỗng chuyển giông, mây kéo đen ngịt rồi mưa trút xối xả, hai viên đá sáng lên từng chớp theo những tia chớp trên cao lia xuống. Thấy vậy, người ta hoảng sợ đem các viên đá này vào gần làng, lấy gạch xây một cái bàn thờ để đặt đá lên trên.

KỠ THẠCH PHU NHÂN CHI THẦN

Từ đó hễ ai đem lễ vật dâng cúng cầu gì thường được toại nguyện. Nhất là cứ đến tối 30 hoặc ngày rằm âm lịch mỗi tháng, người trong làng thường thấy bóng một nữ thần từ trong tảng đá bay ra, ban đêm ít ai dám lai vãng đến chỗ thờ.

Nghĩ đây chỉ là chuyện truyền khẩu,



Bức tượng Phật thiên thủ (nghìn tay) có liên quan đến mỹ thuật và hình tượng của Kỳ Thạch phu nhân. Nó gợi mở thêm về mối liên hệ giữa văn hóa Bà La Môn giáo với Phật giáo trên đất Việt ngày trước - Ảnh: Diệp Đức Minh

nhưng về sau chúng tôi được một nhà nghiên cứu cho biết chuyện trên được chép lại hằn hoi trong bộ sách Đại Nam nhất thống chí do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn với một số chi tiết có khác với lời kể của dân gian, song cốt lõi của chuyện vẫn giống nhau, với đoạn cuối khá huyền bí: "...Hai viên đá vuông to bằng tám chiếu, sắc xanh trắng, mặt đá có nét chạm thân người mặt thú, 20 tay và 4 chân, người chài sợ cho là thần đem để ở chỗ sạch sẽ rồi dựng đèn tranh để thờ. Từ đấy tỏ ra linh ứng. Hồi đầu bản triều (Nguyễn) phong làm "Kỳ Thạch phu nhân chi thần". Gặp năm đại hạn, sai quan đến cầu đảo hàng mấy tuần không được mưa, bèn sai dời hai viên đá đến bờ sông, đêm hôm ấy liền nổi gió to mưa lớn, sáng hôm sau ra xem, thấy mất một viên, còn lại một viên, bèn rước về tế tạ. Viên đá ấy nay vẫn còn..."

Vậy sự tích Kỳ Thạch phu nhân ra sao? Do đâu trên phiến đá to và dài một mét được triều đình phong thần kia lại khắc nhiều hình mà người ta cho là quái dị để mô tả cảnh thiên đường lẫn địa ngục?

NHỮNG KHỐI ĐÁ HUYỀN BÍ ĐAM CƯỚI CỦA NỮ THẦN NÚI TUYẾT

BIẾT MÌNH GẶP ĐÁ THẦN, NỬA ĐÊM BỐ
QUỲ XUỐNG KHẤN: “NẾU ĐÁ CÓ THIỀNG
XIN PHÙ HỘ CHO TÔI ĐÁNH ĐƯỢC NHIỀU
CÁ TÔM SINH SỐNG”.



*Phiến đá cổ điêu khắc đề tài đám cưới thần Shiva và nữ thần núi
Tuyết Parvati - Ảnh do chùa Ưu Điểm cung cấp tháng 1.2010*

Sau lời khẩn ấy mỗi ngày (Bố) đánh cá càng được nhiều hơn, bèn (cùng dân làng) dựng đền tranh ở bên sông để thờ viên đá. Chợt có thuyền khách buôn từ Nhật Bản đi qua đền, trông thấy viên đá, họ bảo nhau rằng: “Đây là đá ngọc”, rồi họ lấy búa lớn để bổ, thì tự nhiên người lặn dùng ra. Khiêng xuống thuyền thì không có sóng gió mà thuyền bị đắm, người trong thuyền không một ai sống sót cả. Từ đấy (đá) lừng lẫy anh linh. Hồi đầu bản triều (Nguyễn) cầu gió thường được linh ứng, bèn sửa làm đền miếu, có lệ quốc tế. Năm Gia Long thứ 10 sắc lập đền riêng, hằng năm tế vào ngày quý của mùa xuân và mùa thu” (Đại Nam nhất thống chí).

Vậy đã có hai câu chuyện về Kỳ Thạch phu nhân và Thai Dương phu nhân liên quan đến thế giới của những phiến đá thần. Tiếp đây là chuyện về phiến đá thứ ba, cũng trên đất Thừa Thiên - Huế, ở làng Ưu Đàm, hiện vẫn đang được thờ tại ngôi chùa của làng này. Phiến đá hình vòng cung, có khắc chạm hình các vị thần mà theo một số nhà nghiên cứu như Trần Kỳ Phương và Võ Quang Yến, là nhằm mô tả đám cưới của hai vợ chồng thần Shiva và nữ thần núi Tuyết (có tên Parvati). Shiva là vị thần hết sức đặc biệt trong văn hóa tâm linh Ấn Độ, đặc biệt ở chỗ ông là vị thần vừa phá hoại mà lại vừa sáng tạo. Theo một số nhà nghiên cứu phương Tây, tên gọi Shiva có nghĩa là tốt lành, rõ ràng không hợp với những hành động hủy diệt và phá hoại của vị thần này.

Nhưng GS. Lê Xuân Khoa cho rằng, theo quan điểm triết học của Ấn Độ thì *"không có sự sống nào mà không tiến tới hủy diệt, chính do hủy diệt mà lại có đời sống (mới). Sống và chết không những chỉ nối tiếp nhau mà còn đồng nhất với nhau. Sống tức là một hành động tự hủy diệt (vì) sống tức là đang chết dần. Bởi vậy: với tư cách là cứu cánh của mọi vật - Shiva là tử thần, nhưng với tư cách là nguyên lý của sáng tạo - Shiva lại là nguồn sống. Vì thế, Shiva vừa được coi là một hung thần phá hoại, hủy diệt muôn vật, lại vừa được coi là một phúc thần gieo rắc (mầm mống mới) và bảo vệ đời sống". Ông có hai đời vợ, kết hôn với hai người, nhưng thực ra cũng chỉ... một người thôi. Vì "một người" ấy đã hóa thân thành hai thiếu nữ yêu thương Shiva trong hai kiếp.*

Kiếp thứ nhất, chính là nàng Sati (hiền phụ) là con gái của một trong 8 vị thần của trí tuệ tên là Daksha. Daksha không có cảm tình trước bề ngoài tiêu tụy của Shiva khi gặp Shiva hiện ra với dáng dấp của một đạo sĩ khát thực. Vì thế Daksha rất bức mình khi nàng Sati lấy Shiva làm chồng, nên ông đã thẳng tay đuổi Sati ra khỏi nhà sau khi đã nặng lời nhục mạ nàng và Shiva. Đứng trước tình cảnh ấy, Sati đã bay khỏi người, trút hồn đi mất lên dãy núi lạnh đầy tuyết, trả lại thân xác cho cha, sau đó nàng hóa thân vào kiếp thứ hai.

Kiếp thứ hai, Sati tái sinh làm con gái của thần núi Himalaya và thường được biết đến với tên Parvati (nghĩa là Sơn nữ núi Tuyết hoặc nữ thần Tuyết) và kết hôn với Shiva lần nữa. Lần này, họ sinh đứa con đầu lòng là Karttikeya có sức mạnh diệt các loài quỷ và được tôn thờ là thần chiến thắng. Đứa con thứ hai đánh dẹp quỷ dữ, có quyền năng ban phát hạnh phúc và an vui đến cho mọi người dưới thế, tức là thần Ganesha mình người đầu voi được người Ấn Độ sùng bái. Đám cưới giữa Shiva và nữ thần Tuyết Parvati được thể hiện qua những hình khắc trên phiến đá khá lớn ở chùa Ưu Đàm nói trên.

Phiến đá ấy được nhà nghiên cứu người Pháp Henri Parmentier nhắc đến trong một tài liệu phổ biến đầu thế kỷ XX (1918). Đúng 90 năm sau (2008), ông Võ Quang Yến đã tìm đến địa phận làng Ưu Đàm để tận mắt xem xét, mô tả và nhận định như sau: *“Đây là một kiệt tác nghệ thuật và là tác phẩm duy nhất được biết đến nay trong nền điêu khắc Chămpa thể hiện đề tài lễ rước cưới Shiva – Parvati về ngọn núi thiêng Kailasa. Phiến đá có hình chữ U lật ngược, rộng hơn 1 mét, bề cao ngắn hơn chút ít, trán cửa đang còn tốt, không nứt nẻ, chỉ có ít nhiều rêu phong đóng lên nền sơn xanh đã phai màu. Đứng giữa và choán phần lớn bề mặt trán cửa là con bò thần trắng Nandin tiêu biểu cho quyền lực thế gian và*

cho sự đẻ con, đặc biệt không đeo vòng kiềng của những vật cưới Vahana thường thấy. Trên lưng bò thần, ngồi ngay sau bươu, hai chân hai bên, một chân duỗi thẳng, chân kia co lại là thần sáng tạo Shiva (...). Ngồi một bên là nữ thần Parvati với nét mặt dịu dàng và e thẹn của một nàng dâu”.

Bao quanh đôi vợ chồng trong lễ cưới còn có các nhân vật khác mà theo ông Võ Quang Yến đó là thần Brahma, làm chủ hôn, đầu đội mũ mukuta, đeo khuyên tai với nhiều vòng trên cổ tay và mắt cá, mặc áo sampot có thắt lưng lớn, hai tay chắp trên ngực, ngồi xếp bằng trên một tòa sen. Bên mặt có thần Vishnu cũng đội mũ và mang khuyên tai, vòng ngọc, có bốn tay, hai tay trước chắp trước ngực, hai tay sau giơ lên cao, tay trái cầm một cái vỏ ốc biển, tay mặt cầm một trong chín vật tiêu biểu của mình. Vishnu ngồi trên vai thần điều Garuda, hai cánh của thần điều đang giang rộng, hai tay nắm quanh hai chân của Vishnu như đang nâng vị thần này bay bổng dật dìu theo nhạc cưới...

Tại sao đám cưới của Parvati - nữ thần Tuyết xuất thân từ dãy Himalaya xa xôi - lại có mặt trong tác phẩm điêu khắc đá ở làng Ưu Đàm như vậy?

NHỮNG KHỐI ĐÁ HUYỀN BÍ LINGA "TAM VỊ NHẤT THỂ"

ĐIỀU ĐÁNG NÓI LÀ GẦN PHIẾN ĐÁ CÓ
ĐIỀU KHẮC NỘI DUNG LỄ CƯỚI CỦA NỮ
THẦN NÚI TUYẾT PARVATI (Ở LÀNG ƯU
ĐIỀM, THỪA THIÊN - HUẾ) LẠI CÓ MỘT
LINGA NẪM SẴN TỰ BAO GIỜ...

Đó là chiếc linga khá lớn mà theo các lão làng trong vùng đã hàng trăm năm dầm mưa dãi nắng. Linga này cùng một tượng nữ thần bằng đá để ngực trần mà dân chúng trong vùng hương khói kính cẩn gọi là Bà Phật Lỗi, với rất nhiều mảnh vỡ lớn, cùng chịu chung số phận bị bỏ mặc giữa trời. Trước cảnh ấy, một số nhà hoạt động văn hóa thực sự quan tâm đến giá trị di tích như Võ Quang Yến, Trần Đình Sơn đến tận nơi bày tỏ mong muốn chùa Ưu Đàm hãy tôn trí những cổ vật trên ở nơi tương xứng.

Giữa năm 2009, nhà chùa đã cho dựng một căn nhà và đem hết những cổ vật trên vào thờ, trong đó có cả

linga. Về việc này, đã có người thắc mắc sao nhà chùa lại đưa cả linga vào nơi trang nghiêm. Thật ra linga - yoni không chỉ là biểu tượng sinh thực khí, mà theo quan niệm của văn hóa Ấn Độ xưa, một linga chứa đựng hình ảnh của ba ngôi tối cao là cả ba vị thần: Brahma, Vishnu và Shiva.

Trước hết là Brahma, đấng sáng tạo: *"Vạn vật phát hiện tự nơi Ngài và vũ trụ đã có sẵn ở trong Ngài... Cũng như cây sồi có sẵn ở trong hạt sồi, như trái cây có sẵn ở trong mầm hạt, sẵn sàng nảy nở và phát triển, muôn vật hữu tình đã có sẵn ở Brahma, và mọi mầm mống đều phát sinh nơi Ngài"*. Lời tôn vinh ấy được GS. Lê Xuân Khoa trích dẫn trong một tài liệu về triết học Ấn Độ, đồng thời với rất nhiều sự tích từ Brahma. Tích về Brahma là kết quả hôn phối giữa đấng tối cao và năng lực của chính Ngài. Có tích cho rằng Brahma sinh ra từ một quả trứng vàng (kim noãn) bênh bờ trên mặt biển nguyên thủy, sau đó trứng tự vỡ làm đôi, một nửa nâng lên thành trời phía trên, một nửa thành đất phía dưới, còn khoảng giữa là không trung vô hạn. Tích khác rất phổ biến, lại cho Brahma sinh ra từ một bông sen ở rốn của thần Vishnu. Vishnu là vị thần bảo vệ sự sống con người giữa hai đầu sinh - tử. Vishnu được lập đền thờ khắp nơi trên Ấn Độ xưa (được điêu khắc trên đá tại các công trình mỹ thuật ở Thuận Hóa xưa, trong đó có phiến đá ở làng Ưu Đàm).

Một hôm, khi Vishnu đang nằm trên một chiếc lá sen, Brahma bèn đến hỏi danh tính. Vishnu trả lời: *"Chính ta đã sinh ra ngươi"*, và Vishnu gọi Brahma là con. Nghe vậy, Brahma rất tức giận, tuyên bố rằng mình mới là đấng sáng tạo. Hai bên đang tranh cãi về ngôi thứ bỗng thấy xuất hiện một cột lửa cao ngất, vươn lên liếm sạch cả mây trời và chiếu sáng đại địa. Thấy thế, Brahma và Vishnu dừng ngay cuộc tranh cãi để đi tìm điểm xuất phát cũng như nơi tận cùng của cột lửa. Hai vị chia nhau đi tìm hai phía, Vishnu lặn sâu xuống mặt đất, còn Brahma bay vút lên đầu ngọn lửa nhưng bay tới đâu thì lửa cao tới đó. Nghĩa là cột lửa không thể biết điểm khởi đầu và điểm kết thúc nơi đâu.

Cuối cùng, Vishnu và Brahma thâm thần lực và cùng gặp lại, đang ngẩn ngơ không biết đầu, cuối của cột lửa thiêng thì bỗng nhiên, âm thanh linh thiêng bắt đầu bằng chữ A (trong âm tiết AUM) vang lên, và Shiva xuất hiện giữa cột lửa tỏa hồng nhiều cánh như một đóa sen. Từ trong đóa sen lửa ấy, Shiva nói cho hai vị thần kia biết: *"Không ai kém hơn ai trong ba ngôi tối linh bình đẳng gồm Brahma - Vishnu - Shiva. Ba ngôi đó chỉ là thể hiện của một linh thể thuần khiết và duy nhất"*.

Từ chuyện trên, người ta đã kết hợp ba vị thần trong hình ảnh của một linga đặt trên yoni với ý



Linga ở chùa Ưu Điểm - Ảnh do chùa Ưu Điểm cung cấp

nghĩa: “*Shiva là đấng ban mầm sống (bijavan), Vishnu là tử cung (yoni) và Brahma là mầm sống (bija)*”. Khi văn hóa Ấn Độ du nhập vào đời sống tinh thần Chăm-pa, hình ảnh các thần linh tối thượng được thể hiện qua một linga, nhắc ta nhớ đến thần thoại về loài Atula gây chiến với các thiên thần, khi thua, Atula đã dẫn hàng vạn quyến thuộc của mình chạy trốn và tất cả nấp trong... một cọng sen! Phân tích về ba vị thần trong một linga - yoni, TS. Bá Trung Phụ nêu rõ: “*Linga được cấu tạo thành ba phần. Phần đầu tròn biểu tượng thần Shiva. Phần giữa là thần Brahma có bốn cạnh tượng trưng cho 4 hướng: bắc (kabráh), nam (kanaron), tây (karaykôh), đông (haraymu). Phần cuối cùng tượng trưng cho thần Vishnu 7 cạnh...*”.

Cũng theo TS. Bá Trung Phụ, cần biết người Chăm ở Việt Nam thời trước trong quá trình tiếp thu văn hóa Bà la môn đã không rời bỏ nguồn cội của mình mà để cho yếu tố bản địa dần phục sinh. Chính vì thế, các ngẫu tượng Mukha Linga như ở các tháp Pôklongiarai (xây năm 1303), hoặc tháp Pôromê (xây năm 1659) đều kết hợp tín ngưỡng Bà la môn của Ấn Độ với quan niệm riêng của người Chăm. Điều đó cần được đối chiếu thêm với linga đang được thờ tại chùa Ưu Đàm.

Để giải đáp câu hỏi tại sao phiến đá điêu khắc lễ cưới nữ thần Tuyết, tượng Bà Phật Lỗi và cả linga

bằng đá cùng nhiều cổ thạch của người Chăm lại có mặt trên đất Thừa Thiên - Huế (tức Thuận Hóa ngày xưa), nhiều nhà nghiên cứu như Nguyễn Đình Đầu, Võ Quang Yến, Trần Ngọc Bảo cho biết: “Thuận Hóa là tên gọi của vùng đất Thừa Thiên - Huế đời nhà Trần sau khi vua Trần Anh Tông tiếp nhận hai châu Ô và Lý, là sinh lễ của vua Chiêm Thành Chế Mân (Jaya Sinhavarman III) dâng để cưới công chúa Huyền Trân. Vua Trần đổi tên châu Ô thành châu Thuận và châu Lý thành châu Hóa. Cuối đời Trần, năm 1404, hai châu này được ghép lại thành phủ Thuận Hóa. Vùng đất Thuận và Hóa này được nhập vào Đại Việt sau lễ cưới công chúa Huyền Trân với vua Chế Mân năm 1306. Trước đó người Chăm đã sống ở đây và để lại nhiều di tích như “tảng đá thiêng được phong thần”, tượng nữ thần Tuyết, tượng Bà Phật Lỗi, linga “tam vị nhất thể”...

Đó là ở Thuận Hóa. Còn nhìn về hướng Bắc, các khối đá khắc những dòng chữ bí ẩn từ bãi đá nghìn xưa tại Sapa vẫn đang tiếp tục thách đố các nhà khoa học ngày nay giải mã...

NHỮNG KHỐI ĐÁ HUYỀN BÍ NHỮNG HUYỀN THOẠI ĐÁ Ở LÀO CAI

LỜI KHẤN TRƯỚC THẦN ĐÁ ĐƯỢC HỌC GIẢ
LÉOPOLD CADIÈRE GHI LẠI DƯỚI ĐÂY LÀ CỦA
MỘT CHỦ LỄ CẦU NGUYỆN CHO MỘT CHÁU BÉ
THOÁT CƠN BỆNH HIỂM NGHÈO.

Con sụp lạy, bái kính thần Đá. Con tên... ở làng...
Con có thằng con nhỏ khó nuôi tên là... Con xin
được bán hoặc ký thác cho ngài thần Đá với lời khấn
nguyện chân thành là (xin thần) cho thằng bé ăn chơi
mạnh khỏe. Hằng năm cứ vào ngày tháng (định trước)
con sẽ trở lại dâng cúng (lễ vật) lên ngài. Khi thằng bé
được 12 tuổi, con sẽ trở lại tạ ngài, xin tháo gỡ lời cam
kết hôm nay.

Sau lời khấn, chủ lễ lạy 4 lạy rồi đứng dậy, nghiêng
mình lần nữa trước khi cáo từ thần Đá. Những người dự
lễ đem rượu cúng ra uống, tin rằng rượu ấy sẽ xua đuổi
hết tà khí lạnh lẽo trong người. Đồ cúng gồm xôi chuối,
gà luộc có thể mang về nhà dùng như những “món lộc”

được ban hưởng sau khi thần Đá đã dùng hết tánh linh của thực phẩm.

Những chi tiết này được Đỗ Trinh Huệ ghi lại qua cuốn biên khảo về văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam dưới nhãn quan của học giả Cadière. Những trường hợp tương tự trên chứng tỏ trong dân gian vẫn tin vào sức mạnh siêu nhiên của những vị thần đã nhập vào các tảng đá vô danh. Song cũng có những vách đá có tên hẳn hoi, như núi Cô Tiên gần thị trấn Bắc Hà ở Lào Cai.

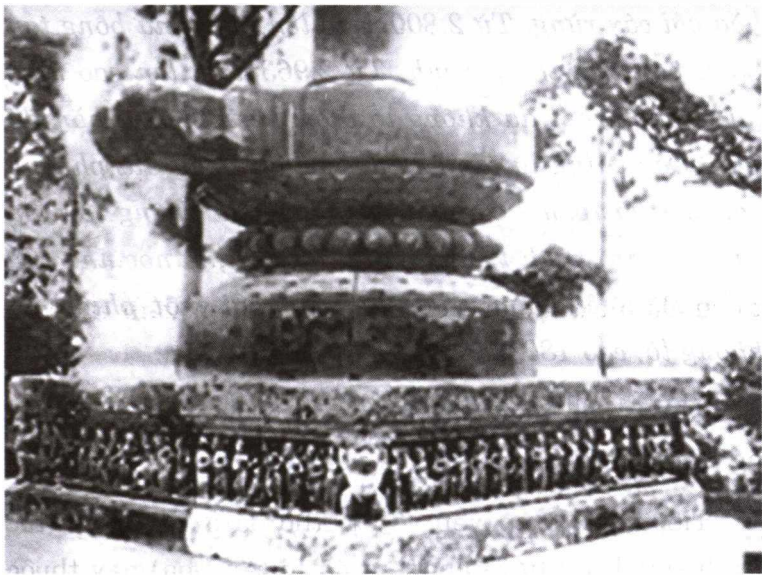
Đó là vách núi đá phẳng rộng đẹp đẽ, trông như có bàn tay của những nghệ sĩ tạo hình mài gọt, chăm chuốt. Từ ngày xưa, dân trong vùng cho rằng có một nàng tiên xuống trần, ngây ngất vì cảnh đẹp nơi đây nên đã dừng lại không đi đâu nữa, từ đó núi có tên Cô Tiên. Ngày kia có hai cha con trên đường đến phiên chợ Pac Kha, khi đi ngang núi Cô Tiên người con gái bỗng bị một ngọn gió độc thổi trúng, ngã té và đột ngột qua đời. Người cha bối rối, chạy đi hái lá cây đắp lên xác chết của con rồi chạy xuống núi báo tin cho dân bản. Người dân bản đem hương cùng các thứ đồ cúng ma, cùng ông lão lên núi Cô Tiên để cúng cô gái. Lúc lễ tống táng đang diễn ra, hương đang cháy, bất ngờ xác chết tựa quây rồi ngồi dậy, da thịt hồng hào lại. Bà con có mặt trong lễ tang hết sức kinh ngạc, người đi múc nước, kẻ lấy xôi chuối đưa cho cô gái ăn uống.

Khi đã hoàn hồn, cô gái kể lại, hồn cô bay lên xa lắm, gặp Bồ tát Quan Âm trong mây, bảo cô hãy quay về cõi trần và chỉ cho cô cách sống theo mười điều thiện, không làm điều ác. Nghe chuyện, nhìn lên trời, mọi người thấy một đám mây ngũ sắc, chậm chậm bay về trên đỉnh núi, như một cái tàng phủ mát suối rừng. Dân liền quỳ xuống tạ ơn Bồ tát cứu mạng cô gái và ban điềm lành cho bản làng, rồi bỏ thời gian công sức đục vách đá thành một cái am, sau đó tạc tượng Bồ tát Quan Âm đặt vào để thờ.

Đến tận thế kỷ 21, cứ đến ngày 19 tháng 9 âm lịch, dân bản lại mang xôi chuối, vải vóc đến cúng dường Bồ tát tại điểm trên.

Còn nhiều dãy núi đá khác ở Lào Cai cũng chứa đựng các huyền thoại. Như chuyện hình thành dãy núi đá giữa không gian vắng lạnh trên độ cao gần 2.000m, là núi Hàm Rồng. Được gọi tên như thế vì núi có hình dáng một con rồng. Chuyện xưa kể rằng, có hai vợ chồng rồng vì quá yêu thương, ôm ấp nhau không rời, đến nỗi khi nạn hồng thủy xảy ra, cả vợ lẫn chồng đều không hay biết. Nước lên cao, ngập hết núi rừng, rồng chồng cuộn mình bay thoát được lên mây, rồng vợ cố bay theo nhưng không kịp, phải ở lại và hóa thành đá, nhưng vẫn còn cố hướng về phía rồng chồng.

Lào Cai còn có hang Tiên ở xã Bảo Nha, bên dòng sông Chảy. Ở đó, đá xếp thành tầng tầng lớp lớp với cả



một rừng nhũ đá mang hình hổ, báo, voi, ngựa và các thú rừng khác, mà người dân bản làng tin rằng những con vật ấy đã bị quyền phép của thần Đá thấu hồn, khiến thân xác chúng biến thành đá ở khắp mọi nơi.

Cũng có một khối đá đã được ghi danh vào lịch sử hiện đại, như tác giả Trần Mạnh Thường nhắc lại trong cuốn biên khảo về văn hóa các vùng đất Việt Nam: *"Khoảng 600 triệu năm trước, cả vùng Tây Bắc Việt Nam còn chìm sâu dưới biển. Sau 3 lần vận động tạo sơn, đến thời kỳ tân kiến tạo cách nay trên 100 triệu năm, khối Hoàng Liên đột ngột nhô lên thành một dãy trùng điệp... Lên cao 2.400m, gió mây quện*

hòa với cây rừng. Từ 2.800m đổ lên, mây mù bỗng tan biến, bầu trời trong xanh. Từ 2.963m và lên cao nữa, lại có một khối đá khổng lồ được kê trên một hòn đá nhỏ. Đấy chính là đỉnh Phanxipăng, tiếng địa phương gọi là Huasipan - có nghĩa là phiến đá khổng lồ nằm chênh vênh. Đỉnh Phanxipăng cao ngất, là nóc nhà của Tổ quốc Việt Nam, được kết cấu bởi một phiến đá khổng lồ, cao 180m”.

Ai đã đem phiến đá khổng lồ ấy lên tận đỉnh cao ngất như thế? Chuyện ấy sẽ nói sau.

Tiếp theo là chuyện về đài thờ đá ở Trà Kiệu (tức Kinh thành Sư tử Simhapura đã bị tàn phá) nay thuộc huyện Duy Xuyên, Quảng Nam. Đài thờ vuông vắn được chế tác bằng sa thạch, với bốn cảnh chạm nổi, và các phù điêu tương đối còn nguyên vẹn. Người dân địa phương từ lâu đời không ai dám xâm hại đài thờ. Còn các nhà nghiên cứu nước ngoài như Jean Przyluski, George Coedès, Jean Boisselier, đã đưa ra nhiều giải thích về các hình khắc chạm trên đó.

Có ý kiến cho rằng bức phù điêu của đài đá này nhằm minh họa cho truyền thuyết về người đã tạo lập vương quốc Phù Nam. Cũng có người cho là nó chứa đựng những minh họa cho các bản kinh tối cổ và thiêng liêng còn lại đến nay.

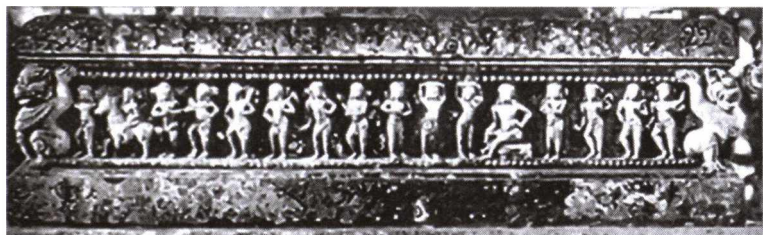
NHỮNG KHỐI ĐÁ HUYỀN BÍ RAMAYANA TRÊN ĐÀI THỜ XỨ VIỆT

MỘT KIẾT TÁC CỦA NGHỆ THUẬT ĐIÊU KHẮC
CHAMPA LÀ ĐÀI THỜ TRÀ KIỆU BẰNG ĐÁ ĐƯỢC
PHÁT HIỆN TỪ NĂM 1901 ĐẾN NAY, CÙNG VỚI
NHIỀU CÁCH GIẢI THÍCH KHÁC NHAU QUAN NH
CÁC BỨC PHÙ ĐIỀU CHẠM TRÊN ĐÀI ẤY.

Cách giải thích của nhà nghiên cứu Trần Kỳ Phương khá tỉ mỉ và thuyết phục khi ông cho rằng đó là những minh họa trên đá về anh hùng ca Ramayana của Ấn Độ cổ đại. Nguyên bản của anh hùng ca Ramayana rất đồ sộ, có đến 24.000 sloka, mỗi sloka gồm 2 câu thơ có vần, thuật lại sự tích của hoàng tử Rama và công chúa Sita. Rama được xem là hóa thân thứ 7 của thần Vishnu - giáng trần để bảo vệ chân lý và tiêu trừ điều ác. Những hình ảnh của hai nhân vật trên có mặt trên đài thờ Trà Kiệu nói lên sự giao lưu xa xưa giữa văn hóa tư tưởng Ấn Độ và Champa.

Trường ca Ramayana được cả sử gia nổi tiếng người Âu châu là Michelet (1798-1874) ca ngợi: *“Ai đã sống trong khao khát vì dục vọng quá nhiều giờ đây hãy uống cạn ly rượu hừng hực sức sống và trẻ trung này của Ramayana. Ở Tây phương cái gì cũng chật hẹp, Hy Lạp nhỏ bé làm tôi ngọt ngào, xứ Do Thái khô khan cũng làm tôi khó thở. Hãy để cho tôi hướng về châu Á cao cả và phương Đông thâm trầm trong giây lát. Chính nơi đó đã phát sinh ra bài thơ vĩ đại mệnh mông như Ấn Độ Dương tràn ngập ánh mặt trời. Đó là một tác phẩm chứa chan hòa điệu thiêng liêng, tạo nên một không khí thái bình và lòng từ bi vô bờ bến ngay giữa cảnh tượng tàn khốc liệt”*.

Cũng như các hình ảnh khắc chạm trên đài thờ Trà Kiệu gây nên tranh cãi về những bí ẩn một thời trên các phù điêu bằng đá, các nhân vật của Ramayana cũng ẩn chứa nguồn sống tư tưởng và triết học thâm sâu vì: Anh hùng ca Ramayana đặc biệt ca ngợi một nền đạo đức lý tưởng xây dựng trên căn bản bốn phận và danh dự với các nhân vật (Rama và Sita được khắc trên đền đá) tuyệt đối vâng theo mệnh lệnh của lương tâm, và theo triết gia Kant: *“Đó là một mệnh lệnh thuộc phạm trù impératif catégorique, đòi hỏi một sự vâng lời không suy tính, không do dự, không bị lung lạc bởi bất cứ lý do nào”* - theo phân tích của GS. Lê



Phù điêu chạm Apsara trên đài thờ Trà Kiệu - Ảnh: Tư liệu

Xuân Khoa. Mệnh lệnh đó không phải viết bằng chữ mà bằng hình ảnh của hoàng tử Rama và công chúa Sita chạm trên đài thờ Trà Kiệu như nhà nghiên cứu Trần Kỳ Phương lý giải.

Công chúa Sita tự nguyện lưu đày nơi rừng sâu cùng chồng mình, dù nàng có thể ở lại kinh thành. Ở đó Sita đã bị quỷ vương Ravana bắt cóc đưa về xứ Lanka giam trong cung cấm. Khi được giải thoát cũng là lúc nàng mất hạnh phúc vì sự nghi ngờ của chồng. Song Sita đã chịu đựng giữ lòng trong sạch như viên ngọc quý không cháy trong lửa “những đức tính ấy đã làm cho Sita thành một phụ nữ hiền thực và thánh thiện hàng đầu”. Đó là một trong những hiện thân của khát vọng vươn tới giải thoát.

Khát vọng ấy mãnh liệt đến độ biến thành một tín ngưỡng tôn giáo. Rama và cả Sita đã trở thành những hình tượng linh thiêng được người Ấn Độ yêu thương và sùng bái. Biểu hiện của sự sùng bái này

phần nào thể hiện ở hình chạm các vũ nữ thiên thần Apsara và các Gandharvas đang múa hát dâng hoa trong lễ cưới của Rama trên phù điêu dài thờ. Đài thờ vuông vắn chế tác bằng sa thạch còn có một bộ linga – yoni rất lớn tôn trí phía trên đài.

Về ý nghĩa của linga đã nói trong bài trước. Ở đây nhấn mạnh và ghi nhận thêm ý kiến của một số nhà nghiên cứu đại ý như sau: Khi Bà la môn giáo từ Ấn Độ du nhập vào cộng đồng người Chăm từ lâu đời thì các quan điểm truyền thống của Ấn Độ bị thay đổi theo cách hiểu của người Chăm. Thậm chí các vị thần Ấn Độ cũng được gọi theo ngôn ngữ Chăm, chẳng hạn Shiva được gọi “Pônintri”, Vishnu gọi là “Pôpachon”, hoặc linga gọi là “Kai Cluc”.

Theo cách đó, các linga cũng thoát khỏi hình khối ban đầu để có linh hồn theo cách tạo hình của Champa. Đã có một linga thờ thần Shiva ở Mỹ Sơn kết hợp một nửa tên của nhà vua với tên của thần Shiva, thành: Bhadvesvara chứng tỏ có sự kết hợp giữa vương quyền và thần quyền, giữa tôn giáo và các thế lực phong kiến.

Từ những di tích lịch sử và điêu khắc Champa như đài thờ Trà Kiệu cho ta thấy sự uyển chuyển của các nghệ sĩ tạo hình người Chăm, đã để lại những tác phẩm điêu khắc đá có linh hồn và những ẩn dụ thiêng liêng.

NHỮNG KHỐI ĐÁ HUYỀN BÍ TIỀN THÂN CỦA ĐẠI BÀNG KIM SÍ ĐIỀU

TRƯỚC KHI HÓA THÀNH ĐẠI BÀNG KIM SÍ ĐIỀU,
LOÀI CHIM HỘ PHÁP NÀY ĐÃ LÀ THẦN ĐIỀU
GARUDA TRONG MỘT TIỀN KIẾP Ở SÔNG HỒNG
VÀ CÓ MẶT TRÊN CÁC ĐỀN ĐÀI, PHÙ ĐIỀU
BẰNG ĐÁ CỦA NGƯỜI CHĂM...

Nổi tiếng nhất về Garuda là đã vô hiệu hóa sức mạnh bạt ngàn của thần gió Vayu. Lúc Vayu dồn hết sức mạnh của mình để nổi trận cuồng phong dữ dội suốt một năm nhằm thổi bay đỉnh núi Meru, nhưng thần điểu Garuda luôn dùng đôi cánh khổng lồ che cho ngọn núi vô tội ấy, khiến Vayu không làm gì được. Một hôm thừa lúc Garuda bay đi để uống ánh sáng từ thần mặt trời rớt xuống, thần gió dồn hết sức thổi bay ngọn Meru từ đất liền ra biển, tạo thành đảo Lanka (Sri Lanka ngày nay).

Garuda là thần điểu thường được Vishnu cưỡi trong phù điêu tạc ở nhiều nơi trên vương quốc Chăm-pa (như

trên phù điêu ở làng Ưu Đàm nói ở các bài trước). Sau này, Garuda hóa thân thành Đại bàng Kim Sí Điểu là một trong Thiên long bát bộ của nhà Phật. Kim Sí Điểu mỗi ngày ăn 500 con rồng nhỏ và 1 con rồng chúa, ăn mãi đến nỗi loài rồng sắp tuyệt chủng vội kéo đến cầu cứu với Phật.

Đức Phật gọi Kim Sí Điểu tới khuyên nhủ nên chấm dứt cuộc đại sát sinh ấy, Kim Sí Điểu thưa nếu không ăn rồng thì lấy gì mà sống. Phật bảo từ đây hãy ngưng sát hại, thay vì ăn thịt rồng “mỗi ngày đúng ngo ta sẽ bảo các đệ tử của ta trước khi ăn cơm sẽ cúng dường cho ngươi”. Kim Sí Điểu đồng ý, đến nay ở các chùa tại Việt Nam, Trung Quốc theo truyền thống Đại thừa và một số nước khác trên thế giới hằng ngày trước khi thọ trai đều lấy vài hạt cơm, hoặc đôi ba sợi mì, bỏ vào chén nước nhỏ, đem ra giữa trời khấn rằng: Đại bàng Kim Sí Điểu - Khoáng dã quỷ thần chúng - La Sát quỷ tử mẫu - Cam lồ tất sung mãn.

Nghĩa là, trước nay xin cúng dường lên Đại bàng Kim Sí Điểu, đồng thời cấp cơm nước cho quỷ thần ở nơi rừng núi vắng vẻ, hoang dã và cho mẹ con của bà quỷ La Sát, để tất thấy đều được hưởng vị cam lồ đầy đủ không thiếu đói. Khấn rồi vái ba vái, xong mới vào nhà ăn trưa. Hình ảnh Kim Sí Điểu sau này chính là Garuda trong thần thoại Ấn Độ cổ đại mà người Chăm ở Việt Nam đã tiếp nhận và điêu khắc. Để biết rõ

thêm về Đại bàng Kim Sí Điểu, thiết tưởng cần tham khảo nội dung mà hòa thượng Kim Cang Tử và các học giả khác ở Việt Nam đã đưa vào cuốn Từ điển Phật học Hán-Việt, rằng: Kim Sí Điểu hai cánh rộng đến 306 vạn dặm, khi ăn các vật như rồng, cá, vàng, bạc, châu báu đều tiêu hóa được hết, chỉ trừ có kim cương.



*Thần cứu nhân độ thế Vishnu đang
ngồi trên vai thần điểu Garuda - Ảnh:*

Kinh Cựu Hoa Nghiêm chép: Ví như Kim Sí Điểu bay liệng trên hư không, dùng con mắt thanh tịnh quan sát cung điện của Đại hải long vương, lấy hết sức mạnh của hai cánh rẽ nước biển khiến cho nước tách đôi ra (để đi lại tự do trong bất cứ đại dương nào). Nếu biết được có con trai con gái nào của Long vương mệnh đã chết, bèn quắp lấy họ trong chớp mắt đưa lên khỏi biển. Một tài liệu khác cũng mô tả sức mạnh của vua Kim Sí Điểu (tức Kim Sí Điểu vương) khi quạt cánh đã phát ra một luồng kinh lực cực mạnh làm mù mắt người và khiến các loài rồng hoảng sợ chạy trốn tán loạn khắp nơi trong 3.000 thế giới. Khi sinh ra, Kim Sí Điểu vương

phát sáng với hào quang màu vàng chói (khiến các thiên thần phải bịt mắt), có tay chân như người, mặt trắng và cánh màu đỏ rực. Sức mạnh của thần điểu Garuda cũng như của Kim Sí Điểu vương so với các sinh vật khác giống như sự vững chãi của cây đại thụ nghìn vạn năm so với những loài cỏ dại yếu ớt.

Nhưng sức mạnh ấy lại xuất phát từ một... khoảng không

im lặng! Thật vậy, mọi tướng trạng lớn nhỏ trong vũ trụ, từ hạt bụi li ti đến thân hình cao to khổng lồ của thần điểu Garuda, của Kim Sí Điểu vương, được những bản kinh tối cổ của Ấn Độ như Upanishad giải thích qua chuyện kể thâm trầm, như tóm lược dưới đây:

Một vị đại sư đưa đệ tử của mình đi thọ giáo 12 năm về kinh Veda. Đệ tử ấy học thông thuộc Veda rồi trở về đây về kiêu căng. Để giúp anh ta tiêu trừ lòng tự mãn và



Nếu tính bằng con số của người đời nay, thì Kim Sí Điểu vương thân cao ngót 160.000 km, sải cánh dài 80.000 km, đủ sức kẹp ngọn Hymalaya để ném ra khỏi tầm mắt của mặt trời (thần Surya).

khai mở trí tuệ cho anh, một hôm vị đại sư kêu anh đến hỏi: *"Cái gì làm nên vũ trụ, hình thành Tự ngã của con? Cái gì nhỏ hơn hạt cải, hạt kê, nhưng cũng lại lớn hơn trái đất, bầu trời?"*. Anh ta ngẩn người, không trả lời được, vì lâu nay chỉ biết học thuộc kinh sách, chứ chưa biết sống theo những giáo huấn tuyệt vời trong đó. Bấy giờ, đại sư ôn tồn bảo: *"Này, con hãy ra lượm một quả vả của cây vả to lớn ngoài sân kia đem vào đây"*. Xong, đại sư bảo: *"Con hãy tách quả vả ra"*. Anh bắt đầu bóc vỏ. Lại bảo: *"Hãy bóc nữa, con thấy gì trong đó?"*. Thưa: *"Dạ trong đó có các hạt vả"*. Bảo tiếp: *"Con hãy tách một hạt ấy xem có gì?"*. Anh lại lấy tay tách nhẹ một hạt, và tách mãi, cuối cùng bạch sư phụ: *"Thưa thầy, trong lòng của hạt vả này là cái mầm. Giữa cái mầm tí hon kia là một khoảng không rất nhỏ, nó không có gì hết"*. Nghe xong đại sư dạy: *"Này con, chính cái không có gì hết ấy đã làm nên sự hiện hữu của cây vả to lớn kia. Con và mọi sinh linh khác cũng vậy, tất cả đều xuất hiện từ cái không có gì hết nghĩa là từ một khoảng không rất nhỏ - khoảng không khiêm tốn, vô hình - nhưng tràn ngập trong cõi đời này và tạo nên nguồn sống. Cái ấy chính là con. Chính là Tự ngã của con, chứ không phải kinh sách, văn tự và trí nhớ suông mà con đang ôm giữ!"*. Giáo huấn trên có thể chiêm nghiệm khi đối diện trước các tượng thờ bằng đá có tạc thần điêu Garuda, thần sấm sét Indra, thần chết Yama, thần hạnh phúc Ganesha...

NHỮNG KHỐI ĐÁ HUYỀN BÍ NƠI DÂNG CÚNG THỨC ĂN LÊN CÁC THẦN

BỆ THỜ VÂN TRẠCH HÒA ĐƯỢC TÌNH
CỜ PHÁT HIỆN NĂM 1991 Ở XÃ PHONG
THU, HUYỆN PHONG ĐIỀN (THỪA THIÊN
- HUẾ) ĐƯỢC XEM LÀ BỆ THỜ “BIỂU
ĐẠT TRUYỀN THỐNG BALIPITHA CỦA
ẤN ĐỘ - NƠI DÂNG CÚNG THỨC ĂN
CHO CÁC VỊ THẦN”...

Theo mô tả của các nhà nghiên cứu, bệ gồm hai tầng vuông vắn với nhiều tượng sư tử, thiên nga Hamsa (Brahma thường cưỡi) và thần sấm sét Indra, thần gió Vayu, thần chết Yama, thần không gian Varuna, thần tài lộc Kubera, thần Isana, Đại tự tại thiên Mahadeva, thần Vishnu, và có thể một hóa thân khác của thần Shiva...

Sao quá nhiều thần như thế ở bệ thờ Vân Trạch Hòa, cũng như ở các đền thờ khác ở Ấn Độ, Chămpa

xưa? Để giải thích, một lần nữa cần dẫn thêm kết luận của GS. Lê Xuân Khoa: *“Theo tôn giáo Veda, tất cả các thần linh chỉ là những biểu hiện khác nhau của cùng một thực tại tức là Bà la môn (Brahman) hay Thượng đế (Ishvara). Nhưng vì Thượng đế không xuất hiện trong một hình tượng nhất định nào nên người ta thờ phụng Ngài qua các biểu hiện của Ngài tức là các thần linh đúng như kinh Veda đã ghi: “Ekam sat vipra bahudha vadanti” (Thực tại chỉ là Một nhưng các trí giả gọi Ngài bằng nhiều tên khác nhau)”. Cần ghi chú rõ: “Thượng đế trong tôn giáo Veda được gọi là Prajapati (chúa tể muôn loài) hay Vishvakarman (tạo hóa). Còn Ishvara là danh từ có sau này thường dùng để chỉ Thượng đế hữu ngã thể hiện nơi các thần Brahma, Vishnu và Shiva”.*

Để tìm hiểu thêm, chúng tôi ghi nhận những phân tích chi tiết về thờ Văn Trạch Hòa trên tạp chí Nghiên cứu Huế tập 6-2008 do Nguyễn Hữu Châu Phan chủ biên, với nhận xét: *“Bệ thờ Văn Trạch Hòa đã góp công vào việc học hỏi những dikpala, trở nên một yếu tố chủ yếu khảo cứu về các thiết bị thờ cúng. Trong cuộc triển lãm điêu khắc Champa ở Paris, một góc lớn đã dành cho những dikpala mà ban tổ chức đã chịu khó đi lượm lặt khắp nơi ở Việt Nam để trưng bày vào một chỗ. Thành thử, dù gián tiếp và chỉ trong tinh thần – bệ thờ Văn Trạch Hòa, xuất phát từ Phong Điền, đã hiện diện ở kinh đô ánh sáng, góp phần làm lan tỏa nghệ thuật*

Chăm và trở thành đề tài khảo cứu cho những thế hệ mới". Trên bệ thờ có chạm "thần lửa Agni ngồi trên một con tê ngưu đặc thù của Chăm-pa và Campuchia". Gốc tích xa xưa của vị thần này liên quan tới thần thoại học Veda và việc tìm hiểu điều ấy gợi mở thêm những giải thích về bệ thờ Vân Trạch Hòa cùng các tác phẩm điêu khắc đá Chăm-pa. Vậy Agni là ai?

Đó là vị thần lửa đầy quyền năng và được tôn vinh trong hệ thống Veda, thường hiện ra với thân màu đỏ hoặc vàng rực, có hai đầu, bảy lưỡi và bốn tay cầm đuốc, chuỗi hạt, cây quạt và chiếc rìu, ngồi trên xe được kéo vun vút bởi bảy con ngựa đỏ. Láy khói làm cờ hiệu, láy bánh xe làm gió, Agni lướt đi khắp nơi với ngọn lửa hùng hực, đốt cháy tất cả những gì trên đường đi, như một thác lửa từ đỉnh trời lao xuống các đồng cỏ xanh. Tuy hung hãn như vậy, song Agni cũng là một vị thần bảo hộ cho loài người và đã trở thành vị chủ tế đầu tiên của các buổi lễ cúng chư thiên. Chính thần Agni đã làm trung gian giữa loài người và thế giới thần linh, chuyển thức ăn và các lời cầu nguyện của người đến với các thần.

Tài liệu nghiên cứu về triết học Ấn Độ cho biết, các thần trong Veda ở khắp nơi trong ba cõi: cõi trời (Dyaus), cõi đất (Prithivi), cõi không trung (Antariksha). Làm chủ cõi trời là thần mặt trời (Surya), chủ cõi đất là thần lửa (Agni), chủ cõi không trung là thần gió

(Vayu). Trong đó, Agni được xem là “bản chất chung của ba ngôi (Agni - Surya - Vayu)” vì dù ở thiên đường, hạ giới hoặc giữa không trung, nơi đâu cũng cần có hơi ấm (của Agni để tồn tại).

Đặc điểm thần lửa là bình đẳng tiếp nhận tất cả, từ các đồ uestạp, dơ

bẩn, đến đồ cúng thanh tịnh, để đốt cháy chúng và tỏa sức ấm cho những ai cần đến. Thần lửa Agni không chỉ soi sáng ngoại giới, chiếu rọi cảnh vật bên ngoài, mà còn giúp tâm hồn người bùng sáng, thông tuệ. Agni có mối liên hệ với thần Vayu (thần gió) vì Vayu là “hơi thở của lửa - giúp lửa bùng bùng sức sống”. Đặc biệt với thần Surya (mặt trời), bởi trước hết trong 10 hiện thân của lửa có ánh thái dương.

Thần Surya, đã được thể hiện ở Ấn Độ qua các pho tượng màu đồng đỏ, râu tóc màu vàng, cũng thường



Phúc thần Ganesha mình người đầu voi - con của thần Shiva và công chúa núi tuyết Paravati - Ảnh tư liệu của Lê Xuân Khoa

ngồi trên một chiếc xe do 7 con ngựa kéo như Agni. Thần có bốn người vợ, trong đó có Samjna (trí tuệ). Một dạo, vì không chịu được sức nóng của chồng quá lâu, nên Samjna bỏ trốn vào rừng bắt đầu một cuộc đời khổ hạnh, tu dưỡng. Vì nhớ nhung nên Surya đã mở bưng “con mắt vũ trụ” của mình soi tìm vợ khắp nơi và biết được nơi Samjna ở, liền bay đến. Samjna hóa thành một con ngựa cái phóng vào rừng. Surya liền hóa thành một con ngựa đực đuổi theo và chồm lên ôm lấy nàng. Về sau Samjna lại trở về sống với Surya và nhờ cha mình là thần Tvashtri (tạo hóa) dùng quyền phép cắt bớt nhiều chùm tia sáng của Surya. Người ta cho rằng những mảnh cắt ra từ nguồn sáng ấy đã được chế tác thành cái đĩa của Vishnu, cái chìa ba của Shiva, cái chùy của Kubera (thần tài lộc), ngọn giáo của Kartikeya (thần chiến tranh) cùng các đồ dùng hoặc khí giới của nhiều thần linh khác.

Trên bộ thờ Vân Trạch Hòa cũng có hình diêm vương Yama, là vị thần chết đồng hành với bóng tối. Chính thần lửa Agni đã chiếu sáng đường đi của Yama để Yama có thể gom hết những tàn phai, những gì sắp lụi tắt, những hoa rơi và những thân người hấp hối về lại với hư không.

NHỮNG KHỐI ĐÁ HUYỀN BÍ THÀNH CA VEDA VÀ MIẾU THẦN DẬU BÊ

PHẢI CHĂNG NGƯỜI TA ĐÃ SUY DIỄN
QUÁ ĐÁNG TỪ CÂU CHUYỆN CỔ VỀ MỘT
HOÀNG TỬ BỊ CHỌN ĐỂ TẾ THẦN
VARUNA, TỪ ĐÓ CHO RẰNG XƯA KIA
CON NGƯỜI CÓ THỂ ĐÃ BỊ THIÊU SỐNG
ĐỂ TẾ THẦN TRONG CÁC LỄ CÚNG THEO
TRUYỀN THỐNG VEDA?

Hoàng tử nói trên đã bắt một người khác dưới quyền
tên là Shunashepa thay mình lên đàn hỏa. Nhưng sư
phụ của Shunashepa là một đạo sĩ nắm trong tay những
quyền năng siêu nhiên đã cầu nguyện các thần thương xót
và tha cho Shunashepa. Shunashepa thoát chết.

Thật ra, những nghiên cứu sau này cho thấy trong
các lễ cúng theo truyền thống Veda đã không giết người
để tế, mà dùng ngựa, dê đực, cùng các vật khác. Ngay cả
tục lệ giết tế các con vật cũng bị kinh Sama Veda xóa

bỏ và khẳng định: “Chúng con không đưa các vật sinh tế lên đàn hỏa để thiêu sống chúng. Chúng con không giết hại sinh linh nào để làm ô uế bàn thờ. Chúng con tự thanh tẩy mình bằng những thánh ca”.

Họ dùng loại rượu từ cây Soma và một thứ bánh “đề hồ” từa tựa như bơ lỏng tưới vào lửa, rồi hát bài ngợi ca thần lửa Agni: “Hãy ngưỡng mộ Ngài vì Ngài là vị chủ tế đầu tiên của loài người mà ánh lửa của Ngài không bao giờ lui tắt. Ngài giáng sinh giữa cõi đời này và bất tử cùng sức nóng đã nhen lên... Muôn loài đều thấy rõ Ngài băng qua trên không gian và lướt nhanh hơn tất cả những loài biết bay. Dưới làn sáng của Ngài để lại, tất cả các thần linh đều hướng nhìn với lòng ngưỡng mộ, dấy lên khắp gầm trời nguồn cảm hứng không bao giờ cạn. Cũng vậy, chúng ta hãy hướng về nguồn sáng của Ngài, hãy mở đôi mắt thật lớn, hãy để tâm lắng nghe tiếng lướt đi trong gió nóng của Ngài. Hãy mở trái tim để tiếp nhận nguồn sáng ấy soi rọi vào lòng, rửa đi bóng tối trong tâm hồn và để những tư tưởng của mình được nương theo làn sáng của Ngài bay đến chỗ cao vời, thánh thiện” (Kinh Rig-Veda).

Ai đã tiếp nhận thánh lễ? Ai đã lập ra cảnh giới các vị thần dưới sông Hằng và trên cõi Phạm thiên? Nghĩa là ai đã làm nên vũ trụ và mọi thứ? Câu hỏi đó vẫn hằng đặt ra khắp nơi. Dân gian bảo Tạo hóa, hoặc Thượng đế. Bậc trí giả ở Ấn Độ cổ đại cho rằng do thần Purusha -

nguồn lực ban đầu và tối sơ của tất cả mọi vật, mọi loài tạo nên. Nhà Phật thì khẳng định: “*Vạn pháp duy tâm tạo*”.

Còn rất nhiều những chuyện về đá như những viên ngọc bùa tìm thấy tại Nam Bộ. Song có lẽ đến đây cần nhấn mạnh lần nữa rằng, khi Bà La Môn giáo từ Ấn Độ du nhập vào Chămpa, Java, hoặc Campuchia thì đã được bản địa hóa, dễ nhận thấy điều ấy qua tạo hình trên đá. Một số trong kho tàng mỹ thuật Campuchia đã được người Pháp đưa về lưu giữ tại Bảo tàng Sài Gòn (tức Bảo tàng Lịch sử Việt Nam - TP.HCM hiện nay) như ảnh chụp một tượng bằng đá của Campuchia ở bài 1 (không phải của Chămpa như đã chú thích). Một số tảng đá Chăm sau này được Việt hóa và thờ cúng như Kỳ Thạch phu nhân.

Cũng có tảng không chạm trổ gì hết nhưng người ta cho rằng rất thiêng như Thai Dương phu nhân nói ở bài trước, mà theo tham luận của ông Đào Thái Hanh đọc cách đây gần 100 năm (cuối tháng 7.1914) thì tảng đá quý ấy hình chữ nhật, thuộc loại ngọc có vân ngũ sắc, dài hai thước năm tấc, rộng một thước năm tấc, dày

“Dù nghệ thuật Chămpa cổ cũng dựa trên nền tảng của việc thờ cúng vua, thần và Phật, nhưng rõ ràng, đền tháp Chămpa so với đền tháp cùng loại của người Khmer, Java, Campuchia thì có quy mô nhỏ hẹp hơn và bị mất mát nhiều hơn. Mặc dù vậy, nghệ thuật Chămpa vẫn có những kiệt tác với những phong cách và vẻ đẹp riêng đầy quyến rũ và đã để lại cho hậu thế những di sản văn hóa rực rỡ, đó là những đền tháp và điêu khắc đá gắn trên đó”- TS. Phạm Thúy Hợp (Cục Di sản văn hóa)

một tác năm phân, được thờ trong ngôi miếu ở ấp Phú Ninh, làng Thai Dương Hạ, tổng Vĩnh Trị, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên trước kia.

Có một thuyền buồm của người Nhật đến thăm miếu, cho phiến đá đang thờ là khối ngọc quý, nên dùng búa sắt đập nát ra từng mảnh. Người cầm búa đập bỗng xây xẩm mặt mày té ngã xuống đất. Khi những người Nhật đem anh ta cùng với hàng nghìn mảnh đá xuống thuyền, lúc ấy trời không giông tố nhưng thuyền bỗng lắc mạnh một lúc rồi vỡ ra và chìm nghiêng. Người trên bờ ngạc nhiên vì không thấy ai ngoi lên, tất cả thủy thủ đều đã chết. Người đương chức trong làng cùng dân chúng bàn bạc đóng một quan tài sơn đỏ rồi đi lượm hết những mảnh đá thần còn rơi vãi bỏ trong quan tài ấy, đưa vào miếu cúng lễ như cũ.

Miếu được xây lại bằng gạch dưới thời vua Gia Long và được tu sửa dưới thời vua Minh Mạng, song về sau, tất cả đồ vật thờ cúng trong miếu bị một đơn vị lính Pháp chiếm đóng đốt phá, đem các mảnh đá thần đựng trong quan tài đổ hết xuống sông. Đời vua Đồng Khánh tìm lại, vớt lên thờ cúng. Song đến năm 1897, cửa Thuận An bị bức phá, nước tràn cuốn vào miếu, đá ngập trong bùn. Về sau vua Thành Thái cấp ngân lượng để chuyển miếu đến nơi khác và tổ chức cúng tế hàng năm, cử 1 bá hộ và 5 ông từ trông coi. Đầu thế kỷ 20, người ta còn thấy bức tường cũ bọc quanh miếu. Bể dâu là vậy...

NHỮNG BÍ ẨN CỦA LỜI NGUYỆN CẦU

NOEL LÀ NGÀY LỄ CỦA NHỮNG NGƯỜI THEO ĐẠO THIÊN CHÚA NHƯNG VÀO NGÀY NÀY BẤT KỲ AI, BẤT CỨ TÔN GIÁO NÀO CŨNG ĐỀU HÁO HỨC ĐÓN CHÀO NHƯ MỘT DỊP ĐỂ TRANG HOÀNG NHÀ CỬA VÀ SUM HỌP GIA ĐÌNH. KHI TIẾNG CHUÔNG CỦA ĐÊM THÁNH VANG LÊN, DÙ KHÔNG NGỒI TRONG NHÀ THỜ NHƯNG MỖI NGƯỜI ĐỀU HƯỚNG VỀ ĐẮNG TỐI CAO HAY MỘT NƠI XA XÃM NÀO ĐÓ ĐỂ CẦU MONG NHỮNG ĐIỀU TỐT ĐẸP.

CẦU NGUYỆN CÓ MANG LẠI TÁC ĐỘNG NÀO KHÔNG?

Thượng đế có lắng nghe lời cầu nguyện của loài người chẳng? Rất nhiều người cầu nguyện mỗi ngày. Tuy nhiên, không ai biết được sao chỉ có một số rất ít người được đáp ứng.

Chẳng hạn như bà Hân đã ngưng không cầu trời phạt cho trúng vé số từ hai năm qua. Nhưng khi em gái bà mắc bệnh cần giải phẫu thay thận, bà bắt đầu

cầu nguyện lại, và một năm sau thì có người hiến thân cho cô em. Người hiến thân chính là một cô bạn làm chung, cảm động vì lời cầu nguyện của bà, nên cô đi thử thân, và lạ thay, lại vừa thích hợp với cô em gái của bà Hân. Giải phẫu thành công, cô em bà Hân được cứu. Có phải là một mầu nhiệm nhờ sự cầu nguyện chăng? Hay chỉ là sự trùng hợp?

Một nữ ký giả tại thành phố Thiên thần (Los Angeles, Mỹ) vẫn còn run rẩy khi kể lại câu chuyện 20 năm về trước. Lúc đó trời đã khuya, cô đang đi bộ về nhà trong một con hẻm nhỏ ở New York. Bất chợt, cô nghe có tiếng chân đi theo mình. Một gã côn đồ đã túm cô lại, thắt chặt chiếc khăn choàng trên cổ cô, và chụp lấy quần cô. Cũng trong thời gian đó, bà mẹ đang ngủ ở nhà bỗng thức giấc, chợt lo sợ cho cô con gái mình và quỳ xuống cầu nguyện. Bà cầu nguyện suốt 15 phút xin Thượng đế bảo vệ con gái mình khỏi tai ương nào đó. Tên hiếp dâm đang tấn công người con gái đột nhiên ngưng lại, ngẩng đầu lên, rồi đột nhiên bỏ đi. Ở nhà bà mẹ cũng cảm thấy an tâm như là được Thượng đế lắng nghe lời cầu nguyện và bà đi ngủ lại.

Trùng hợp? May mắn? Hay có sự can thiệp của bề trên? Người mẹ sùng tín và cô gái đều tin rằng có sự can thiệp của Thượng đế và tên hiếp dâm kia rõ ràng là Quỷ và bị đuổi đi.

Cầu nguyện là cả một sự huyền bí. Đối với người có lòng tin, thì không có gì nghi ngờ cả. Nhưng không ai chứng minh được điều đó rõ ràng. Người Mỹ rất thích cầu nguyện. Có đến 54% người lớn mỗi ngày cầu nguyện, và 29% cho biết họ cầu nguyện hơn một lần mỗi ngày. Trong số đó, 87% tin là Thượng đế đã trả lời họ ít nhất là một lần trong thời điểm nào đó.

Họ cầu nguyện những gì? Đủ thứ. Theo thăm dò, 82% người được hỏi cho biết họ cầu nguyện cho sức khỏe hoặc sự thành công của mọi người trong gia đình, 75% thì xin cho có sức mạnh vượt qua sự yếu đuối nào đó, 36% cho biết không bao giờ cầu xin được giàu có hoặc thành công.

Ở Mỹ, người dân cầu nguyện rất nhiều. Người ta cho rằng, chúa Giê-su thường nhắc nhở tín đồ phải cầu xin cùng Thượng đế: *“Hãy xin sẽ nhận, tìm sẽ thấy, và gõ cửa sẽ mở cho người”*. Bằng cách đó, hàng triệu người Mỹ vừa tìm vừa kiếm.

Bằng cách nào mà biết sự đáp ứng của Thượng đế? Đó là vấn đề có nhiều tính cách tôn giáo. Câu trả lời tùy thuộc vào lòng tin. Nếu tin thì không cần bằng chứng. Nếu không tin, thì dù có chứng cứ cũng không đủ. Đối với những người không tin, cầu nguyện là một chuyện điên rồ, tin Thượng đế chỉ để cầu xin là một hình thức điên rồ nhất.

Có những người khác vẫn tin Thượng đế, nhưng không tin vào kết quả của việc cầu nguyện, 54% những người không tin rằng Thượng đế sẽ đáp lời cầu nguyện, cho rằng uy lực của ngài không phải làm việc đó. Tuy vậy, có đến 82% tuy không nghĩ là Thượng đế đáp ứng lời cầu nguyện, vẫn giữ niềm tin vào Thượng đế. Họ lập luận rằng, sự quan tâm của Thượng đế đến loài người, nếu có, không đợi gì đến cầu nguyện. Các em bé hồn nhiên chơi đùa ngoài sân không cầu nguyện gì, có được ơn trên che chở chẳng? Bởi vậy, Thượng đế không phải chỉ che chở quan tâm đến những người cầu nguyện nếu đứng theo quan điểm Thượng đế là đáng tác tạo ra toàn thể loài người.

NGƯỜI VIỆT CẦU NGUYỆN NHƯ THẾ NÀO?

Trước những khó khăn trong cuộc sống, nhiều người Việt vẫn thường có thói quen cầu nguyện hoặc đến nhà thờ. Họ làm như thế đôi khi không phải để cầu xin Thượng đế đưa đường, dẫn lối cho họ mà như là một liệu pháp tinh thần, giúp họ có niềm tin vào một cái gì đó rất đổi linh thiêng và hơn cả là tạo niềm tin vào chính bản thân mình.

Thiên Bảo, 35 tuổi, chia sẻ: *“Không chỉ vào đêm Noel, những ngày cuối tuần, ngày lễ tôi cũng thường đến nhà thờ cầu nguyện. Bước vào nhà thờ, không khí*

linh thiêng làm tâm hồn như được gỡ bỏ mọi phiền muộn. Tôi cũng thường hay xưng tội trước chúa. Nếu làm việc có lỗi, được xưng tội, cảm giác tội lỗi được giảm bớt". Đó cũng là tâm sự của nhiều người khi bước chân vào nhà thờ, không phải là mê tín mà là lòng tin.

Mỗi người có cách cầu nguyện và tôn thờ Chúa một cách khác nhau. Chị Thanh Lan ở quận Bình Thạnh cho biết, mặc dù theo đạo Thiên Chúa nhưng chị ít đến nhà thờ vì quá bận rộn với công ty và gia đình. Theo chị, đức tin là ở tại lòng mình. Không đến nhà thờ thường xuyên nhưng chị vẫn cầu nguyện trước bàn thờ tại nhà. Dù không gặp bế tắc hay khó khăn gì nhưng hàng ngày chị vẫn cầu nguyện. Chị nói: *"Tôi cầu nguyện cho mọi việc suôn sẻ. Không biết bề trên có nghe thấu những lời cầu nguyện của tôi không nhưng tôi thấy yên tâm và tự tin khi làm việc"*.

Mọi người thường cầu nguyện và cầu nguyện nhiều hơn khi trong đời sống xuất hiện nhiều thất vọng, bế tắc. Họ thường tìm cách giải tỏa stress và buồn phiền hiệu quả bằng cách đi nhà thờ cầu nguyện. Nhiều người trong số đó cho rằng, họ không có thói quen tâm sự, kêu than buồn chán với người thân hay bạn bè vì không muốn mang phiền cho người khác, vì ai cũng có những lo toan trong cuộc sống. Vì thế, họ thường trải lòng mình với đấng tối cao.

Ngày nay, cầu nguyện không chỉ dành riêng cho người theo đạo. Vào ngày Noel, mọi người tập trung đông đúc trong nhà thờ để nghe những lời thuyết giảng của cha và để nguyện cầu những điều tốt đẹp trong năm mới. Có thể dễ dàng nhận thấy, những gương mặt háo hức đón giáng sinh không chỉ là những con chiên ngoan đạo mà cả những người “ngoại đạo”. Họ gặp nhau ở một điểm là cùng gửi gắm ước mơ vào những lời cầu nguyện. Hình như khi cầu nguyện người ta thường tự nói với lòng: thượng đế sẽ nghe được những điều đó.

Cầu nguyện đã đem lại cho bạn những gì? Câu trả lời là ở mỗi người và có lẽ cũng không sai khi cho rằng, khi bạn cầu nguyện để xua tan mọi góc tối, tìm kiếm sự thanh thản, thì cũng là để mang bình minh đến trái tim bạn, tìm kiếm những niềm vui. Nhưng nếu bạn chỉ có thể khóc, lời cầu nguyện sẽ khích lệ bạn không ngừng, cho đến khi bạn mỉm cười. Vậy nên, dù có mục đích gì đi nữa, điều cuối cùng mà bạn có thể nhận được khi nguyện cầu chính là sự bình yên, thanh thản và nhẹ nhõm trong tâm hồn.

BÍ ẨN NHỤC THÂN CÁC THIÊN SƯ NHỤC THÂN CỤ SƯ RẬU

TRẢI QUA HÀNG TRĂM NĂM VỚI BAO
BIẾN ĐỘNG DÂU BẾ, LÀM THẾ NÀO
MÀ NHỤC THÂN CÁC THIÊN SƯ VẪN
CÒN LẠI ĐẾN NGÀY NAY?

Từ những phát hiện về nhục thân các thiền sư Vũ Khắc Trường, Vũ Khắc Minh ở chùa Đậu, thiền sư Chuyết Chuyết ở chùa Phật Tích, PGS.TS. Nguyễn Lâm Cường đã hé mở phần nào những bí ẩn về nghệ thuật táng tượng và thiền táng độc đáo của người Việt trong công trình khoa học “Phía sau nhục thân của các vị thiền sư” vừa được phát hành. Dưới đây là bài viết của PGS.TS. Nguyễn Lâm Cường về công trình này:

Ngày 3.5.1983, theo yêu cầu của Văn phòng 10 Hội đồng Bộ trưởng, Viện Khảo cổ học cử một đoàn cán bộ xuống chùa Đậu, thuộc huyện Thường Tín (Hà Tây cũ) để kiểm tra tình trạng xuống cấp của gác chuông. Trong đoàn có tôi. Lang thang vòng ra bên phải, sau dãy hành lang, tôi thấy một chiếc am nhỏ, rêu phong mà bên

ngoài cửa phủ mảnh tre. Nhìn vào bên trong, tôi chợt giật mình vì thấy một nhà sư ngồi thiền, đôi mắt “lim dim” như đang suy tư về cõi Phật.

Từ lâu, nhân dân quanh vùng đã truyền tụng với nhau rằng ở chùa Đậu, có hai am nằm ở bên phải và bên trái của chùa. Am bên phải là của thiền sư Vũ Khắc Minh, bên trái là am thiền sư Vũ Khắc Trường. Chuyện kể rằng, khoảng thế kỷ XVII, vào một ngày nọ, thiền sư Vũ Khắc Minh (mà nhân dân trong vùng quen gọi ngài là cụ sư Rau - nhà sư thường chỉ ăn rau trừ bữa) bước vào trong am và nói với các đệ tử rằng: “Mang cho ta một chum nước uống và một chum dầu để thắp. Khi nào thấy dứt tiếng mõ hãy mở cửa am ra. Nếu thấy thi thể của ta đã hỏng, thì dùng đất lấp am đi, còn ngược lại thì dùng sơn ta bả lên thi thể...”.

Dứt lời, cụ bước vào am tọa thiền và chỉ còn nghe vẳng ra tiếng mõ tụng kinh suốt ngày này qua ngày khác. Tròn trăm ngày, các đệ tử không nghe thấy tiếng mõ nữa, vội mở cửa am ra thì thấy ngài vẫn ngồi đấy như đang trong lúc tọa thiền. Hai chân ken vào nhau đúng vị trí của thiền, còn hai tay hơi bị xệ xuống. Nhớ lời thầy dặn, họ vội lấy sơn ta bả lên thi hài.

Trong cuốn Những chùa, đình và nhà thờ của Hà Đông - Phong cảnh Hà Đông xuất bản năm 1932 (tiếng Pháp), tác giả cho rằng đó là những “momies” (xác ướp)

kiểu Ai Cập. Thật sai lầm! Tệ hại hơn, trong một bài báo đăng trên tờ Thời Mới vào năm 1957 lại có tiêu đề khá giật gân: Xác ướp chùa Đậu hàng trăm năm vẫn còn giữ nguyên bộ phận sinh dục!

Bằng con mắt nghề nghiệp, tôi phát hiện qua vết nứt ở trên trán có xương sọ ở bên trong, và thế là tôi nảy ra ý định chụp phim X-quang để chứng minh đây là một nhục thân nguyên dạng. Nếu chứng minh được thì rõ ràng phương thức táng này nằm ngoài 5 táng thức đã có trước đây trên thế giới: địa táng hay thổ táng (chôn trong đất); hỏa táng (đốt thi hài); hải táng hay thủy táng (thả xuống nước); thiên táng hay diều táng (cho chim ăn để được bay lên trời); huyền táng hay táng treo.

Chiều 25.5.1983, tôi chuyển nhục thân thiền sư Vũ Khắc Minh về khoa X-quang Bệnh viện Bạch Mai. Với sự giúp đỡ tận tình của PGS.BS Đặng Văn Ấn, bác sĩ Nguyễn Trọng Đức và các kỹ thuật viên, tôi đã tiến hành soi phần sọ, ổ ngực và ổ bụng. Qua màn hình, tôi thấy toàn bộ xương sườn, xương đốt sống đổ sập xuống nằm gọn trong khoang bụng. Rõ ràng, không có chất dính giữa các xương đốt sống. Hộp sọ còn nguyên vẹn, phần xương lá mía không bị đục vỡ như trên sọ vua Ai Cập Ramsès V để lấy não ra.

Từ đó, có thể suy ra não và các nội tạng - về mặt lý thuyết - là vẫn còn nguyên trong nhục thân. Kết

hợp giữa chiếu và phim chụp, có thể thấy rõ các xương dưới sọ như xương cánh tay, cổ và bàn tay, xương chậu hông, đùi, xương chày, mác và xương cổ chân, bàn chân đều nằm đúng với vị trí giải phẫu. Trong các xương không có cốt bằng kim loại, rõ ràng đây là một nhục thân nguyên dạng.

Bằng phương pháp quang phổ phát xạ vùng tử ngoại và chiếu xạ tia Rơn-ghen khi phân tích chất bồi của nhục thân thiền sư Vũ Khắc Minh, tiến sĩ Lê Nguyên Sốc cũng đã có kết luận phù hợp với ý kiến của chúng tôi về chất bồi. Đó là hỗn hợp của sơn ta, mùn cưa, giấy dó và đất...

Tôi mừng quá, vì như vậy là đã chứng minh được đây là một táng thức mới mà tôi đặt tên là tượng táng (táng theo kiểu làm thành tượng) hay thiền táng (táng theo kiểu ngồi thiền). Sau này tôi mới biết nét văn hóa trên cũng có ở Trung Quốc. Vào thế kỷ thứ VIII sau Công nguyên, kỹ thuật “Giáp trữ tất” (sơn ta bó lụa) đã được thực hiện khi Lục tổ Huệ Năng (638 - 713) viên tịch. Hiện nay, chân thân còn nguyên vẹn để tại Nam Hoa Tự, nằm ở phía tây tỉnh Quảng Đông của Trung Quốc, thuộc thôn Nam Hoa, huyện Khúc Giang, cách thành phố Quảng Châu về phía tây hơn 230 km.

BÍ ẨN NHỤC THÂN CÁC THIÊN SƯ NHỤC THÂN THIÊN SƯ VŨ KHẮC TRƯỜNG

TRONG CHÙA CÒN CÓ PHO TƯỢNG CỔ THỨ HAI:
THIÊN SƯ VŨ KHẮC TRƯỜNG - NGƯỜI TRỤ TRÌ
CHÙA ĐẬU KẾ TỤC NGAY SAU VŨ KHẮC MINH,
KHÔNG CÓ TÀI LIỆU NÀO NÓI ĐÂY LÀ “CHÚ,
CHÁU” NHƯ MỘT SỐ BÁO ĐÃ ĐƯA TIN. NĂM
1893, CHÙA BỊ LỤT, TƯỢNG VŨ KHẮC TRƯỜNG
Nằm Ở VỊ TRÍ THẤP HƠN NÊN BỊ NƯỚC TRÀN
VÀO VÀ BỊ HỎNG. CÁC CỤ TRONG LÀNG ĐÃ
LÀM LẠI MỘT PHO TƯỢNG KHÁC BẰNG SƠN TA
CÓ CỐT DỰNG BẰNG TRE VÀ GỖ RỎI XẾP
XUỐNG VÀO BÊN TRONG.

Trong chùa còn có pho tượng cổ thứ hai: Thiên sư Vũ Khắc Trường - người trụ trì chùa Đậu kế tục ngay sau Vũ Khắc Minh, không có tài liệu nào nói đây là “chú, cháu” như một số báo đã đưa tin. Năm 1893, chùa bị lụt, tượng Vũ Khắc Trường nằm ở vị trí thấp hơn nên bị nước tràn vào và bị hỏng. Các cụ trong làng đã làm

lại một pho tượng khác bằng sơn ta có cốt dựng bằng tre và gỗ rồi xếp xương vào bên trong.

Nhưng chỉ sau vài chục năm, do tượng để trong am cạnh chùa rất ẩm ướt nên đã làm cho cả hai pho tượng xuống cấp trầm trọng. Pho tượng Vũ Khắc Minh bị nứt ở đầu gối và phần mặt. Pho tượng Vũ Khắc Trường, hỏng trầm trọng ở phần chõn, hầu như không còn ngồi được ngay ngắn, nếu không có những miếng gỗ kê ở phía dưới.

Tôi bắt tay viết dự án Tu bổ, bảo quản tượng hai vị thiền sư Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường ở chùa Đậu (Hà Tây) ngay vào đầu năm 2000. Nhóm công tác gồm: PGS.TS. Nguyễn Lâm Cường (Chủ nhiệm dự án), họa sĩ sơn mài Đào Ngọc Hân, các nhà điêu khắc Phạm Xuân Sinh, Nguyễn Ngọc Lâm, kỹ sư Nguyễn Mạnh Hà. Ngoài ra, còn có 6 cơ quan cùng kết hợp để thực hiện dự án, một hội đồng cố vấn và Ban quản lý dự án được thành lập.

Điều khó khăn nhất với chúng tôi là các phương án nêu ra không thể mắc sai lầm vì hai pho tượng này là độc bản, chỉ cần mắc một lỗi nhỏ là không thể sửa chữa được. Chúng tôi là những người hiểu nhất điều này vì các vị lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước lúc đó như ông Nguyễn Khoa Điềm - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó thủ tướng Phạm Gia Khiêm, Bộ trưởng Văn



Họa sĩ sơn mài Đào Ngọc Hân đang thếp vàng tượng gốc thiền sư Vũ Khắc Minh

hóa - Thông tin Phạm Quang Nghị... đã tới tận chùa để nghe chúng tôi trình bày phương án tu bổ - bảo quản hai nhục thân.

Ngày 18 tháng 4 năm 2003 (tức 17 tháng 3 năm Quý Mùi) sau vài tháng tranh luận quyết liệt xem tu bổ nhục thân ở đâu, lễ khởi công dự án tu bổ - bảo quản nhục thân hai vị thiền sư chùa Đậu được tổ chức ngay tại chùa. Và thế là bắt đầu những ngày lao động trong suốt 6 tháng trời...

Bằng kỹ thuật truyền thống: bó, hom, lót, thí, mài và thếp với các nguyên liệu như: sơn ta, vải màn, giấy

dó, mặt cửa và đất, chúng tôi đã tiến hành sơn 14 lớp và thếp vàng đối với tượng gốc Vũ Khắc Minh, còn nhục thân Vũ Khắc Trường thì thếp bạc. Sau mỗi lớp sơn lại tiến hành mài, khiến bề mặt là các lớp sơn đan ken, xoắn quện với nhau. Đến lớp cuối khi phủ quang dầu xong, chúng tôi phát hiện bề mặt pho tượng không nhẵn. Những hạt bụi lơ lửng trong không trung đã bám vào bề mặt tượng.

Chúng tôi quyết định làm lại và thực hiện khâu này trong... màn. Trời nóng, mấy anh em phải xoay trần suốt cả buổi chiều. Thật tuyệt vời, 2 ngày sau kiểm tra trên mình thiền sư mịn bóng, không một gợn bụi...

Với pho tượng của thiền sư Vũ Khắc Trường, vốn là pho tượng đã được dựng lại năm 1893, nên có nhiều chi tiết sai lệch về mặt giải phẫu. Trong dự án soạn thảo đầu tiên, tôi có ý định dỡ ra, thu thập xương cốt rồi dựa theo xương sọ để phục nguyên lại đúng với vẻ mặt ban đầu của thiền sư. Đây là phương pháp của Gherasimov (người Nga) mà tôi là người Việt Nam đầu tiên và duy nhất được học tập tại nước ngoài.

Nhưng nhà chùa và cơ quan văn hóa thông tin địa phương không tán thành, vì cho rằng nhân dân địa phương hơn trăm năm nay đã in đậm trong tâm khảm hình ảnh của cụ Vũ Khắc Trường hiện tại rồi. Dù phục dựng pho tượng mới có giống với hình hài thật của cụ,



Tượng đôi chúng (trước) và tượng gốc (sau) của thiền sư Vũ Khắc Minh (ảnh: N.L.C)

họ cũng sẽ không chấp nhận. Tôi đành phải theo ý họ, mặc dầu vẫn ăm ứ!

Pho tượng bị hỏng trầm trọng, bề mặt tượng lớp sơn bị mủn nát. Chỉ cần một tác động nhẹ là cả pho tượng sẽ bị đổ sập xuống. Do đó không thể đổ thạch cao làm khuôn trên chính pho tượng gốc để làm tượng đối chứng.

Nhóm chúng tôi quyết định giao cho nhà điêu khắc trẻ Nguyễn Ngọc Lâm làm một pho tượng bằng đất sét có kích thước, hình dáng giống hệt tượng gốc và tiến hành đổ khuôn để tu bổ phần chân và pho tượng đối chứng.

Vào một buổi chiều mùa hè, tôi ngồi ngắm pho tượng gốc của Vũ Khắc Trường và cứ suy nghĩ mãi không hiểu tại sao vị thiền sư này có cánh tay dài thế, khi so sánh với tỷ lệ chung của pho tượng. Tôi bàn bạc với họa sĩ sơn mài Đào Ngọc Hân và quyết định “bí mật” khoét bốn ô nhỏ ở vùng gần đầu xương cánh tay và khuỷu tay. Điều này cấp trên không tán đồng, nhưng chúng tôi cứ “liều” vì biết đâu có thể phát hiện ra một chân lý nào đó...

Ước mơ ấy của chúng tôi đã thành sự thật. Trong hố khoét của cánh tay phải ở phía trên gần vai, tôi phát hiện ra rỗng rọc và chỏm của xương cánh tay (đã bị đặt lộn ngược), bên cạnh nó là xương mác của xương ống chân được ghép vào xương cánh tay và cũng bị lộn đầu. Đây chính là nguyên nhân làm cánh tay của thiền sư dài quá cỡ. Chúng tôi đã tiến hành phủ sơn ta, giấy bản, vải màn, mặt cửa, đất và thép bạc mà chỗ dày nhất tới 22 lớp. Toàn bộ pho tượng thiền sư Vũ Khắc Trường nặng 31 kg.

Ngày nay ai tới chùa Đậu cũng thấy có 2 cụ Minh, 2 cụ Trường, từng cặp giống nhau như hệt. Thật ra chỉ có 2 pho tượng gốc là đặt trong nhà tổ. Hai pho còn lại được làm bằng thạch cao để đặt trong am ở hai bên cạnh chùa.

BÍ ẨN NHỤC THÂN CÁC THIÊN SƯ: CHUYỆN LẠ TỪ LÀNG PHẬT TÍCH

CHÙA PHẬT TÍCH - NGÔI CHÙA THỜI LÝ
NGHÌN NĂM TUỔI CÒN GIỮ ĐƯỢC PHO TƯỢNG
ĐÁ LỚN NHẤT VÀ NHỮNG CON THÚ BẰNG ĐÁ,
NẪM TRÊN LƯNG CHÙNG NÚI LẠN KHA, XÃ
PHẬT TÍCH, HUYỆN TIÊN DU, TỈNH BẮC NINH.
NHƯNG TẠI SAO LẠI CÓ TÊN LẠN KHA,
TIÊN DU VÀ PHẬT TÍCH?

CHUYỆN XƯA

Trèo lên đỉnh núi phía sau chùa, chúng ta sẽ bắt gặp mấy khối đá vuông, mặt phẳng. Các cụ già trong làng bảo đấy là bàn cờ tiên. Tương truyền, trong làng lúc đó có một chàng tiểu phu tên gọi là Vương Chất. Một hôm, nhân lên núi đốn củi, Vương Chất thấy hai cụ già râu tóc bạc phơ đang ngồi đánh cờ trên tảng đá bằng phẳng. Hai cụ vừa đánh cờ vừa ăn đào và vút hột sang bên.

Vương Chất vừa xem cờ, vừa nhặt hạt đào để ngậm tiếp. Ván cờ vừa xong, nhìn xuống chân, thấy chiếc cán rìu đã mục và cũng là lúc hai cụ biến vào sau hàng thông hiu quạnh... Soi mình trong bóng nước thấy râu tóc bạc trắng, chàng mới chợt hiểu rằng mình đã lăm sống một thời gian dài ở cõi tiên - một năm bằng sáu, bảy mươi năm ở cõi trần. Thế là, vì có tiên xuống chơi mà người ta gọi là Tiên Du và cũng vì “cán rìu mục nát” mà núi ở đây cũng còn có tên là Lạn Kha...

Truyện kể lại, chùa xưa rộng rãi khang trang có tới 300 tòa nhà. Chỉ riêng công việc dọn dẹp đã cần tới 70 người. Đặc biệt ngọn tháp của chùa cao vời vời, nhòà lẫn trong mây, đến nỗi ở tận kinh thành Thăng Long vẫn còn nhìn rõ. Nhà vua ngạc nhiên hỏi cận thần có sao ở nơi thôn dã mà lại có cây tháp cao hơn cả cung điện trong hoàng thành?

Sau lời “quở” đó, cây tháp thần kỳ bị đổ dọc theo sườn núi, gạch đổ xuống tới tận đầu làng dài gần cây số, nơi ấy nay còn tên là “Ngõ Gạch”. Dưới lòng đáy tháp lộ ra một pho tượng Phật sùng sững. Pho tượng ấy nay vẫn còn, gọi là tượng Phật A Di Đà. Để ghi lại tích Phật ấy, làng đổi tên là Phật Tích và dời lên sườn núi.

BÍ ẨN THÁP BÁO NGHIỆM

Vào một đêm cuối tháng 8.1989, trời mưa tầm tã, những tia sét cuối hè xé ngang bầu trời tối đen như mực,

liếm sang cả phía sau sườn núi Lạn Kha. Chính trong cái đêm mưa bão ấy, kẻ gian đã lén lén sau chùa phá ô cửa nhỏ bằng đá của tháp Báo Nghiêm, hòng tìm kiếm vàng bạc, hay tượng đồng đen trong tháp. Tháp Báo Nghiêm, dựng năm Chính Hòa thứ 13 (1692), cao bốn tầng. Mặt tháp có chạm tượng Phật, ngồi trên tòa sen.

Bọn trộm có ngờ đâu, trong lòng tháp chỉ vón vện có một vại sành, trong đó đựng xương và những mảnh vỡ của một pho tượng cổ. Ngày hôm sau, đoàn tham quan gồm bảy nhà sư do Thượng tọa Thích Thanh Quang - trụ trì chùa Quỳnh Lâm (tỉnh Quảng Ninh) dẫn đầu lên thăm khu tháp bỗng nhìn thấy các mảnh xương, mảnh bồi nằm tung tóe dưới chân tháp. Thượng tọa vội báo cho Ban di tích “Tìm thấy di hài của Phật Tổ rồi!...”.

Ông Trần Xuân Trường và Ban di tích của chùa vội gom lại xương và các mảnh bồi vào trong một hòm kính đặt ở chùa. Chẳng mấy chốc, cái tin tìm thấy thi hài của “Phật Tổ” lan đi rất nhanh. Đúng vào thời gian này, tôi đang nghiên cứu tại Viện Khảo cổ học Viện Hàn lâm khoa học Cộng hòa Liên bang Nga (Liên Xô cũ) ở Moscow. Về nước vào đầu tháng 3.1991, thì giữa tháng 4, tôi được Ban di tích của chùa Phật Tích mời lên nghiên cứu nhục thân của thiền sư.

Ngày 26.4.1991, trở lại chùa Phật Tích lần thứ hai, suốt cả một ngày trời tôi loay hoay chấp gấn và khớp

được ống chân phải với phần dưới của đùi, tạo thành một góc nhọn, chúng tôi khẳng định tư thế hai chân ngồi xếp bằng tròn của pho tượng. Chúng tôi đã phát hiện ra 209 mảnh bồi và 133 mảnh xương. Nghiên cứu góc xương mu, khuyết ngồi lớn, móm chũm... chiều dài xương đùi, chúng tôi cho rằng đây là di hài của một người đàn ông chừng 65-70 tuổi, cao 1,59m.

Đặc biệt chúng tôi tìm được bảy đoạn dây đồng nằm lọt giữa mảnh bồi. Như vậy, chắc chắn người ta đã dựng khung xương trước nhờ những đoạn dây đồng và bồi ra bên ngoài để tạo tượng. Chất bồi cũng là sơn ta, vải màn, mặt cửa, đất... giống chất bồi của thiền sư Vũ Khắc Minh, nhưng cách tạo tượng thì khác hẳn vì không bồi trực tiếp lên thi hài.

Nhìn chiếc vại đựng thi hài, chúng tôi thấy nét vẽ rồng bằng phẩm màu rất sơ sài, nên tôi và nhà khảo cổ học Trịnh Cao Tường đều cho rằng đây là chiếc vại có niên đại rất muộn - chỉ cách ngày nay vài chục năm, không thể so sánh với niên đại của tháp. Thế thì có đúng đây là di hài của thiền sư Chuyết Chuyết hay không? Tại sao bức tượng có xương cốt của ngài lại bị đập vỡ và để trong vại đặt trong tháp Báo Nghiêm của chùa Phật Tích? Tất cả những câu hỏi trên mãi sau này chúng tôi mới có lời giải đáp...

BÍ ẨN NHỤC THÂN CÁC THIÊN SƯ THIÊN SƯ CHUYẾT CHUYẾT VÀ HÀNH TRÌNH TÌM VỀ SỰ THẬT

NGÀY 10.10.1992, BÀ NGUYỄN THỊ LAN - PHÓ BAN
DI TÍCH, CHÍNH THỨC ĐỀ NGHỊ TÔI ĐỪNG RA
CHỊU TRÁCH NHIỆM PHỤC NGUYÊN NHỤC
THÂN THIÊN SƯ CHUYẾT CHUYẾT. TỔ CÔNG
TÁC ĐƯỢC THÀNH LẬP NGAY GỒM: HỌA SĨ
SƠN MÀI ĐÀO NGỌC HÂN, NHÀ ĐIỀU KHẮC BÙI
ĐÌNH QUANG, HỌA SĨ NGUYỄN ĐÌNH HIỂN, VÀ
TÔI, CHỊU TRÁCH NHIỆM CHỈ ĐẠO TRỰC TIẾP.

Toàn bộ chi phí cho việc phục dựng được nhiều phật
tử đóng góp vền vẹn chỉ có 5 triệu đồng! Ngồi tính
toán mãi tôi thấy đúng là chỉ đủ tiền mua sơn ta, vàng
lá để dát và một số nguyên vật liệu khác. Tôi nói thẳng
với anh em là kinh phí quá hạn hẹp, nên việc phục dựng
xin cái tâm là chính, chứ không có công xá gì cả... Anh
em trong cả tổ đều vui vẻ tán thành. Có khó khăn mới
thấy được họ đúng là những người bạn tuyệt vời của tôi.

Được sự giúp đỡ của Sở Văn hóa - Thông tin Bắc Ninh, Phòng Văn hóa huyện Tiên Sơn, ngày 12.1.1993, chúng tôi đã chuyển 133 mảnh xương và 209 mảnh bồi về Hà Nội để nghiên cứu.

Cả nhóm chúng tôi trao đổi, tranh luận với nhau xem nên phục dựng toàn bộ pho tượng bằng cách nào. Lúc đầu, có ý kiến đưa ra là dùng dây đồng nối các xương lại, kết hợp với khung tre làm cốt để dựng tượng. Bàn đi tính lại mãi thấy không ổn, vì bản thân tôi muốn bên trong tượng của thiền sư chỉ nên có di cốt của ngài. Cuối cùng, cả nhóm nhất trí theo phương án từng bước như sau:

1. Tái tạo pho tượng bằng đất sét theo tư thế ngồi thiền.

2. Đổ khuôn pho tượng, bằng cách tạo các mảng khuôn.

3. Bồi sơn ta, lót vải màn, rắc mặt cửa, trộn sơn ta tất cả là 10 lớp ở mặt trong của khuôn.

4. Gắn xương vào đúng vị trí giải phẫu bằng chất liệu sơn ta trộn với mùn cửa.

5. Khi sơn ta với lớp vải màn, mặt cửa đã khô cứng lại, tiến hành phá khuôn thạch cao ở bên ngoài, gỡ các mảnh bó cốt và gắn thành hình tượng thô.

6. Tiếp theo là các công đoạn làm sơn thông thường: “bó” hai nước, “hom” ba nước, “lót” hai nước và “thí” hai nước.

7. Thép bạc.

8. Quang dầu hai lần.

Cả nhóm chúng tôi đã miệt mài lao động trong hơn ba tháng rưỡi và sáng 1.5.1993, nước sơn quang cuối cùng đã phủ kín pho tượng, kết thúc công việc của một phương án táo bạo, mà chưa một nhà điêu khắc nào làm theo kiểu này: tượng hoàn toàn không có cốt bằng sắt, thép hay tre, gỗ làm trụ ở bên trong.



Mặt trong của mang khuôn

Phục nguyên nhục thân xong, tôi cứ băn khoăn mãi, vì không hiểu có chắc vị thiền sư mà chúng tôi phục nguyên là thiền sư Chuyết Chuyết hay không? Ban Di tích của chùa nói với tôi, vị sư trụ trì ở chùa Phật Tích trong thời gian trước chiến tranh là đại đức Hồng Đức, đã mất năm 1980(?). Nhưng không thể chỉ có một vị sư ở chùa, nghĩ vậy nên tôi lần dò tìm mãi thì được biết còn có ông già Triệu vốn là sư bác của chùa vào những năm trước khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ.

Tìm đến thôn Mao Rộc, cách chùa Phật Tích 15 km, tôi gặp được cụ Nguyễn Chí Triệu, vốn là sư bác ở chùa 45 năm về trước. Tôi mở cặp lấy ra tám ảnh chụp pho



Nhục thân thiền sư Chuyết Chuyết sau khi phục nguyên

tượng mà chúng tôi vừa phục chế, đưa cho cụ xem. Nheo nheo đôi mắt, cụ trả lời ngay: “Đúng là cái tượng để trong khám rồng đấy”. Trở về Hà Nội, tôi lật tìm cuốn sách Phật Lục của Trần Trọng Kim xuất bản năm 1943, tới trang 95 thì thấy tác giả cũng khẳng định rõ “khám thờ Tổ đệ nhất bó cốt làm tượng...”.

Lại có cả bản vẽ minh họa vị trí đặt pho tượng Chuyết Công trong nhà Tổ, nhưng không có ảnh chụp

chiếc khám. Tiếp tục lục tìm kho tư liệu ảnh về chùa Phật Tích của Viện Thông tin khoa học xã hội, tôi không hề thấy ảnh chiếc khám nào. Nhưng thật may mắn khi lật tìm những tư liệu của chùa Bút Tháp, tôi chợt thấy bức ảnh mang ký hiệu số 7956 chụp một chiếc khám vào năm 1930 và có chú thích phía sau bằng tiếng Pháp “Khám gỗ chạm trổ thép son giữ tượng nhà sư Chuyết Công”.

Chùa Bút Tháp ở Bắc Ninh, cách chùa Phật Tích chỉ độ dăm cây số theo đường chim bay. Nơi đây cũng có tháp Báo Nghiêm, nhưng không hề có chiếc khám gỗ thờ Tổ đệ nhất. Chắc chắn người ta đã xếp nhầm bức ảnh này vào số ảnh của chùa Bút Tháp. Tôi lại vội vàng phóng xe máy lên gặp sư bác Nguyễn Chí Triệu để xác nhận xem có đúng chiếc khám của chùa Phật Tích không?

Ông đã khẳng định đó là chiếc khám đặt tượng tổ Chuyết Chuyết. Từ những câu chuyện trên, chúng tôi suy đoán rằng: Khi kháng chiến bùng nổ, thấy chùa bị địch pháo kích, sau đó lại bị đốt cháy, nên có thể vị sư trụ trì của chùa đã đập vỡ pho tượng cổ thành nhiều mảnh nhỏ, đưa vào vại sành rồi giấu vào tháp Báo Nghiêm.

Đây chính là nhục thân của thiền sư Chuyết Chuyết vốn đặt trong khám rồng ở nhà Tổ. Thế là sự thật được minh chứng...

BÍ ẨN ĐỀN THỜ BAALBEK

NẾU BẠN BỊ THU HÚT BỞI CẤU TRÚC ĐÁ
KHỔNG LỒ HAY KIM TỰ THÁP AI CẬP,
NHỮNG NGÔI ĐỀN ĐỒ NÁT Ở BAALBEK SẼ
KHÔNG LÀM BẠN THẤT VỌNG.





Kiến trúc của ngôi đền này nổi tiếng với những cột đá

Một phần của những phế tích này nằm bên sông Litani, tại Thung lũng Bekaa của Li-băng, thuộc thời kỳ La Mã. Nhưng phần lớn các di tích này được cho là có từ một nền văn minh còn lâu đời hơn nữa. Các phế tích này được coi như một trong những kỳ quan hấp dẫn nhất trên thế giới.

Những ngôi đền thờ các vị thần La Mã như: Mercury, Jupiter và Venus nằm trong số những báu vật còn được bảo tồn tốt nhất hiện nay. Bên cạnh đó, các chuyên gia cũng có thể nhận thấy tầm ảnh hưởng mang tính bản địa của những ngôi đền đồ nát này cũng như chỉ ra được rằng chúng được xây dựng nên để thờ các vị thần địa phương như Hadad và Atargatis.



Tảng đá khổng lồ còn lại là một phế tích

Nhưng điều chủ yếu làm nên sự kỳ diệu của cấu trúc bằng đá này là nền móng cự thạch đồ sộ của những ngôi đền La Mã. Bạn có thể nhận thấy ba trong số những tảng đá đó có trọng lượng xấp xỉ 350 tấn. Điều bí ẩn là những tảng đá này đã được xẻ ra, đẽo tạc, vận chuyển qua hàng dặm và nâng lên tới độ cao 7m để đặt bên trên những tảng đá nhỏ hơn như thế nào.

Tuổi thọ của những tảng đá khổng lồ này được tiết lộ là còn lớn hơn rất nhiều so với thời đại La Mã. Những ghi chép lịch sử của Baalbek chỉ ra rằng



Những dấu tích xưa cũ

chúng đã có từ 2,000 năm trước khi Alexander Đại Đế đến chinh phục Baalbek và biến nơi đây thành thành phố của những người hành hương mang tên Heliopolis.

Không chỉ vậy, những tảng đá được đưa lên bởi những người La Mã (không bao giờ vượt quá 70 tấn) còn nhẹ hơn rất nhiều so với những tảng đá khổng lồ trên đây. Nếu bạn đến thám hiểm một mỏ đá cách xa 3 dặm so với những ngôi đền, bạn vẫn có thể tìm thấy một



Những cấu trúc đồ sộ hoàn toàn bằng đá

tảng đá không bị dời đi có tên “Tảng đá của người phụ nữ mang bầu” có trọng lượng khoảng 1500 tấn.

Ở thời xa xưa, quả là một điều kỳ diệu khi những tảng đá lớn được cắt ra và ghép lại với nhau không một kẽ hở chính xác đến tuyệt đối như vậy. Đây chắc chắn là những tảng đá lớn nhất thế giới. Nó khiến chúng ta tự hỏi không hiểu người ta đã sử dụng kỹ thuật nào để lắp đặt và bố trí những tảng đá khổng lồ này.



Phế tích còn lại gợi nhớ về một thời hoàng kim

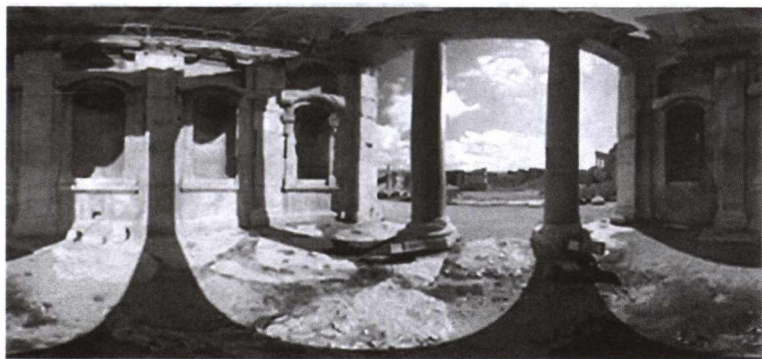
Có tổng cộng 24 tầng đá như vậy nằm cạnh nhau trong khu đền, tầng nhỏ nhất khoảng 300 tấn, có kích thước 20x5x5 mét. Kiến trúc hai tầng đá đỡ một tầng nằm ngang tuyệt diệu, bao gồm một hàng 3 tầng đá nằm ở phía Tây đền thờ Bal-Jupiter, mỗi tầng nặng không ít hơn 750 tấn. Phần nền móng được nâng lên gọi là “tel” được coi như một địa điểm thiêng liêng của cả người La Mã và người Canaanite. Mặc dù có một vài ý kiến cho rằng đó có thể là tàn dư của một vài pháo đài thời Trung cổ.



Những địa điểm này luôn thu hút khách du lịch

Điểm không hài hòa ở đây chính là sự thiếu hụt về kỹ thuật làm chủ kiến trúc trong bố cục của những tảng đá của người La Mã. Chúng được đặt khá lộn xộn so với những tảng đá nguyên khối nằm gần đó của một nền văn hóa khác.

Chúng ta có thể thấy rõ ràng những khối đá này khác với những khối đá trong các công trình của người La Mã, bởi vòng ngoài của ngôi đền Jupiter không bao gồm toàn bộ chiều dài của những khối đá tảng nằm bên dưới. Ngôi đền chỉ đứng phía trên 3 tảng đá, để lộ



ra ở một phía là phần đá nguyên khối không được sử dụng. Nếu quan sát kỹ phần tường phía sau ngôi đền, bạn có thể tự nhận thấy kết cấu đá bị hư hỏng nhiều. Đó có thể là kết quả của việc người Ả Rập, Thổ Nhĩ Kỳ hay những người tham gia trong cuộc Thập tự chinh đã biến những ngôi đền đồ sộ này thành một thành lũy để bắn đạn đại bác.

Điều đáng ngạc nhiên hơn là những tảng đá khổng lồ lại không phải là lớp nền móng. Công trình nguyên thủy có vẻ như đã được xây dựng bởi nhiều khối đá nhỏ được dùng để đỡ những khối đá khổng lồ bên trên. Bằng cách này, cấu trúc đã bị đảo ngược. Người ta đã khai quật được 3 tầng đá nằm phía dưới, trong đó bao gồm cả những khối đá nhỏ hơn. Điều này giống như một cuộc cách mạng thú vị của nghệ thuật xây dựng bằng đá – với việc phát triển mô hình đảo ngược.

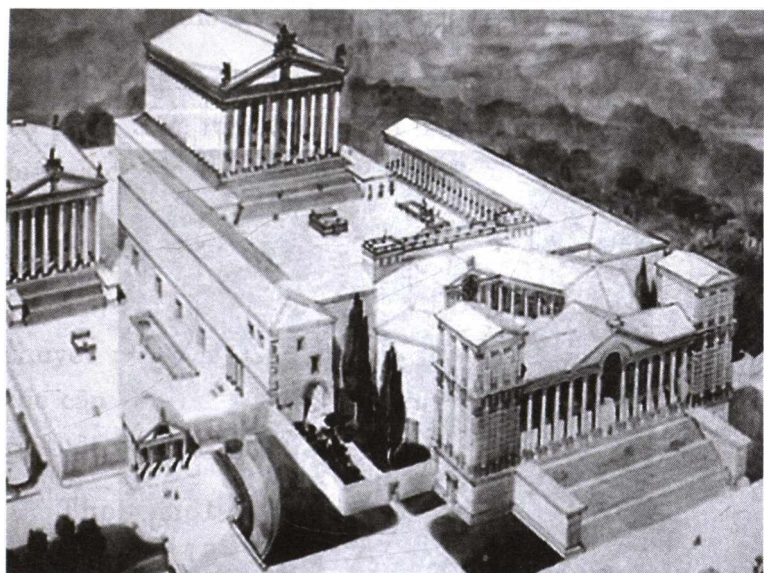


Phế tích sẽ mãi mãi không thể nào phục dựng lại được

Những điều vẫn còn không thể tưởng tượng được với kỹ thuật hiện đại ngày nay đã được thực hiện bởi những cư dân thuộc những nền văn hóa vô danh. Tuy vậy, mục đích của việc xây dựng công trình bằng đá đồ sộ này vẫn còn là một bí ẩn trong những năm tới.



Công trình vĩ đại nhìn từ xa



Toàn bộ quần thể này được tái tạo lại bằng máy tính

"NHỮNG NGƯỜI MẶC ĐỒ ĐEN" BÍ ẨN LÀ CHUYỆN CÓ THẬT?

"MEN IN BLACK" LÀ BỘ PHIM KHOA HỌC GIẢ
TƯỞNG NÓI VỀ NHỮNG NGƯỜI MẶC ĐỒ ĐEN
BÍ ẨN - NHỮNG KẺ LUÔN TÌM CÁCH XÓA TRÍ
NHỚ CỦA BẤT CỨ AI TRỐT NHÌN THẤY UFO.
HỌ CÓ THẬT HAY CHỈ "ẢO" NHƯ TRÍ TƯỞNG
TƯỢNG MÀ THÔI?



Bộ phim "Men in Black"- "Những người mặc đồ đen"

Bộ phim “Men in Black” - “Những người mặc đồ đen” - có lẽ đã quá quen thuộc với các fan của điện ảnh. Đây là một bộ phim khoa học giả tưởng được sản xuất năm 1997 bởi đạo diễn Barry Sonnenfeld, với sự diễn xuất của các diễn viên Tommy Lee Jones, Will Smith và Vincent D'Onofrio. Phim từng được chiếu ở Việt Nam.

Trong phim này, người ta có nhắc tới một **tổ chức có tên MIB** - một tổ chức phi chính phủ và có nguồn gốc vô cùng bí ẩn. Tổ chức này gồm những thành viên mặc đồ đen, sử dụng một thiết bị có tên “Neuralyzers” để... xóa trí nhớ của những người đã trót thấy UFO.

Chắc hẳn rất nhiều người trong chúng ta nghĩ rằng bộ phim thực ra là một kịch bản xuất sắc của các nhà biên kịch Hollywood. Nhưng thực tế, bộ phim này được dựng lên từ những giả thuyết xuất phát từ các câu chuyện bí ẩn có thật trong thực tế.

Theo một nhà nghiên cứu UFO có tên Jerome Clark: “Không hẳn tất cả các



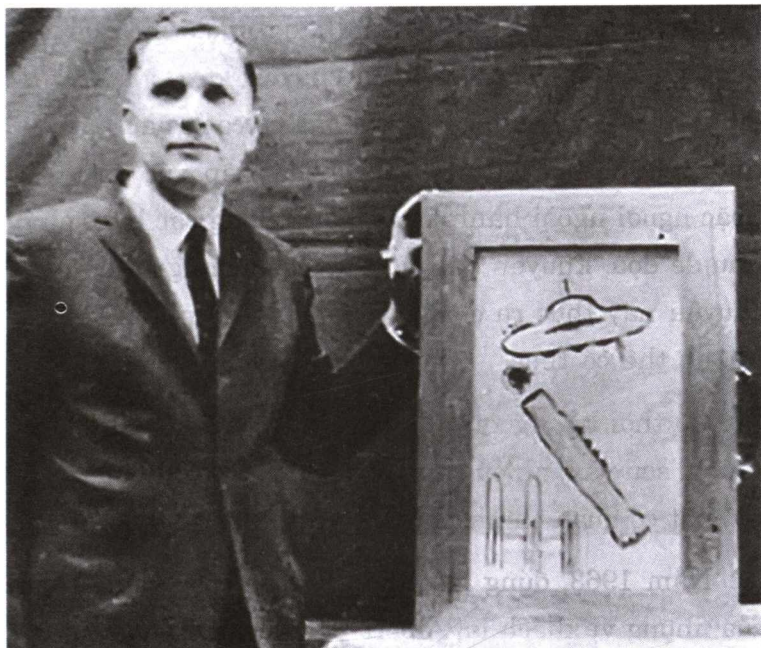
Nhà nghiên cứu UFO có tên Jerome Clark

thành viên của MIB đều mặc đồ đen. Bộ đồ đen chỉ nhằm tạo một cảm giác kỳ lạ, có phần đáng sợ, góp phần công việc của họ trở nên dễ dàng hơn mà thôi”.

Khái niệm “những người mặc đồ đen” xuất hiện lần đầu tiên vào những năm 1950 và 1960. Theo Clark, cuộc chạm trán với những người mặc đồ đen đầu tiên có lẽ là vào năm 1953, khi một nhà nghiên cứu có tên Albert K. Bender khẳng định rằng ông ta đã khám phá ra bí mật đằng sau những chiếc đĩa bay.

Tuy nhiên, sau đó Bender đã bị 3 người đàn ông trong bộ đồ đen, đội mũ đen đe dọa không được phép tiết lộ bí mật. Lúc đó, Bender khẳng định những người kia là người của chính phủ Hoa Kỳ. Nhưng sự việc càng ngày càng có những chi tiết bất bình thường, siêu nhiên buộc người ta phải nghĩ tới một cái gì đó khác - chẳng hạn như những chiếc đĩa bay chính là vật thể lạ từ ngoài hành tinh.

Thực tế, ban đầu Bender đã giấu kín chuyện về những người mặc đồ đen cũng như cuộc chạm trán của mình với họ sau khi ông cho xuất bản cuốn “***Maury Island Incident***”. Cuốn sách viết về một sự kiện xảy ra năm 1947 khi 1 người đàn ông có tên Harold Dahl ghi nhận rằng một UFO đã rơi trúng vào thuyền và giết chết con chó của ông ta. Ngày hôm sau, Dahl đã bị một người đàn ông mặc đồ đen chặn lại và cảnh cáo,



Albert K. Bender

yêu cầu ông ta giữ bí mật. Vì sợ hãi, Dahl đã làm đúng như vậy.

Từ đó trở đi, những người mặc đồ đen trở thành một hiện tượng mà người ta thường xuyên nhắc bên cạnh UFO.

Những người mặc đồ đen luôn có thông tin về tất cả những vụ đụng độ UFO hoặc cái gì đại loại như thế trên thế giới. Khi xác định được mục tiêu cần tiếp cận, họ luôn điều tra cẩn thận và nắm rõ thân thế cũng

như cuộc sống của người đó. Những người mặc đồ đen được ghi nhận trong các câu chuyện kể lại không có dụng cụ tẩy não nào cả. Họ không có cách nào làm cho nhân chứng quên đi việc mình đã tiếp xúc với UFO hoặc người ngoài hành tinh. Họ sử dụng các biện pháp như đe dọa, khuyên bảo, cố thuyết phục người đó rằng chuyện này thực ra chỉ là ảo giác, là sự nhầm lẫn, nó không thể có thực.

Có thời kỳ, người ta đổ cho CIA chính là MIB. Tuy nhiên, sau này, nhiều bằng chứng cho thấy không có bất kỳ một cơ quan chính phủ nào có thể là MIB cả.

Năm 1963, đúng một thập kỷ sau cuộc viếng thăm của những vị khách lạ, Albert Bender cho xuất bản một cuốn sách có tên ***"Flying Saucers and the Three Men In Black"***. Đó là một cuốn sách kỳ lạ. Trong sách, tác giả không chỉ đề cập tới những người đàn ông mặc đồ đen mà còn nói tới 3 người phụ nữ trong bộ đồ trắng toát. Theo Bender thì họ rất xinh đẹp. Ánh mắt của họ có một sức hút kỳ lạ.

Mắt của những người trong tổ chức MIB dường như phát ra một thứ ánh sáng nào đó. Đây là nguyên nhân mà họ luôn phải mang theo kính râm khi xuất hiện. Thành viên của MIB thường xuất hiện với các nhóm 3 người, mặc đồng phục, đi xe Cadillac.



Ảnh chụp UFO của Heflin

Tháng 8 năm 1965, Heflin khẳng định rằng ông ta đã chụp được một loạt những tấm ảnh về một UFO trong khi đang đỗ xe ở Santa Ana Freeway. Những bức ảnh rõ nét hiện rõ một vật thể hình đĩa bay lơ lửng trên bầu trời. Những bức ảnh này gây được sự chú ý lớn với dư luận. Cùng lúc đó Không Lực Hoa Kỳ quyết định điều tra câu chuyện của Heflin.

Những cuộc điều tra của đơn vị an ninh cho thấy những bức ảnh kia có thể là giả. Nhưng đó chỉ là những nhận xét khi nhìn qua những bản sao của ảnh. Muốn khẳng định, người ta cần có những tấm ảnh gốc của nó. Những bức ảnh thuộc loại ảnh Polaroid, một loại ảnh không có phim âm bản.

Heflin khai nhận rằng 3 trong số 4 bức ảnh gốc đã được trao cho một người đàn ông nói rằng mình là đại diện của Bộ Phòng Không Bắc Hoa Kỳ (NORAD). NORAD phủ nhận việc này. Họ chưa bao giờ đưa một điều tra viên nào đi làm vụ này cả. Vậy là có kẻ đã mạo nhận để lấy đi những bức ảnh.

Số ảnh này đã được công bố, như vậy là không có giá trị về tiền bạc. Nếu vậy kẻ lấy đi những tấm ảnh có ý định gì? Che giấu sự thật về UFO? Chúng là ai? Những người mặc đồ đen? Tất cả đều có thể.

Ngày 11 tháng 10 năm 1967, 2 năm sau vụ việc của Heflin, ông lại có một vị khách kỳ lạ khác tới gặp. Một

người đàn ông tự xưng là Captain C.H. Edmonds thuộc Không Lực đã đến nhà ông. Captain Edmonds hỏi Heflin liệu ông còn quan tâm đến những bức ảnh không. Khi Heflin nói không, người đàn ông tỏ ra nhẹ nhõm. Đột ngột người đàn ông kia chuyển chủ đề sang tam giác quỷ Bermuda. Đây là nơi xảy ra hàng loạt các vụ mất tích bí ẩn. Người đàn ông này nói rằng những vụ mất tích này liên quan tới UFO.

Sau này, Không Lực khẳng định họ không có ai có cái tên như vậy. Mọi điều tra tìm hiểu về người đàn ông bí ẩn cũng không đem lại kết quả.

Một câu chuyện kỳ lạ nữa cũng nói về một gia đình vô tình nhìn thấy một UFO. Sau khi sự việc xảy ra, gia đình trên đã được một vị khách vô cùng kỳ lạ viếng thăm. Ivan Sanderson, người kể lại câu chuyện này trong cuốn “Uninvited Visitors”, nói về vị khách: “cao tới hơn 2 mét, cái đầu nhỏ, da trắng dã, trông rất đáng sợ”. Người khách kỳ lạ nói anh ta là một nhân viên điều tra bảo hiểm, tới tìm một người có tên trùng với tên người chồng trong gia đình. Vị khách khẳng định rằng người mà ông ta đang tìm kiếm được thừa hưởng một số tiền rất lớn. Sanderson kể lại: “Vị khách kỳ lạ xuất hiện trong đêm tối chỉ với một chiếc áo khoác mỏng. Anh ta có đưa ra thẻ chứng minh nhưng rút lại rất nhanh”.

Vị khách kia hỏi nhiều về các vấn đề riêng tư của gia đình. Anh ta không đề cập gì tới chuyện UFO. Điểm đáng sợ nằm trong lời kể của người con gái. Cô gái kể lại rằng từ chiếc quần của vị khách, một dòng dung dịch màu xanh chảy ra. Cô không biết đó là cái gì. Sau khi hỏi han, người khách kia ra về. Anh ta đi vào trong một chiếc xe đen, to. Bên trong có hai người đang chờ, chiếc xe biến mất trong đêm tối.

Một câu chuyện khác nữa là chuyện một cặp vợ chồng trong khi đang lái xe về nhà mình ở Portsmouth, New Hampshire, từ Canada vào đêm 19 tháng 9 năm 1961. Cặp vợ chồng này đã nhìn thấy một chiếc đĩa bay trên đường về nhà. Tuy nhiên đó là tất cả những gì họ nhớ. Phần sau của ký ức là khi hai người đã ở cách xa con đường kia tới 7 dặm. Một phần ký ức thực sự đã biến mất trong đầu họ. Cho dù có đăng trí tới mấy thì không thể có chuyện người ta đi hơn 7 cây số đường mà không biết mình đang làm gì được.

Những câu chuyện về “những người mặc đồ đen” rất nhiều. Những tài liệu và thông tin trên internet lên tới hàng chục, thậm chí cả trăm trang. Nếu bạn là người thích khám phá và có khả năng tiếng Anh tốt, bạn hoàn toàn có thể lên mạng và tìm đọc.

BÍ ẨN VỀ CẬU BÉ SIÊU KHỎE

LÚC 5 THÁNG TUỔI, LIAM HOEKSTRA Ở BANG MICHIGAN (MỸ) ĐÃ CÓ THỂ THỰC HIỆN ĐƯỢC ĐỘNG TÁC THỂ DỤC KHÓ LÀ ĐU NGƯỜI TRÊN HAI TAY MẸ. 8 THÁNG TUỔI, LIAM CÓ THỂ LÊN XÀ ĐƠN VÀ 9 THÁNG TUỔI, CẬU BÉ ĐÃ TRÒ LÊN XUỐNG CẦU THANG.



Liam Hoekstra, 3 tuổi, bị thiếu hụt myostatin, khiến các bó cơ phát triển quá mức và khiến cậu không thể béo được. Cậu đang cầm quả tạ nặng gần 2,5kg ở nhà mình, tháng 12/2008. Ảnh: ABC.

C háng mấy chốc, gia đình nghĩ nên đưa cậu con nuôi này đến bác sĩ, và ở đây Liam được chẩn đoán rơi vào một tình trạng hiếm gặp có tên gọi trương cơ liên quan đến myostatin.

Tình trạng này hiếm đến nỗi, y văn thế giới chỉ ghi nhận vài trường hợp.

Tuy chỉ có rất ít người rơi vào tình trạng này, song nó đã thu hút sự chú ý của các nhà khoa học, các bác sĩ và những nhà xây dựng khi muốn mô phỏng sức mạnh của tự nhiên.

Nguyên nhân sâu xa của tình trạng liên quan đến một protein kiểm chế tăng trưởng cơ có tên gọi myostatin. Nếu trong người có hàm lượng protein này cao thì cơ thể rất khó phát triển các bó cơ. Ngược lại hàm lượng thấp khiến cho các bó cơ phát triển quá mức.

Sau khi tìm hiểu trên chuột và gia súc, các nhà khoa học phát hiện thấy đột biến tự nhiên myostatin ở một vài con chó và cừu, nhưng không thấy trên người, cho đến năm 2004.

Năm 2004, họ phát hiện trường hợp của một cậu bé người Đức, đó là trường hợp rõ ràng nhất được ghi nhận trên người bị đột biến gene tạo protein này. Cậu bé ra

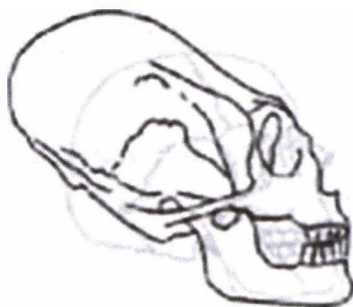
đời với gene myostatin khiếm khuyết, và có sức khỏe phi phàm còn vượt trội so với Liam (ở Liam, gene này vẫn hoạt động nhưng sản xuất ít myostatin).

Tuy nhiên, việc cơ bắp phát triển quá mức cũng đồng nghĩa với việc cơ thể phải tiêu tốn rất nhiều năng lượng để nuôi chúng. Mỗi tiếng Liam lại phải ăn một bữa no bởi cơ thể cậu trao đổi chất quá nhanh.

Các chuyên gia đang xem xét trường hợp của cậu bé để tìm hiểu khả năng nhằm tăng sức mạnh cho con người, cũng như tìm ra cách phát hiện các liệu pháp doping bằng gene.

BÍ ẨN NHỮNG HỘP SỌ NGƯỜI KỖ LẠ

BÍ ẨN TIẾP TỤC BAO TRÙM QUANH
NHỮNG HỘP SỌ NGƯỜI CÓ HÌNH DÁNG KỖ
LẠ MỚI ĐƯỢC TÌM THẤY TẠI SERBIA. CÁC
NHÀ KHOA HỌC ĐANG ĐAU ĐẦU VỚI CÂU
HỎI CHÚNG ĐƯỢC HÌNH THÀNH NHƯ THẾ
NÀO VÀ THUỘC VỀ AI?



*Hộp sọ 10.000 năm tuổi được nhà nghiên cứu
Robert Connolly chụp trong một chuyến thu thập
dữ liệu về các nền văn minh cổ.*

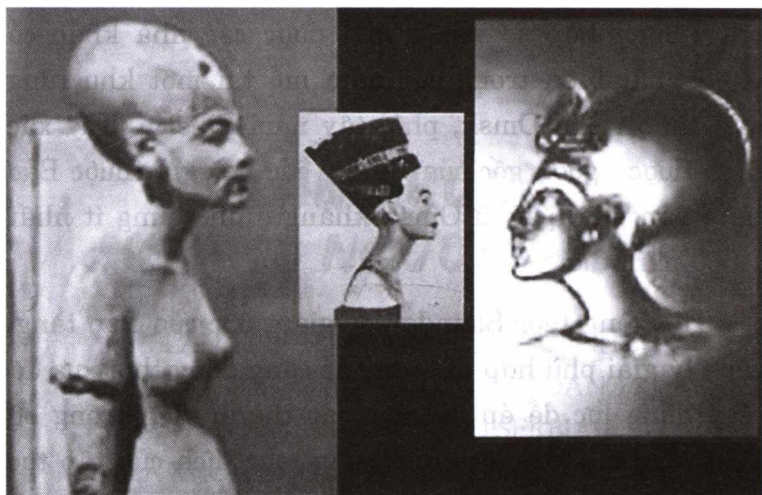
Những hộp sọ người mới được các nhà khảo cổ phát hiện trong các nấm mồ tại một khu rừng gần thành phố Omsk, phía tây nam Siberia. Tuy xác định được nguồn gốc của chúng, các học giả thuộc Bảo tàng văn hóa lịch sử Omsk khẳng định chúng ít nhất 1.600 năm tuổi.

Theo ông Igor Skandakov, giám đốc của Bảo tàng, cách lý giải phù hợp nhất là các cộng đồng thời xưa đã cố ý dùng lực để ép dài đầu các thành viên trong bộ tộc mình từ lúc còn nhỏ. Nhưng mục đích của tập tục này để làm gì thì vẫn còn là một bài toán hóc búa đối với các nhà khoa học

Từ lâu có nhiều người tin rằng chúng thuộc về những người hành tinh ghé thăm trái đất từ hàng nghìn năm trước và ảnh hưởng lên các nền văn minh cổ. “Có nhiều truyền thuyết kể rằng các vị chúa đã giáng trần, họ có đầu dài và được người dân rất kính trọng”, ông Skandakov nói.

Những chiếc sọ dài tương tự như vậy cũng đã được các nhà khảo cổ tìm thấy trên khắp thế giới, phần lớn là ở Trung và Nam Mỹ, trong các ngôi mộ của các bộ tộc cổ xưa.

Vào năm 1995, nhà nghiên cứu Robert Connolly đã tình cờ chụp được hình ảnh một chiếc sọ dài trong một chuyến đi thu thập dữ liệu về các nền văn minh cổ. Nó



Các vị thần Ai Cập cũng đội mũ dài, liệu có mối liên hệ nào ở đây?

được ước tính 10.000 năm tuổi. Ngoài hình dáng kỳ lạ, nó mang những đặc điểm của sọ người hiện đại và người nguyên thủy Neanderthal - mà theo các nhà nhân chủng học đây là điều không thể bởi người Neanderthal chưa bao giờ có mặt tại Nam Mỹ.

Một số người tin rằng những chiếc đầu dài khác thường này có thể là kết quả của tục lệ “bó đầu” của người xưa. Mỗi đứa trẻ sẽ phải bó đầu bằng vải hay dây da từ khi được sinh ra cho đến hết cuộc đời nên đầu sẽ dài ra và phát triển không bình thường.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều điều bí ẩn xoay quanh những hộp sọ này bởi chúng được phát hiện ở nhiều nơi trên thế giới nhưng lại không có liên hệ gì với nhau.

Tại Mexico, người Maya có các vị thần rắn đội mũ dài, nhiều màu. Liệu có thể hiểu rằng tầng lớp thượng lưu Maya coi đầu dài là một biểu tượng thời trang? Nhưng tại sao các vị thần lại đội những chiếc mũ khá chau chuốt như vậy phải chăng vì đầu họ cũng dài? Các vị thần Ai Cập cũng đội mũ dài, liệu có mối liên hệ nào ở đây?

Chúng không chỉ được tìm thấy ở Ai Cập, Mexico mà còn xuất hiện tại Malta, Iraq và Syria. Dường như chúng thuộc về những người có quan hệ mật thiết với vua chúa hay các thầy tế.

Trừ Peru và Mexico, các địa điểm khác có vị trí địa lý gần nhau do đó nhiều khả năng những chiếc sọ này bắt nguồn từ cùng một nơi. Gen của người Mexico và Peru cũng có thể giống nhau vì 2 nước này là nơi khởi nguồn của nền văn minh châu Mỹ.

BÍ ẨN Y HỌC - ĐỨA BÉ KHÔNG CHỊU LỚN

CÁC BÁC SĨ ANH RẤT BỐI RỐI TRƯỚC TÌNH TRẠNG CỦA MỘT EM BÉ 14 THÁNG TUỔI, VÌ BÉ CHỈ NẶNG NHƯ MỘT ĐỨA TRẺ SƠ SINH.

Atlanta Ruzman, người Anh, cho biết lần đầu tiên chị phát hiện thấy có điều gì đó bất thường với cái thai của mình là ở tháng thứ bảy, khi bụng chỉ hơi nhô lên. Tôi nghĩ mình mang bầu rất nhỏ, Ruzman, 24 tuổi, kể lại.

“Tôi đến gặp bà đỡ của mình và hỏi liệu có vấn đề gì không. Bà ấy đo vòng bụng và nói, tôi quả thực khá nhỏ”.

Ruzman đến bệnh viện, ở đó chuyên viên scan xác nhận em bé đang lớn trong bụng chị nhỏ một cách bất thường. Sợ rằng đứa bé sẽ không đủ dinh dưỡng nếu ở trong tử cung thêm nữa, các bác sĩ đã quyết định kích đẻ tuần thứ 36 và 4 ngày.

Bé Suraya Brown chào đời chỉ nặng 1,25 kilogram. Đó là thời điểm 14 tháng trước. Nhưng đến tận hôm

nay, các bác sĩ ở Anh vẫn lúng túng với bé, vì dường như Suraya không muốn lớn lên nữa.

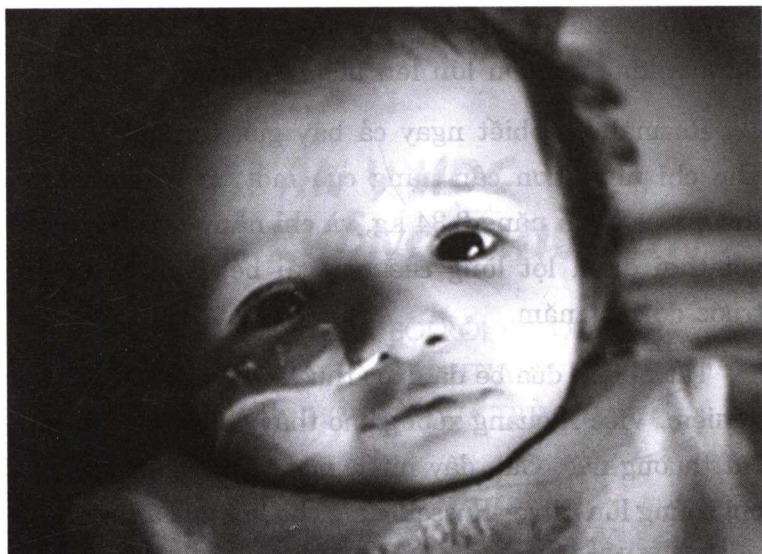
Ruzman cho biết ngay cả bây giờ, con gái chị hầu như chỉ nhỉnh hơn cân nặng của một bé sơ sinh bình thường, với cân nặng 3,34 kg, và chỉ nặng hơn 3 lạng so với thời điểm lọt lòng của chị gái bé, Akilah, ra đời trước đó một năm.

Tất nhiên, đứa bé đã được thực hiện một loạt các xét nghiệm. Việc X-quang xương cho thấy chẳng có dấu hiệu bất thường nào. Gần đây nhất, một xét nghiệm gene về hội chứng lùn Silver-Russell cũng cho kết quả âm tính, và các bác sĩ cũng đã loại trừ một vài dạng lùn khác.

“Tất cả các thử nghiệm đều cho kết quả âm tính”, Ruzman cho biết.

“Trường hợp của bé gái này là rất bất thường”, cố vấn nhi khoa Jide Menakaya, người biết Suraya từ lúc mới sinh, cho biết. “Tôi chắc chắn chưa biết đến trường hợp nào như vậy, và tôi đã làm bác sĩ nhi trong gần 17 năm... Chúng tôi đã chạy rất nhiều test, nhưng chưa tìm ra một lý do chắc chắn nào cho việc tại sao bé không lớn”, ông nói.

“Tôi từng chăm một đứa trẻ, rất nhỏ lúc chào đời, lớn rất chậm, mà ban đầu chúng tôi mô tả là do dinh dưỡng kém”, tiến sĩ Ian Holzman, từ Trung tâm Y khoa Mount Sinai ở New York - người không liên quan đến trường hợp



Sự chậm lớn bất thường của Suraya Brown khiến các bác sĩ lúng túng, ở tháng tuổi 14, bé chỉ nặng bằng một trẻ sơ sinh bình thường.

mới đây, nhưng từng gặp các trường hợp chậm lớn tương tự - cho biết. Tuy nhiên, những điều tra sau đó cho thấy đứa trẻ mắc một tình trạng có tên gọi gluten enteropathy - và bé bắt đầu lớn sau khi có sự điều chỉnh chế độ ăn.

Nhưng vì có quá nhiều khả năng có thể gây chậm lớn ở trẻ nhỏ, nên việc tìm ra một nguyên nhân chính xác thường là kết quả của những thử nghiệm và sai lầm.

Cơ thể nhỏ không phải là triệu chứng duy nhất của Suraya. Mẹ bé cho biết con gái chị gần đây thường trải qua những lúc có lượng đường máu rất thấp, mà nếu là ở người lớn có thể gây hôn mê.

Hiện bé đang phải ngủ trong một chiếc thảm đặc biệt theo dõi hơi thở, nhằm phát hiện những tai biến xảy ra trong đêm.

Dù có cuộc sống và sự khởi đầu khác thường, song Ruzman cho biết cô con gái nhỏ của chị vẫn rất tươi tỉnh.

“Nó là một đứa trẻ hạnh phúc, một chú khỉ con hoạt náo”, chị kể, “Đứa bé thông minh, và nó biết những gì đang xảy ra quanh mình”.

Mặc dù vậy, cha mẹ của Suraya vẫn tiếp tục lo lắng về tương lai của con mình. Các nhà tư vấn y khoa đã nói với họ rằng có thể mất nhiều năm nữa mới có lời giải thích cho tình trạng của bé, hoặc câu trả lời không bao giờ đến.

“Tất cả những điều chúng tôi muốn biết là điều gì sẽ xảy ra với con bé trong tương lai - nó có đau đớn không? Nó sẽ phải ăn những gì? Liệu tuổi thọ của nó có khác người không?”.

Trong nỗ lực trả lời những câu hỏi này, các bác sĩ đã quyết định đưa Suraya tới Bệnh viện Great Ormond Street ở London, nơi bé sẽ tiếp tục được kiểm tra. Họ sẽ phẫu thuật cho cô bé để quyết định xem liệu có những bất thường nào ở cổ họng ảnh hưởng tới tình trạng của bé hiện nay hay không.

NGƯỜI TRONG SUỐT

COUNT ORLOFF, NỔI TIẾNG VỚI BIỆT DANH “NGƯỜI ĐÀN ÔNG TRONG SUỐT”, LÀ MỘT TRONG NHỮNG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT NHẤT VỀ KHẢ NĂNG KÌ DIỆU CỦA CON NGƯỜI. THẬM CHÍ, MỘT CUỐN SÁCH ĐÃ RA ĐỜI ĐỂ MÔ TẢ VỀ ORLOFF, KHẲNG ĐỊNH ORLOFF TRONG SUỐT TỚI MỨC NGƯỜI TA CÓ THỂ ĐỌC SÁCH QUA CƠ THỂ CỦA ÔNG.

Những người quan tâm đến khả năng đặc biệt của con người không thể không biết đến trường hợp của Count Orloff. Người ta gọi ông là dị nhân, một số cho rằng ông là người hóa thạch. Chính xác nhất có thể gọi ông là “Người đàn ông trong suốt”.

Ivannow Wladislaus von Dziarski-Orloff sinh năm 1864 tại Hungary. Ông phát triển hoàn toàn bình thường cho đến năm 14 tuổi khi ông mắc phải một căn bệnh hao mòn bí ẩn. Khi vừa đến tuổi trưởng thành, Orloff tồn tại không hơn gì một bộ xương. Ông không thể đứng trên đôi chân của mình và thường



xuyên phải chịu những cơn đau triền miên. Để chống chọi với những cơn đau khủng khiếp, Orloff đã phải dùng đến thuốc phiện. Sau này, những bức ảnh Orloff say sưa với nàng tiên nâu lại là hình ảnh mọi người nhớ nhất về ông.

Mặc dù trong phần lớn thời kì nổi tiếng của Orloff, người ta biết đến ông là người hóa xương, tình trạng của ông lại hoàn toàn ngược lại trên thực tế. Xương

của ông loãng đến mức nó có thể uốn xoắn tùy thích. Kì diệu hơn, ông có làn da mỏng như giấy, và hệ thống bắp thịt teo tóp đến mức chỉ với một chiếc đèn có ánh sáng mạnh, khán giả có thể nhìn thấy những dòng máu chảy qua tĩnh mạch của ông. Thậm chí, khi ánh sáng được chiếu phía sau Orloff, thì người ta vẫn có thể quan sát thấy nó từ phía trước mặt. Rất nhiều kẻ cơ hội thời bấy giờ nhận thức được tính thu hút của khả năng kì diệu này, và đã tìm cách bơm thổi nó lên. Thậm chí, một cuốn sách đã ra đời mô tả khả năng kì diệu của Orloff, khẳng định Orloff trong suốt tới mức có đủ ánh sáng để người ta đọc sách qua cơ thể của ông.

Người ta biết đến Orloff chủ yếu với hai cái tên “Người hóa xương” và “Người đàn ông trong suốt”. Ngoài ra, ông còn được biết đến với một biệt danh khác là “Người cửa kính”. Việc Orloff thể hiện khả năng kì diệu của mình cũng đã đưa ông đi khắp thế giới. Ông đã rất thành công trong việc kinh doanh nhờ chính khả năng đặc biệt này. Orloff qua đời năm 1904.

BÍ ẨN SỰ PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ CỦA SINH VẬT TIỀN SỬ

TRÙNG GIANG VÂN NAM VỐN LÀ MỘT KHU NÚI NHỎ KHÔNG MẤY NỔI TIẾNG. HƠN 2 TỶ NĂM VỀ TRƯỚC, Ở ĐÂY LÀ MỘT ĐẠI DƯƠNG MỀNH MÔNG VỚI NHỮNG NẮM THẮNG VẮNG LẶNG. TRÙNG GIANG - KHU NÚI NHỎ CÓ DIỆN MẠO KHÔNG LẤY GÌ LÀ NỔI BẬT NÀY, ĐẾN NGÀY NAY LẠI ĐƯỢC CÁC NHÀ CỔ SINH VẬT HỌC COI LÀ THÁNH ĐỊA CỦA CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT. Ở CÔN MINH, TRONG RẤT NHIỀU NHỮNG KHO TÀNG CỦA BỌN TRẺ, CÓ THỂ DỄ DÀNG TÌM THẤY KHỦNG LONG Ở KỶ JURA, CÁ Ở KỶ ĐEVÔN, SAN HÔ Ở KỶ KACRU...

Những trẻ ở trường học phía Tây Côn Minh dường như trong tay mỗi đứa đều có hóa thạch của động vật biển ở Kỷ Hán Vũ. Bởi ngôi trường của chúng được xây dựng trên đáy biển của Kỷ Hán Vũ 5 tỷ năm trước.

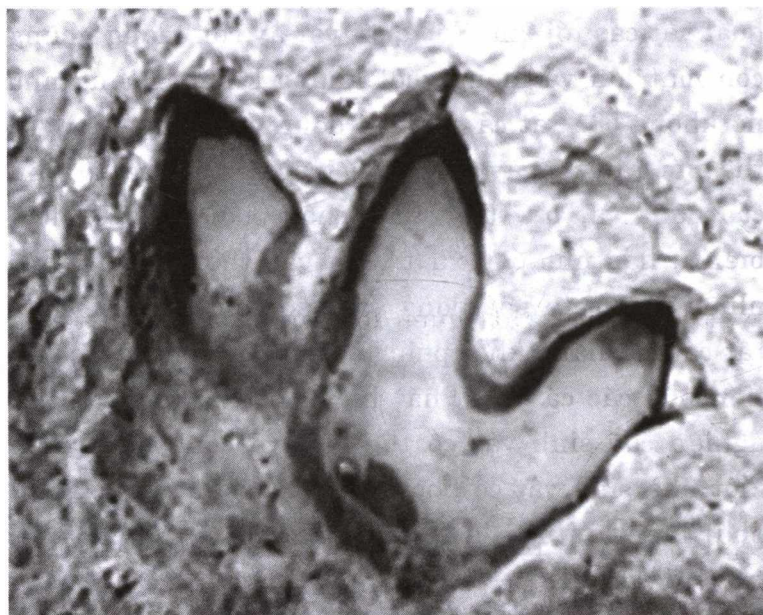


Ở đây, bí mật lạ lùng của lịch sử sự sống trên Trái đất đang được dần dần hé mở. Cách đây 5,3 tỷ năm, ở vùng biển cạn này đã diễn ra một sự tiến hóa vô cùng quan trọng. Sự sống đã trải qua một sự tiến hóa đại quy mô mang tính cách mạng. Một lớp động vật trong nháy mắt sẽ xuất hiện trên Trái Đất. Sự xuất hiện đột nhiên của những động vật này đã điểm thêm cho hành tinh xanh một màu sắc thật sinh động.

Các nhà cổ sinh vật học thậm chí đã dùng từ “*bùng nổ*” để thể hiện tính đột nhiên này, hình thức của những động vật này rất khác nhau, lớn nhỏ không đều, từ những vi sinh vật chỉ có vài mm đến những

quái vật cao tới 2m. Các quái vật ấy còn mang những con mắt lớn và móng vuốt khủng khiếp. Dường như nó khống chế tất cả các loài động vật khác. Cũng có thể nói rằng, ngày nay trên trái đất tất cả tổ tiên của động vật bay trên trời, chạy dưới đất, bơi dưới biển,... hầu như đều xuất hiện vào thời kỳ này. Rất nhiều những tế bào động vật bao gồm cả loài người rất có khả năng khởi phát từ đây, mở ra một lịch sử tiến hóa các cá thể. Phát hiện này đã làm cho giới nghiên cứu sinh vật cổ thế giới vô cùng hào hứng. Một nhà sinh vật cổ học người Đức có uy tín, đã gọi phát hiện lớn này là *"Giống như một tin tức từ trên trời rơi xuống"*.

Trung tâm Nghiên cứu sự sống thời kỳ đầu ở Trung Quốc đang trưng bày những tiêu bản hóa thạch mang nhiều hình thái khác nhau. Những hóa thạch trùng Naro cuộn tròn, hoặc nằm nghiêng, hoặc thẳng đứng. Cấu trúc thân mềm của trùng Naro được bảo tồn hoàn hảo, thậm chí chúng ta có thể nhìn thấy cả thức ăn còn đầy trong ruột của chúng. Như vậy, trước lúc chết, trùng Naro vẫn ăn một bữa bình thường. Ở đó có cả loài trùng gân với mạng gân xương kiểu gân lá cây, khi chết vẫn còn giữ nguyên được thế đứng thẳng, làm người xem không khỏi kinh ngạc. Những con sứa có xúc tu mảnh dẻ, thân nhẵn nhụi, có cỏ vòng; những thiên khẩu trùng, hải khẩu trùng bị chôn vùi thành đàn chứng tỏ chúng



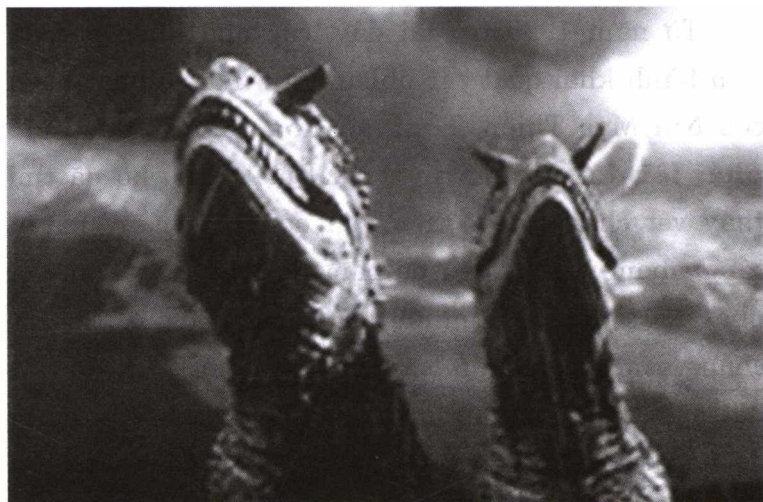
Vết chân Khủng long

đã tụ hội và cùng chết trong một tai nạn bất ngờ. Những hóa thạch có cấu trúc thân mềm này hiện nay ngoài Côn Minh - Trung Quốc, người ta vẫn chưa tìm thấy ở nơi nào trên thế giới có.

Năm 1985, một nhà sinh vật học cổ Trung Quốc đã phát biểu: *"Trùng Naro khai quật được ở Mạo Thiên Trùng Giang, hóa thạch động vật cổ xưa này đã mở ra một trang quan trọng trong lịch sử nghiên cứu quần thể sinh vật ở Trùng Giang"*. Năm 1995, tại Trung Quốc đã diễn ra hội thảo Quốc tế về *"Đại bùng nổ Kỷ Hán Vũ"* của các nhà khoa học trên thế giới.

Từ năm 1990 trở lại đây, các nhà khoa học đã tiến hành khai quật rất nhiều lần ở nơi có hóa thạch của Núi Mạo Thiên. **Tổng số hóa thạch thu được phải lên tới hàng vạn mẫu.** Dường như họ đã tìm thấy vết chân của tổ tiên loài động vật ngày nay ở tầng nham thạch màu da cam đỏ. Ngoài ra, họ còn phát hiện được rất nhiều loài sinh vật đã bị tuyệt chủng. Hàng ngàn vạn loài sinh vật đông đúc trên trái đất ngày nay quy nạp lại mới có 35 ngành, trong khi đó hóa thạch ở Trùng Giang người ta đã phát hiện được một cấp hệ thống hơn 20 ngành. Điều này chứng minh rằng, ở Kỷ Hán Vũ thể cơ bản của động vật mang tính đa dạng đã được thiết lập.

Trong hóa thạch sinh vật cổ này, có thể thấy một mẫu hóa thạch có chấm những điểm hồng hồng, đây là hóa thạch của mầm hải đậu. Mầm hải đậu mà chúng ta thấy ở biển ngày nay cũng giống y như vậy. Cũng có thể nói rằng, từ cổ xưa tới ngày nay nó không hề biến đổi. Nhưng lại có những động vật tiến hóa nhanh chóng đến kinh ngạc. Ví dụ: Tổ tiên của động vật có xương sống - Trùng Vân Nam theo chiều hướng khác nhau tiến hóa thành loài cá, loài lưỡng thể, loài bò sát (bao gồm cả khủng long sau này đã bị tuyệt chủng), loài chim và loài động vật có vú (bao gồm cả loài người).



Khủng long ở Kỷ Jura.

Trước những hóa thạch sinh vật có hàng ngàn vạn hình thái, người ta đặt ra câu hỏi: **Đại bùng nổ Kỷ Hán Vũ có phải đã từng diễn ra? Trước đại bùng nổ, Trái đất đã xảy ra điều gì? Điều gì đã dẫn đến sự tiến hóa mạnh mẽ này?** Đây là một loạt bí ẩn của lịch sử tiến hóa đang chờ các nhà khảo cổ học và sinh vật học tìm tòi đưa ra ánh sáng.

BÍ ẨN VỀ THÀNH CỔ Ở SA MẠC

NHÌN KHẮP VÙNG SA MẠC RỘNG MÊN
MÔNG MỘT MÀU CÁT VÀNG DƯỜNG NHƯ
KHÔNG THỂ TÌM THẤY CHÂN TRỜI. BAN
NGÀY NHIỆT ĐỘ CAO NHẤT CÓ THỂ LÊN
ĐẾN HƠN 40 ĐỘ C, BUỔI TỐI LẠI CÓ THỂ HẠ
XUỐNG -40 ĐỘ C. MỘT VÙNG ĐẤT NHƯ VẬY
ĐẾN ĐỘNG VẬT CŨNG KHÔNG DÁM ĐẶT
CHÂN ĐẾN THỬ HỎI CÓ AI MUỐN ĐẾN ĐỊNH
CƯ TRÊN VÙNG ĐẤT KHẮC NGHIỆT NÀY?

Thật kỳ diệu, năm 1862 nhà khảo cổ học người Pháp - Me Dawallgai - lần đầu tiên phát hiện ra mấy trăm thành cổ bị chìm lấp suốt hơn 1000 năm ở phía Bắc sa mạc lớn Syrian. Từ những vương pháp, điện miếu cao vút với tường rộng và trên lớp nhám thạch đá trắng rải trên nền đất chúng ta không dễ nhận thấy sự phồn vinh xưa kia của những thành cổ này. Chỉ qua những đường phố hoang tàn tĩnh mịch với những trận bão cát bay tứ tung và những gian nhà bị cát



Thành cổ ở sa mạc Syrian

vùi mất một nửa chúng ta có thể nhận thấy đây là một “*Thành phố chết*”.

Theo sử sách ghi chép, hơn 6000 năm trước, đây là trục giao thông từ Syrian đến các nước ở phương Tây và phương Đông, là một trong những vùng đất phát sinh nền văn minh cổ đại. Một thành phố phát triển thịnh vượng như vậy, tại sao nhân loại lại bỏ quên khiến cho nó trở thành “*Thành phố chết*” như hôm nay?

Một nhà khảo cổ học cho rằng, **có thể do nguyên nhân suy thoái kinh tế.** Vào năm 611, vua Parsian đánh hạ Antiosz, cắt đứt con đường giao thông đến các nước phương Tây khiến các thương nhân hay đi qua

vùng đất này phải chuyển đường. Thương phẩm ở đây không thể lưu thông nên nền kinh tế bị trì trệ, thành cổ cũng vì vậy mà từ cảnh hưng thịnh đi đến suy vong.

Có nhà khảo cổ học lại không đồng tình với quan điểm đó, họ cho rằng nguyên nhân kinh tế không ảnh hưởng lớn đến sự suy vong của thành cổ, mà cho rằng **nước vẫn là tài sản quý báu nhất**. Tuy thành cổ có hệ thống sông ngòi, kênh mương đan chằng chịt, có nhiều bể chứa nước nhưng nếu trời không mưa thì nước trở thành vấn đề quan trọng đảm bảo sự sinh tồn hay diệt vong đối với người dân nơi đây. Thêm vào đó, đế quốc La Mã cách vùng đất này không xa, đế quốc Bizantine cũng đang ngày càng phồn vinh, một số lượng lớn dân số trong thành cổ chuyển đến nơi khác sinh sống là điều không thể tránh khỏi. Cùng với dòng chảy thời gian, thành cổ này cũng trở thành hoang tàn.

Vậy nguyên nhân nào khiến những con người đó đến xây dựng thành quách giữa sa mạc? Đối với môi trường khắc nghiệt xung quanh thành cổ, họ giải quyết vấn đề sinh tồn như thế nào? Đối với họ mà nói, lo cuộc sống ở đây đã không phải là đơn giản, vậy họ làm sao còn sáng tạo được kỳ tích xây dựng thành cổ? Những nghi vấn này khiến nhiều nhà khảo cổ chưa thể giải thích được, mà từng bước chờ đợi những chứng cứ thực tế mới để tìm câu trả lời.

BÍ ẨN CỦA “NGÔI NHÀ LỚN” THẦN BÍ

“NGÔI NHÀ LỚN” LÀ NƠI SINH SỐNG CỦA BỘ
TỘC ANASAKI, NGƯỜI INDIAN Ở BẮC MỸ.
VÀO THẾ KỶ XV, BỘ TỘC HUYỀN BÍ NÀY ĐÃ
DẦN DẦN MẤT ĐI MỘT CÁCH KHÓ HIỂU
NHƯNG NỀN VĂN HÓA VÀ KIẾN TRÚC BẰNG
ĐÁ MÀ HỌ ĐỂ LẠI VÔ CÙNG TIÊN TIẾN,
KHIẾN NGƯỜI ĐỜI SAU PHẢI KINH NGẠC.



Di tích nền văn hóa Anasaki được phát hiện ở châu Colorado, châu Utah, châu Arigola và châu New Mexico (Nouveau Mexique). Nhưng nơi có những phát hiện quan trọng nhất là khe núi Chaco dài 24km, rộng 1600m thuộc miền Tây bắc New Mexico. Vào năm 1050, những người sống trong khe núi này đã có khả năng sáng tạo vượt bậc. Qua mấy chục năm phát triển, họ tạo ra 12 trấn nhỏ xinh đẹp đặc sắc. **Nơi đây dần dần hình thành trung tâm tôn giáo, chính trị và thương nghiệp của người Anasaki mà sau này được các nhà khảo cổ học gọi là “hiện tượng Chaco”.** Nếu tính cả số người sống ở xung quanh khe núi thì nhân khẩu ở đây lên tới trên 5000 người. Với một bộ tộc trong xã hội thời kỳ đồ đá, sinh sống ở nơi hoang vắng như vậy thì con số 5000 người là cực kỳ lớn. Hơn nữa, kiến trúc nhiều tầng mà họ sinh sống được gọi là “*Ngôi nhà lớn*” có trình độ kỹ thuật rất cao, chỉ những cao ốc xuất hiện sau hàng trăm năm trong các đô thị lớn mới có thể so sánh được.

Nhưng thật kỳ lạ, tại sao tộc người ấy không chọn nơi rộng rãi để sinh sống mà lại tập trung ở mảnh đất nhỏ hẹp này?

Mỗi một “*Ngôi nhà lớn*” đều được dùng hàng chục tấm đá lớn và hơn 2 vạn cột gỗ tùng hoặc gỗ vân sam dựng thành. Lúc đó, không có gia súc thồ và công cụ



vận tải có bánh xe, do vậy, tất cả những vật liệu này đều phải vận chuyển bằng sức người suốt quãng đường dài 5,6km. Những kiến trúc này thể hiện công nghệ làm gạch đá cực kỳ độc đáo. Mỗi viên đá vật liệu đều được đục đẽo theo một yêu cầu nhất định, giữa chúng được gia cố bằng một lớp bùn mỏng, những phiến đá nhỏ được xếp bên trên. Các kiến trúc này cùng với cảnh sắc tự nhiên tươi đẹp đã hòa quện với nhau tạo thành một thể hoàn mỹ tuyệt vời.

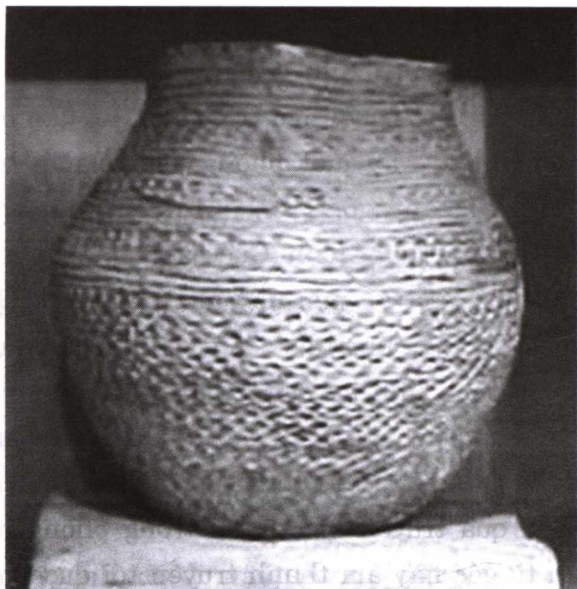
Sự hoành tráng nhất trong “Ngôi nhà lớn” là một kiểu kiến trúc năm tầng hình chữ D, bên trong có khoảng 800 gian phòng, chiếm 60 mẫu đất Anh.

“Ngôi nhà lớn” còn có phòng hình tròn, có vị trí đặc biệt trong đời sống của người Anasaki. Có người qua

khảo cứu phân tích cho rằng đây là nơi tiến hành nghi lễ tôn giáo hoặc tiến hành lễ bái; cũng có người phỏng đoán, nó là nơi cho người ngủ trọ, và là nơi đàn ông tập trung tiêu khiển. Mỗi một phòng đều có mái hình tổ ong được ghép bằng gỗ. Trên đỉnh nóc nhà, người ta dùng đất và đá vụn nhét kín. Cửa vào duy nhất của gian phòng được bố trí trên mái để đàn ông theo cầu thang vào trong nhà. Trên nền nhà còn có một hố thần chuyên dùng để cho tinh linh ma quỷ ra vào. Không khí trong lành được dẫn vào nhà theo một đường ống bằng đá. Gian lớn nhất là gian "*khải ốc*", đường kính 19m, độ sâu 4,5m. Hiệu quả truyền âm thanh trong phòng rất tốt, nói thầm từ góc này âm thanh truyền tới được góc kia, hắt hơi một cái sẽ gây ra tiếng động gần như sấm.

Mỗi một gia đình đều sử dụng một gian phòng trong "*Ngôi nhà lớn*", ngoài các phòng dùng để nấu nướng ăn ở ra còn có kho, chuồng gà, phòng chứa rác, thậm chí còn làm nhà táng. Nhà ở nhìn chung dài 3,5m; cao 2,5m; tường được trát bằng bùn xám, trên tường có nhiều bức họa và để giảm bớt tốc độ tỏa nhiệt vào mùa Đông, cửa sổ, cửa ra vào mở rất nhỏ. Trong nhà đốt lửa sưởi ấm, do không có ống khói nên trên nóc nhà đều có lớp bồ hóng dày.

Những đồ gốm tìm thấy khi khai quật "*Ngôi nhà lớn*", có không ít đồ được làm phỏng theo hình dáng các con vật và vẽ những hình trắng đen, rất rõ nét



sáng sủa. Người Anasaki đã làm ra những đồ trang sức rất tinh xảo, nguyên liệu là đá xanh, vỏ trai, vỏ sò, ngoài ra họ còn tết những cái làn, cái giỏ bằng cỏ rất đẹp. Người Anasaki không chỉ biết đánh trống gõ nhịp, thổi tiêu, sáo (được làm bằng xương chim) mà họ còn vẽ lên tường những hình vẽ rất trù tượng.

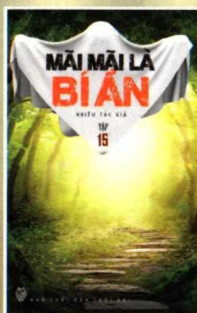
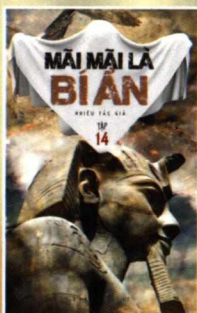
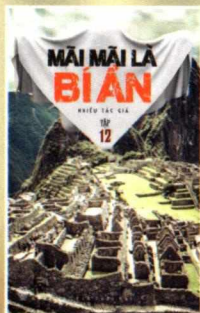
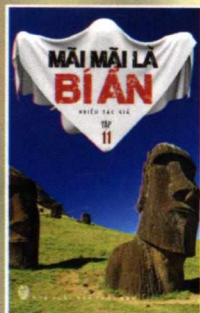
Đến năm 1150, cũng chính là thời điểm quan trọng đạt tới đỉnh cao của sự phồn vinh và hùng mạnh nhất của người Anasaki, văn hóa Chaco lại bắt đầu suy giảm một cách thần bí. Cư dân trong khe núi vứt bỏ thành phố phồn hoa của mình nhanh chóng ra đi.



Trong thế kỷ XII, người Anasazi đã bịt kín tất cả cửa và cửa sổ hướng ra bên ngoài của các gian phòng phía ngoài “*Ngôi nhà lớn*”. Họ dùng đá bịt kín tất cả các cửa vào chủ yếu của gian nhà tập thể, chỉ để lại một cửa cầu thang để họ ra vào. Cách làm này được một số nhà khảo cổ cho là để chống kẻ xâm lược, nhưng lại mâu thuẫn ở chỗ, trong đồng phế tàn ấy, người ta không tìm thấy một thi thể nào không đầy đủ các bộ phận hoặc mang bất kỳ một vết tích chiến tranh nào. Dù vậy, họ cũng đã vĩnh viễn rời bỏ lòng chảo mà họ đã sinh sống hàng trăm năm để ra đi một cách lặng lẽ bí hiểm. Người Anasazi không còn tồn tại trên thế gian này nữa nhưng những bí ẩn về “*Ngôi nhà lớn*” vẫn thu hút sự chú ý của nhân loại, vẫn để cho những người hiện đại không ngừng nghiên cứu, tìm tòi, khám phá.

MỤC LỤC

Chuyện lạ về những quả bóng bằng đá 12 nghìn năm tuổi	5
Bí ẩn hồ xương người khổng lồ trên đỉnh Himalaya	7
Những cái chết trùng hợp đến đáng sợ	15
Bí ẩn cánh đồng "quỷ" ở Trung Quốc	22
Bí ẩn "Thung lũng chết" ở Mỹ	25
Bí ẩn kho báu Thành Tơ roa	33
Bí ẩn sự mất tích của cả một vương quốc	42
Những khối đá huyền bí - Phiến đá được phong thần	48
Những khối đá huyền bí - Đám cưới của nữ thần núi tuyết	53
Những khối đá huyền bí - Linga "tam vị nhất thể"	58
Những khối đá huyền bí - Những huyền thoại đá ở Lào Cai	64
Những khối đá huyền bí - Ramayana trên đài thờ xứ Việt	69
Những khối đá huyền bí - Tiến thân của Đại bàng Kim Sí Diệu	73
Những khối đá huyền bí - Nơi dâng cúng thức ăn lên các thần	78
Những khối đá huyền bí - Thánh ca Veda và miếu thần đầu bể ...	83
Những bí ẩn của lời nguyện cầu	87
Bí ẩn nhục thân các thiền sư - Nhục thân cụ sư Rau	93
Bí ẩn nhục thân các thiền sư - Nhục thân thiền sư Vũ Khắc Trường	97
Bí ẩn nhục thân các thiền sư - Chuyện lạ từ làng Phật Tích	103
Bí ẩn nhục thân các thiền sư - Thiền sư Chuyết Chuyết và hành trình tìm về sự thật	107
Bí ẩn đền thờ Baalbek	112
"Những người mặc đồ đen" bí ẩn là chuyện có thật?	122
Bí ẩn về cậu bé siêu khỏe	131
Bí ẩn những hộp sọ người kỳ lạ	134
Bí ẩn y học - đứa bé không chịu lớn	138
Người trong suốt	142
Bí ẩn sự phát triển mạnh mẽ của sinh vật tiền sử	145
Bí ẩn về thành cổ ở sa mạc	151
Bí ẩn của "Ngôi nhà lớn" thần bí	154



**NHÀ SÁCH
VĂN CHƯƠNG**

78-80 NGUYỄN CHÍ THANH F.2 Q.10

ĐIỆN THOẠI: 08. 3 8307360

WEBSITE: www.vanchuongbooks.vn

EMAIL: nhasachvanchuong@yahoo.com.vn



1 109060 138384

Giá 35.000đ